ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

MCST®
Make Change, Shape Tomorrow

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 21/01/2008 và Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 14/10/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 470/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 10 năm 2026)

Bản cáo bạch này sẽ được cung cấp từ ngày 05/10/2026 tại:

I. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

Trụ sở chính: số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0982354540

Website: https://mcst.vn/

II. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Điện thoại: (024) 39446666 Fax: (024) 3944 6969

Website: http://upstock.com.vn

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Lê Thị Thảo Chức vụ: Tổng giám đốc

Số điện thoại: 0982354540

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 21/01/2008 và Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 14/10/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu	**: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn MCST**
Loại cổ phiếu	**: Cổ phiếu phổ thông**
Mệnh giá	**: 10.000 đồng/cổ phiếu**
Giá chào bán	**: 10.000 đồng/cổ phiếu**
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	**: 9.618.358 cổ phiếu**
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	**: 96.183.580.000 đồng**

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2024: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tháp B2 Tòa n hà Roman Plaza, Đường Tố Hữu, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84 24 5678 8078 Website: uhy.vn

Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2025: Công ty TNHH Kiểm toán BDO

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 20, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 (0) 24 37833911 Fax: +84 (0) 24 37833914

Website: www.bdo.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán UP

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 39446666 Fax: (024) 3944 6969

Website: https://upstock.com.vn/

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8

1. Tổ chức phát hành 8
2. Tổ chức tư vấn 8

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 9

1. Rủi ro về kinh tế 9
2. Rủi ro về luật pháp 14
3. Rủi ro đặc thù 14
4. Rủi ro về đợt chào bán 16
5. Rủi ro pha loãng 16
6. Rủi ro quản trị công ty 18
7. Rủi ro khác 18

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT 19

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH 21

1. Thông tin chung về Công ty 21
2. Quá trình hình thành và phát triển 27
3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành 28
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức phát hành 28
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại. 32
6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 34
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác 36
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành 36
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài 36
10. Hoạt động kinh doanh 37
11. Chính sách đối với người lao động 57
12. Chính sách cổ tức 60

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm tính đến thời điểm hiện nay....60
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành....61
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán....61
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích....61

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH....61

1. Kết quả hoạt động kinh doanh....61
2. Tình hình tài chính....64
3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty....72
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức....72

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG....75

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN....91

1. Loại cổ phiếu....91
2. Mệnh giá cổ phiếu....91
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán....91
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá....91
5. Giá chào bán dự kiến....91
6. Phương pháp tính giá....91
7. Phương thức phân phối....91
8. Đăng ký mua cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng....93
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu....93
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu....94
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu....95
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành....95
13. Hủy bỏ đợt chào bán....95
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài....95

15. Các loại thuế liên quan 96
16. Thông tin về các cam kết 96
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt 98
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN 99
1. Mục đích chào bán 99
2. Phương án khả thi 99
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN 99
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH 106
1. Tổ chức kiểm toán 106
2. Tổ chức tư vấn 106
3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán 107
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 107
XII. PHỤ LỤC 109

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2025 9
Biểu đồ 2 : Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty 29

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST 21
Bảng 2: Cơ cấu HĐQT đương nhiệm của Công ty 29
Bảng 3: Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm của Công ty 30
Bảng 4: Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đương nhiệm của Công ty 31
Bảng 5: Tóm tắt quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty 34
Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 23/03/2026 36
Bảng 7: Cơ cấu Doanh thu thuần theo lĩnh vực kinh doanh trong giai đoạn 2024 – 6/2026 39
Bảng 8: Cơ cấu Lợi nhuận gộp giai đoạn 2024 – 6/2026 40
Bảng 9: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2024 41
Bảng 10: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025 42
Bảng 11: Tình hình tài sản tại ngày 30/06/2026 43
Bảng 12: Các hợp đồng lớn của Công ty từ năm 2024 đến thời điểm hiện tại 45
Bảng 13: Các khách hàng lớn của Công ty 49
Bảng 14: Nhà cung cấp lớn của công ty 49
Bảng 15: Bảng so sánh Kết quả kinh doanh năm 2025 của các công ty trong ngành 52
Bảng 16: Cơ cấu người lao động tại Công ty 57
Bảng 17: Tình hình chi trả cổ tức 02 năm gần nhất 60
Bảng 18: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh 61
Bảng 19: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty 64
Bảng 20: Khấu hao tài sản cố định 65
Bảng 21: Thu nhập bình quân 65
Bảng 22: Mức lương bình quân của một số Công ty trong ngành 66
Bảng 23: Các khoản phải thu 66
Bảng 24: Các khoản phải trả 69
Bảng 25: Các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty 70
Bảng 26: Chi tiết các quỹ của Công ty 70

Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty 71
Bảng 28: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026 72
Bảng 29: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn 75
Bảng 30: Danh sách Hội đồng quản trị đương nhiệm 77
Bảng 31: Danh sách Ban Kiểm soát đương nhiệm 82
Bảng 32: Danh sách Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đương nhiệm 87
Bảng 33: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu 93

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Bà Lâm Thu Huyền	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Thảo	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Hà Thị Hồng Nhung	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông Chu Tuấn An

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán UP tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn chào bán cổ phiếu số 23/2026/TVCB/UPSC-ALV ngày 16/04/2026 với Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và ảnh hưởng trực tiếp đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản.

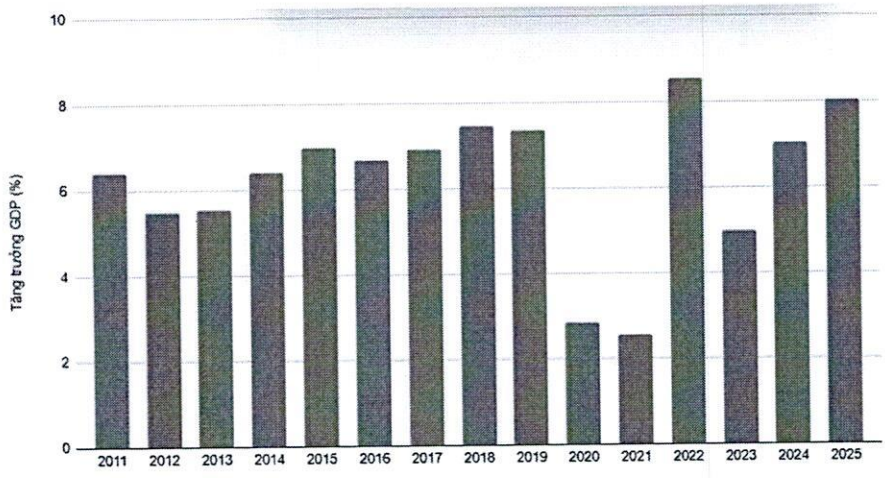
1.1. Rủi ro Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng phản ánh sự phát triển của hầu hết các ngành nghề và lĩnh vực kinh tế.

Trong những năm trở lại đây, nền kinh tế toàn cầu đã có sự tăng trưởng vượt bậc, Việt Nam vì thế cũng nhận được những tác động tích cực từ sự tăng trưởng chung của nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nhưng vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản của nền kinh tế như kiềm chế lạm phát, mặt bằng lãi suất và tỷ giá ổn định đã giúp tình hình kinh tế vĩ mô nước ta trong những năm qua có bước chuyển mình mạnh mẽ.

Năm 2025 có thể coi là bước chuyển dịch mang tính tích cực trên tất cả các ngành nghề, lĩnh vực. Tuy nhiên cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán… đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo bộ, ngành, địa phương triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nhằm khôi phục và phát triển nền kinh tế. Trong khi các tổ chức quốc tế như IMF và OECD dự báo tăng trưởng toàn cầu chỉ ở mức 3,1% - 3,2%, Việt Nam được đánh giá là quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất khu vực Đông Nam Á. Cụ thể, GDP năm 2025 của Việt Nam tăng 8,02%, chỉ thấp hơn mức tăng kỷ lục của năm 2022 là 8,54% trong cả giai đoạn 2011-2025.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2011-2025



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, mặc dù chịu tác động bất lợi từ bão, mưa lũ, nhưng nhờ triển khai kịp thời các biện pháp ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai nên sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì ở mức ổn định. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp năm 2025

ước tăng 3,48% so với năm trước, đóng góp 3,59% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 5,70% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,38%; ngành thủy sản tăng 4,41%, đóng góp 1,33%.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp đạt mức tăng cao nhất kể từ năm 2019 đến nay. Giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp năm 2025 ước tính khoảng 8,80% so với năm trước, đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng toàn nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2019-2025, tiếp tục là động lực tăng trưởng kinh tế, đóng góp 31,49% vào tốc độ tăng trưởng toàn nền kinh tế . Ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,82%, đóng góp 0,60%. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,39%, đóng góp 2,94%. Ngành khai khoáng tăng 0,42%, đóng góp 0,13%. Ngành xây dựng tăng 9,62%, đóng góp 8,47%, cao nhất kể từ năm 2017, tạo thêm nhiều năng lực mới tăng cho nền kinh tế.

Các hoạt động thương mại, du lịch tăng cao, khách quốc tế đến Việt Nam năm 2025 cao nhất từ trước đến nay, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của khu vực dịch vụ. Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ năm 2025 ước tăng 8,62%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 10,66% của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Một số ngành dịch vụ thị trường có tỷ trọng lớn, đóng góp quan trọng vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,52% so với năm trước, đóng góp 10,62%; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,99%, đóng góp 8,69%; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,82%, đóng góp 5,72%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 10,02%, đóng góp 3,34%. Khách quốc tế đến Việt Nam năm 2025 đạt gần 21,2 triệu lượt khách, tăng 20,4% so với năm trước và là số lượng khách đến nước ta đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2025, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,64%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,65%; khu vực dịch vụ chiếm 42,75%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 7,96% (Cơ cấu tương ứng của năm 2024 là 12,03%; 37,52%; 42,35%; 8,10%). Về sử dụng GDP năm 2025, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,95% so với năm 2024; tích lũy tài sản tăng 8,68%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,27%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 17,12%.[1]

Bước sang năm 2026, kinh tế Việt Nam được kỳ vọng tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trên nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô, cùng với sự phục hồi của hoạt động sản xuất – kinh doanh và cải thiện của cầu nội địa. Theo Nghị quyết 01/NQ-CP, Chính phủ mục tiêu tăng trưởng GDP cả nước năm 2026 được đặt ra ở mức phấn đấu từ 10% trở lên, gắn với yêu cầu giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

Trong bối cảnh đó, các động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế dự kiến tiếp tục đến từ khu vực xuất khẩu, đầu tư công và tiêu dùng nội địa. Việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt đối với các dự án hạ tầng giao thông, năng lượng và logistics quy mô lớn, được kỳ vọng sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực đối với các ngành xây dựng, vật liệu và bất động sản. Khu vực công nghiệp chế biến – chế tạo được kỳ vọng tiếp tục đóng góp quan trọng vào tăng trưởng, trong bối cảnh Việt Nam định hướng thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, công nghệ cao.

---

[1] *Trích dẫn Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội Quý IV và năm 2025 của Cơ quan thống kê Quốc gia – Cục Thống kê - Bộ Tài chính https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/*

Tuy nhiên, triển vọng kinh tế năm 2026 vẫn đối mặt với một số yếu tố rủi ro từ môi trường kinh tế và địa chính trị toàn cầu. Trong các tháng đầu năm 2026, tình hình địa chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp khi căng thẳng tại khu vực Trung Đông gia tăng, làm dấy lên lo ngại về nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng và vận tải biển quốc tế, qua đó có thể gây áp lực tăng đối với giá dầu và chi phí logistics toàn cầu. Ngoài ra, cạnh tranh chiến lược và thương mại giữa các nền kinh tế lớn, đặc biệt là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường, có thể ảnh hưởng đến dòng chảy thương mại và đầu tư toàn cầu.

Trong bối cảnh kinh tế năm 2026 được dự báo tiếp tục duy trì tăng trưởng nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định từ môi trường kinh tế và địa chính trị toàn cầu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng nhất định từ các biến động chung của nền kinh tế. Các rủi ro như biến động chi phí nguyên vật liệu, chi phí năng lượng, lãi suất và tỷ giá, cùng với sự thay đổi của chính sách đầu tư công có thể ảnh hưởng đến các hợp đồng thi công xây dựng, hoặc tiến độ phát triển hạ tầng, xây dựng dân dụng tại các địa bàn kinh doanh của Công ty có thể tác động đến hiệu quả hoạt động và kế hoạch mở rộng đầu tư của Công ty. Vì vậy, Ban Lãnh đạo Công ty luôn cập nhật tình hình kinh tế - xã hội vĩ mô nhằm xây dựng và hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty phù hợp với những thay đổi của tình hình kinh tế trong nước cũng như trên thế giới.

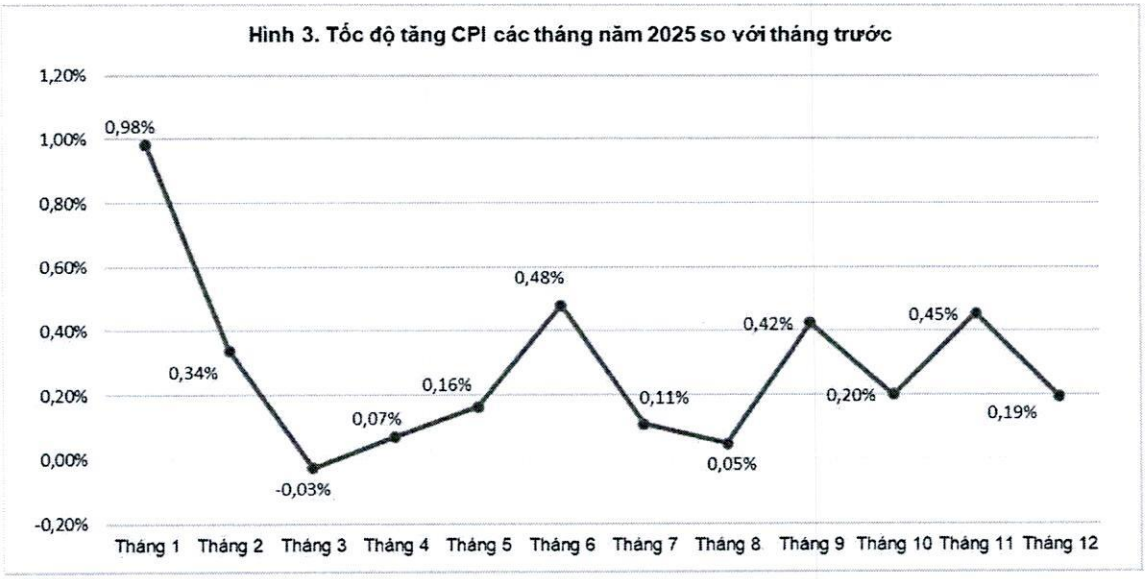
1.2. Rủi ro Lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí sản xuất kinh doanh trong khi giá hàng hoá lại bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường. Bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, giảm phát cũng tiềm ẩn rủi ro đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát, chính vì vậy, Chính phủ đã thực hiện quyết liệt trong việc đưa ra các chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, CPI bình quân tăng 3,31%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra; lạm phát cơ bản tăng 3,21%, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Đây là kết quả tích cực từ việc chủ động điều hành giá các mặt hàng thiết yếu như y tế, giáo dục và điện sinh hoạt, góp phần quan trọng vào việc ổn định kinh tế vĩ mô...

Biểu đồ 2: Tốc độ tăng CPI của Việt Nam trong năm 2025

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Cả năm 2025, CPI tăng 3,31% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Riêng tháng 12, CPI tăng 0,19% so với tháng trước với 09 nhóm hàng hóa và dịch vụ tăng giá và 02 nhóm giảm giá, cho thấy áp lực lạm phát vẫn tồn tại, đặc biệt ở nhóm hàng thiết yếu và dịch vụ.

Các nhóm có mức tăng đáng chú ý gồm nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,75%, đóng góp lớn nhất vào CPI chung (0,27 điểm phần trăm), trong đó thực phẩm tăng 0,98%, lương thực tăng 0,55% và ăn uống ngoài gia đình tăng 0,29%. Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,06%, chủ yếu do giá gas tăng 2,08%, dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,62%, vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,55% và giá thuê nhà tăng 0,19%. Nhóm may mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,20% do nhu cầu mua sắm cuối năm; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,19% (trong đó giá đồ trang sức tăng 2,71% theo giá vàng thế giới). Bên cạnh đó, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,16%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,06%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%; nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,02% và nhóm giáo dục tăng 0,01%.

Ở chiều ngược lại, nhóm giao thông giảm 1,08% do giá dầu diesel giảm 7,84% và giá xăng giảm 2,38%, góp phần kìm hãm đà tăng CPI chung; nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,12%[2].

Theo thông tin từ Bộ Tài chính, năm 2026 Việt Nam xây dựng ba kịch bản lạm phát với mức tăng CPI bình quân khoảng 3,6%, 4,1% và 4,6%, đồng thời mục tiêu điều hành là kiểm soát lạm phát quanh mức khoảng 4,5% nhằm duy trì ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Trong bối cảnh đó, mặt bằng giá năm 2026 được dự báo tăng ở mức hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và tiêu dùng trong nền kinh tế. Trong 6 tháng đầu năm 2026, lạm phát tại Việt Nam được kiểm soát trong mục tiêu đề ra nhưng chịu áp lực tăng. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 4,38% và lạm phát cơ bản tăng 4,12% so với cùng kỳ năm 2025. Mục tiêu kiểm soát lạm phát cả năm 2026 được Quốc hội và Chính phủ đặt ra là bình quân khoảng 4,5%.[3]

---

[2] *Nguồn dữ liệu: https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/*

[3] *Nguồn thông tin: https://thitruongtaichinhtiente.vn/6-thang-dau-nam-2026-cpi-tang-4-38-lam-phat-co-ban-tang-4-12-84030.html*

Trong trường hợp lạm phát của Việt Nam tăng cao thì chi phí hoạt động của Công ty, bao gồm cả chi phí cho nhân viên, chi phí nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí tài chính và các chi phí quản lý khác dự kiến cũng sẽ tăng theo tương ứng. Nếu Công ty không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá dịch vụ cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và do đó ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình kinh doanh, tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

1.3. Rủi ro về Lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng xảy ra tổn thất cho doanh nghiệp do sự biến động của lãi suất thị trường, ảnh hưởng đến chi phí vốn và lợi nhuận. Khi lãi suất tăng, đặc biệt trong bối cảnh lạm phát cao hoặc chính sách tiền tệ thắt chặt, chi phí vay vốn của doanh nghiệp cũng tăng theo, gây áp lực lên dòng tiền và khả năng sinh lời.

Đối với các công ty sử dụng nhiều vốn vay như các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng như Công ty, việc đánh giá rủi ro lãi suất là rất cần thiết để chủ động kiểm soát tài chính, đảm bảo tính ổn định trong hoạt động kinh doanh và duy trì kế hoạch đầu tư dài hạn.

Năm 2025, kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại và chịu tác động đa chiều từ chính sách thuế quan của Mỹ cùng căng thẳng địa chính trị gia tăng. Dù lạm phát đã hạ nhiệt về mức mục tiêu, nguy cơ rủi ro trên thị trường tài chính toàn cầu và sự phân hóa trong chính sách của các ngân hàng trung ương vẫn tạo ra áp lực lớn. Trước bối cảnh đó, xuyên suốt năm 2025, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chủ động điều hành linh hoạt các công cụ tiền tệ, bám sát chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ nhằm ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định vĩ mô. Việc kiên định duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp đã giúp mặt bằng lãi suất cho vay cả năm 2025 duy trì ở mức đáy, hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp và người dân. Ở chiều ngược lại, mặt bằng lãi suất tiền gửi đã ghi nhận đà tăng trở lại từ đầu quý IV/2025 và kéo dài đến cuối năm, phản ánh nhu cầu huy động vốn tăng cao của các tổ chức tín dụng nhằm đáp ứng sự phục hồi mạnh mẽ của cầu tín dụng.

Bước sang năm 2026, lãi suất có xu hướng tăng mạnh, bên cạnh đó room tín dụng bị hạn chế làm ảnh hưởng đến dòng tiền và hoạt động của doanh nghiệp. Tính đến cuối quý II/2026, giới chuyên gia dự báo mặt bằng lãi suất sẽ bước vào giai đoạn bình ổn mới. Lãi suất huy động được kỳ vọng sẽ đi ngang hoặc chỉ biến động nhẹ trong biên độ hẹp nhờ thanh khoản hệ thống được NHNN điều tiết dồi dào. Trong khi đó, lãi suất cho vay nửa cuối năm 2026 dự báo sẽ tiếp tục được duy trì ở mức thấp hơn mức lãi suất trước đó sau đợt giảm nhẹ nửa đầu năm 2026 theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đặc biệt hướng dòng vốn vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh ưu tiên. Dù vậy, dư địa để tiếp tục hạ thêm lãi suất trong năm 2026 sẽ không còn nhiều, phụ thuộc lớn vào áp lực tỷ giá, lạm phát nhập khẩu và lộ trình điều chỉnh lãi suất của các ngân hàng trung ương lớn trên thế giới. Trong bối cảnh Chính phủ đặt mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng GDP ở mức cao và hỗ trợ khu vực doanh nghiệp phục hồi, chính sách tiền tệ nhiều khả năng vẫn ưu tiên ổn định mặt bằng lãi suất cho vay thay vì siết chặt mạnh. Các chuyên gia nhận định lãi suất cho vay năm 2026 sẽ duy trì ở mức hợp lý, đủ để hỗ trợ sản xuất, kinh doanh nhưng vẫn bảo đảm an toàn hệ thống ngân hàng và kiểm soát lạm phát. Về dài hạn, nếu áp lực tỷ giá giảm bớt, lạm phát được kiểm soát tốt và thanh khoản hệ thống cải thiện, lãi suất cho vay có thể tiếp tục giảm thêm ở một số nhóm ngành ưu tiên.

Điều này sẽ góp phần thúc đẩy đầu tư, tiêu dùng và tạo động lực cho quá trình phục hồi kinh tế trong giai đoạn 2026 - 2027.[4]

Trong bối cảnh kinh tế và tiền tệ toàn cầu vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức, việc điều hành chính sách tiền tệ trong thời gian tới sẽ gặp không ít khó khăn do phải cân bằng giữa mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và hỗ trợ phục hồi tăng trưởng. Trong tình hình đó, rủi ro gia tăng lãi suất có thể ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty do chi phí tài chính phát sinh cao hơn. Đồng thời, sự biến động của lãi suất cũng làm ảnh hưởng trực tiếp tới việc huy động vốn, gây khó khăn cho Công ty trong việc triển khai các kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

CTCP Tập đoàn MCST hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng... các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro ngành và thị trường

Ngành xây dựng chịu ảnh hưởng đáng kể từ diễn biến của nền kinh tế, chính sách đầu tư công và tình hình thị trường bất động sản. Khi nền kinh tế tăng trưởng chậm hoặc hoạt động đầu tư suy giảm, nhu cầu triển khai các dự án xây dựng và hạ tầng có thể bị ảnh hưởng, từ đó tác động trực tiếp đến khả năng tìm kiếm việc làm, doanh thu và hiệu quả hoạt động của Công ty. Đồng thời, mức độ cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành cũng tạo áp lực đối với việc duy trì thị phần và biên lợi nhuận của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Công ty còn phải đối mặt với những rủi ro về định hướng phát triển dài hạn của ngành. Sự chuyển dịch mạnh mẽ của toàn cầu sang xu hướng xây dựng xanh, phát triển bền vững và yêu cầu khắt khe về số hóa công nghệ như việc triển khai ứng dụng BIM (Building Information Modeling - Mô hình thông tin công trình) đòi hỏi sự đổi mới liên tục. Nếu chậm trễ thích ứng, công ty sẽ đối diện với nguy cơ tụt hậu và mất lợi thế cạnh tranh tại các dự án quy mô lớn.

Để kiểm soát rủi ro này, Công ty không ngừng tìm kiếm nguồn nhân sự có năng lực và trình độ chuyên môn cao, đồng thời nghiên cứu và từng bước áp dụng các công nghệ xây dựng hiện đại trong việc triển khai dự án thi công của Công ty.

---

[4] Nguồn thông tin: https://nief.mof.gov.vn/kinh-te-xa-hoi/du-bao-lai-suat-ngan-hang-trong-thoi-gian-toi-12898.html

3.2. Rủi ro biến động chi phí nguyên vật liệu

Lĩnh vực thi công xây dựng công trình mang tính đặc thù cao, thường xuyên phải đối mặt với rủi ro biến động chi phí nguyên vật liệu. Giá cả các vật tư cốt lõi như sắt, thép, xi măng, cát, đá liên tục dao động mạnh theo chu kỳ thị trường hàng hóa. Đối với những dự án ký kết hợp đồng trọn gói hoặc đơn giá cố định, sự leo thang không lường trước được của giá vật liệu sẽ dồn toàn bộ gánh nặng chi phí lên vai nhà thầu, trực tiếp làm giảm biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Đặc biệt đối với các dự án có thời gian thi công kéo dài, chi phí thực tế thực hiện có thể gia tăng và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh nếu không được kiểm soát phù hợp.

Ngoài ra, bất kỳ sự đứt gãy nào trong việc cung ứng vật tư, dù do khan hiếm nguồn cung hay các yếu tố địa chính trị, đều làm gián đoạn nhịp độ thi công trên công trường, khiến Công ty đối mặt với rủi ro thi công, chất lượng công trình và áp lực tìm kiếm nguồn nguyên liệu thay thế phù hợp với yêu cầu công trình. Để kiểm soát phần nào rủi ro này, Công ty đã tìm kiếm tận nguồn nguyên liệu đầu vào và ký kết hợp đồng cung ứng vật tư dài hạn với các điều khoản bình ổn về giá. Bên cạnh đó, công ty có định hướng tham gia sâu vào chuỗi cung ứng vật tư bằng các hình thức góp vốn, hợp tác đầu tư với các đơn vị khai thác, sản xuất và cung ứng nguyên vật liệu xây dựng, và các mặt hàng khác có liên quan.

3.3. Rủi ro dòng tiền và công nợ

Đặc thù ngành thi công xây dựng khiến dòng tiền phụ thuộc lớn vào tiến độ thi công, nghiệm thu và thanh toán của từng dự án, do đó có thể phát sinh áp lực về công nợ và vốn lưu động trong từng thời kỳ, đặc biệt là nợ đọng xây dựng cơ bản.

Với vai trò nhà thầu thi công xây dựng, Công ty phải ứng trước một nguồn vốn lớn để triển khai thi công, mua sắm vật tư và trả lương nhân công trước khi được chủ đầu tư nghiệm thu và thanh toán. Điều này tạo ra áp lực tài chính cực kỳ lớn đối với Công ty do phải phụ thuộc nhiều vào đòn bẩy tài chính để bù đắp lượng vốn lưu động bị thâm hụt. Khi chính sách tài khóa thắt chặt, các tổ chức tín dụng siết chặt hạn mức cho vay, khiến Công ty gặp áp lực về dòng tiền, đồng thời chi phí lãi vay sẽ trở thành gánh nặng tài chính ăn mòn sức khỏe tài chính của Công ty.

Áp lực chi phí này càng trở nên trầm trọng hơn khi kết hợp với rủi ro thanh toán của chủ đầu tư. Tình trạng chủ đầu tư chây ì, chậm trễ trong công tác giải ngân, hoặc rơi vào trạng thái mất khả năng thanh toán sẽ làm tê liệt dòng tiền của Công ty. Việc vốn lưu động bị ứ đọng tại các dự án cũ khiến doanh nghiệp đứt gãy thanh khoản, mất khả năng xoay vòng vốn cho các công trình mới.

Vì vậy, Công ty hướng đến hạn chế tối đa việc phụ thuộc vào dòng tiền từ các tổ chức tín dụng, thay vào đó là đốc thúc quy trình nghiệm thu, thanh toán và thu hồi công nợ tối đa.

3.4. Rủi ro pháp lý, thủ tục triển khai và thực hiện dự án

Các doanh nghiệp xây dựng như Công ty phải đối phó với rủi ro pháp lý và thủ tục, điển hình là tình trạng ách tắc trong khâu giải phóng mặt bằng. Đất chưa được bàn giao sạch khiến nguồn lực máy móc và nhân công phải nằm chờ, đẩy chi phí cố định tăng cao. Đồng thời, những thay đổi về quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy hay quy định bảo vệ môi trường cũng có thể buộc doanh nghiệp phải thay đổi biện pháp thi công, gây tốn kém thêm đáng kể thời gian và nguồn lực tài chính của nhà thầu.

Bên cạnh đó, môi trường thi công luôn chứa đựng những nguy cơ tai nạn trực tiếp. Một sự cố mất an toàn lao động nghiêm trọng không chỉ gây thiệt hại về nhân mạng mà còn dẫn đến việc dự

án bị cơ quan chức năng đình chỉ thi công vô thời hạn. Hậu quả đi kèm là các rắc rối pháp lý, khủng hoảng truyền thông và đánh mất uy tín nghiêm trọng trên thị trường.

3.5. Rủi ro mở rộng lĩnh vực kinh doanh

Hiện nay, Ban lãnh đạo Công ty đã và đang hướng tới định hướng mở rộng hơn nữa sang các lĩnh vực như thương mại, vật liệu xây dựng, vận tải và kinh doanh bất động sản, Công ty có thể đối mặt với rủi ro về quản trị, phân bổ nguồn lực và khả năng thích ứng với lĩnh vực kinh doanh mới. Ngành xây dựng cũng đòi hỏi nguồn nhân lực có chuyên môn và kinh nghiệm, do đó sự thiếu hụt nhân sự chất lượng cao hoặc biến động nhân sự chủ chốt có thể ảnh hưởng đến năng lực thi công và hiệu quả vận hành. Nhận thức rõ các rủi ro nêu trên, Công ty chủ động xây dựng các biện pháp quản trị phù hợp nhằm kiểm soát tác động bất lợi, nâng cao hiệu quả hoạt động và hướng tới phát triển ổn định, bền vững.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Việc chào bán cổ phiếu của Công ty chịu ảnh hưởng bởi diễn biến của thị trường chứng khoán tại thời điểm thực hiện, điều kiện kinh tế vĩ mô và tâm lý nhà đầu tư. Trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn tiềm ẩn nhiều biến động như lãi suất, lạm phát, tỷ giá và tăng trưởng kinh tế có thể thay đổi theo chu kỳ, thị trường chứng khoán có thể xuất hiện các giai đoạn biến động mạnh về thanh khoản và mức định giá. Khi thị trường kém thuận lợi, nhà đầu tư có xu hướng thận trọng hơn trong việc tham gia các đợt chào bán cổ phiếu, đặc biệt đối với các khoản đầu tư dài hạn.

Mức độ thành công của đợt chào bán cổ phiếu còn phụ thuộc vào cung – cầu cổ phiếu tại thời điểm phát hành, mặt bằng định giá của nhóm cổ phiếu ngành xây dựng cũng như mức độ quan tâm của Nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty. Trong trường hợp điều kiện thị trường không thuận lợi hoặc giá cổ phiếu trên thị trường thấp hơn mức kỳ vọng, đợt chào bán có thể không thu hút đủ nhu cầu đăng ký mua, dẫn đến khả năng cổ phiếu phát hành thêm không được phân phối hết. Khi đó, số vốn huy động thực tế có thể thấp hơn kế hoạch, ảnh hưởng đến tiến độ và mục đích sử dụng vốn của Công ty.

Theo các tài liệu công bố định kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty có đặc điểm tương đối ổn định qua các năm. Tuy nhiên, đặc điểm ổn định của hoạt động kinh doanh không loại trừ khả năng biến động ngắn hạn của thị giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán. Do đó, Công ty không thể đảm bảo chắc chắn về mức độ thành công của đợt chào bán trong mọi điều kiện thị trường, mặc dù các yếu tố nền tảng có thể hỗ trợ mức độ quan tâm của Nhà đầu tư trong dài hạn.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi phát hành thêm cổ phiếu, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty sẽ tăng lên, điều này sẽ dẫn tới rủi ro pha loãng cổ phiếu, cụ thể là giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu và thu nhập trên mỗi cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết sẽ thay đổi. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này là do số lượng cổ phiếu tăng lên trong khi doanh thu, lợi nhuận của Công ty chưa thể tăng tương ứng. Nhà đầu tư cần lưu ý đến rủi ro này, cụ thể như sau:

5.1. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\textit{Giá trị sổ sách/cổ phiếu} = \frac{\textit{Vốn chủ sở hữu}}{\textit{Tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân}}$$

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu lưu hành thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

Ví dụ:

Vốn chủ sở hữu theo BCTC tự lập Quý 2/2026 của CTCP Tập đoàn MCST là 127.916.536.956 đồng. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 9.618.358 cổ phiếu. Giá trị sổ sách của cổ phiếu tại ngày 30/06/2026 được tính là 13.299 đồng/cổ phiếu. Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của cổ phiếu sẽ giảm do tổng số cổ phiếu lưu hành bình quân tăng lên so với hiện tại. Nếu tốc độ tăng trưởng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán (giả sử các yếu tố khác không thay đổi) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm.

5.2. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) Công ty sau khi chào bán

Sau khi phát hành thêm cổ phiếu thì số lượng cổ phiếu sẽ tăng lên, trong khi tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận có thể chưa tăng kịp tương ứng. Điều này sẽ ảnh hưởng tới chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS).

EPS điều chỉnh sau khi phát hành cổ phiếu được xác định theo công thức sau:

$$\textit{EPS điều chỉnh} = \frac{\textit{Lợi nhuận sau thuế}}{\textit{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

5.3. Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Tại ngày giao dịch không hưởng quyền, giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh kỹ thuật theo công thức sau:

$$\textit{Giá tham chiếu điều chỉnh sau pha loãng} = \frac{PR(t\text{-}1) + PR * I}{1 + I}$$

Trong đó:

- **PR(t-1)** là giá giao dịch của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền
- **PR** là giá của cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu
- **I** là tỷ lệ tăng thêm của vốn điều lệ (số lượng cổ phiếu chào bán thêm/số lượng cổ phiếu ban đầu)

Ví dụ:

PR(t-1): Giá đóng cửa của cổ phiếu ALV tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 12.000 đồng/cổ phiếu.

PR: Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu

I: tỷ lệ vốn tăng thêm cho phát hành thêm cổ phiếu là 100%

Khi đó, giá tham chiếu của cổ phiếu ALV tại ngày giao dịch không hưởng quyền được tính như sau:

$$\textit{Giá tham chiếu điều chỉnh sau pha loãng} = \frac{12.000 + (100\% \times 10.000)}{1 + 100\%} = 11.000 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, nếu giá giao dịch của cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền lớn hơn giá chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (10.000 VND/cổ phiếu) thì giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh giảm.

5.4. Rủi ro pha loãng về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Đối với việc chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, trong trường hợp tất cả cổ đông thực hiện toàn bộ quyền mua của mình, tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ không thay đổi. Trường hợp các cổ đông từ chối thực hiện quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu và tỷ lệ biểu quyết của cổ đông đó sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Ví dụ: Cổ đông A năm giữ 1.000.000 cổ phiếu, tương ứng với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại thời điểm hiện tại là 10,4% vốn điều lệ của Công ty. Trong đợt chào bán, theo tỷ lệ thực hiện quyền, cổ đông A được mua thêm 1.000.000 cổ phiếu. Trong trường hợp cổ đông A từ chối thực hiện toàn bộ quyền mua cổ phiếu, sau khi kết thúc đợt chào bán, giả sử đợt chào bán thành công 100%, số lượng cổ phiếu cổ đông A nắm giữ là 1.000.000 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 5,2% vốn điều lệ của Công ty.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là rủi ro xuất phát từ quản trị yếu kém và gây nên những tổn thất trong hoạt động kinh doanh, giảm sút về tài sản và nguồn vốn, biến động về nguồn nhân lực hay những bất cập trong quy trình và hệ thống. Đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST, rủi ro này được hạn chế ở mức thấp nhất nhờ vào nhân sự quản lý là những cán bộ có bề dày kinh nghiệm, nhiều năm gắn bó với Công ty nên có những am hiểu sâu sắc về hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ đúng các quy định và chuẩn mực về quản trị công ty đối với công ty đại chúng niêm yết, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ, vinh danh cán bộ xuất sắc... từ đó nâng cao chuyên môn cũng như tinh thần cống hiến của Người lao động đối với vị trí công việc của mình và Công ty.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty cũng có khả năng gặp phải các rủi ro khác như thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến tình hình hoạt động chung của Công ty.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1. **"Bản cáo bạch":** Tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng khoán của tổ chức phát hành.
2. **"Cổ phiếu":** Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.
3. **"Cổ đông":** Cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
4. **"Cổ tức":** Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
5. **"Điều lệ Công ty":** Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
6. **"Đại hội đồng cổ đông":** Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
7. **"Hội đồng quản trị":** Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
8. **"Ban kiểm soát":** Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
9. **"Ban điều hành":** Ban điều hành của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
10. **"Vốn điều lệ":** Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ
11. **"Tổ chức phát hành":** Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
12. **"Tổ chức tư vấn":** Công ty Cổ phần Chứng khoán UP
13. **"Tổ chức kiểm toán":** Công ty TNHH Kiểm toán BDO
14. Các từ, nhóm từ được viết tắt hoặc được nhắc lại nhiều lần trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ **BCTC**	Báo cáo tài chính
▪ **BKS**	Ban kiểm soát
▪ **CBNV**	Cán bộ nhân viên
▪ **Công ty/MCST/ALV**	Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
▪ **CPI**	Chỉ số giá tiêu dùng
▪ **CTCP**	Công ty cổ phần
▪ **ĐHĐCĐ**	Đại hội đồng cổ đông
▪ **GDP**	Tổng sản phẩm quốc nội
▪ **Giấy CNĐKDN**	Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
▪ **GTCL**	Giá trị còn lại
▪ **HĐQT**	Hội đồng quản trị

▪ **HNX**	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
▪ **KTT**	Kế toán trưởng
▪ **LNST**	Lợi nhuận sau thuế
▪ **NG**	Nguyên giá
▪ **TGĐ**	Tổng Giám đốc
▪ **Thuế TNCN**	Thuế Thu nhập cá nhân
▪ **Thuế TNDN**	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
▪ **TMCP**	Thương mại Cổ phần
▪ **TNHH**	Trách nhiệm hữu hạn
▪ **TP**	Thành phố
▪ **TV HĐQT**	Thành viên Hội đồng quản trị
▪ **UBCKNN**	Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước
▪ **VĐL**	Vốn điều lệ
▪ **VND**	Đồng Việt Nam
▪ **VSDC**	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Công ty

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài: MCST GROUP JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: MCST GROUP ., JSC
- Logo của Công ty:
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 0982354540
- Website: https://mcst.vn
- Người đại diện theo pháp luật: Bà **Lê Thị Thảo** – Tổng Giám đốc
- Giấy CNĐKDN: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 21/01/2008 và Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 19 ngày 14/10/2025
- Vốn điều lệ: 96.183.580.000 VND (Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ một trăm tám mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng)
- Mã cổ phiếu: ALV
- Sàn niêm yết: UPCOM
- Ngành nghề kinh doanh:

Bảng 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ: Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	5229
2	Cho thuê xe có động cơ	7710
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
5	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
6	**Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét** **Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét.**	**0810 (Chính)**
7	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

8	Phá dỡ	4311
9	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
12	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch	4299
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
15	Bán buôn tổng hợp	4690
16	Xây dựng nhà để ở	4101
17	Xây dựng nhà không để ở	4102
18	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
19	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20	Vận tải đường ống	4940
21	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	5022
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Loại trừ: Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)	5222
25	Bốc xếp hàng hóa	5224
26	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
27	Xây dựng công trình đường sắt	4211
28	Xây dựng công trình đường bộ	4212
29	Xây dựng công trình điện	4221
30	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
31	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
32	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu	4229
33	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

34	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
35	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình;	7410
36	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
37	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
38	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: thiết kế kiến trúc; thiết kế kết cấu công trình, thiết kế cơ - điện công trình, thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; Lập quy hoạch xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình	7110
39	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
40	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức	8230
41	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.	8299
42	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
43	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
44	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
45	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
46	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
47	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
48	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
49	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
50	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
51	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
52	Đúc sắt, thép	2431
53	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
54	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
55	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

56	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu Chi tiết: Loại trừ sản xuất vàng miếng	2420
57	Khai thác quặng sắt	0710
58	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
59	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
60	Khai thác và thu gom than bùn	0892
61	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
62	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
63	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
64	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
65	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
66	Sản xuất than cốc	1910
67	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
68	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
69	Sản xuất đồng hồ	2652
70	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
71	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
72	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
73	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
74	Sản xuất pin và ắc quy	2720
75	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
76	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
77	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
78	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
79	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
80	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
81	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
82	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
83	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
84	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
85	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
86	Xay xát và sản xuất bột thô	1061

87	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
88	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
89	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
90	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
91	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
92	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
93	Bán buôn thực phẩm (Loại trừ hàng hóa bị cấm theo quy định pháp luật)	4632
94	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
95	Bán lẻ lương thực	4721
96	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
97	Bán lẻ thực phẩm	4722
98	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
99	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
100	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ: Đấu giá hàng hóa)	4610
101	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)	4672
102	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
103	Thu gom rác thải không độc hại	3811
104	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Loại trừ: đấu giá hàng hóa)	4673
105	Thu gom rác thải độc hại	3812
106	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ: đấu giá hàng hóa)	4661
107	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
108	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Loại trừ: đấu giá hàng hóa)	4671
109	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531
110	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
111	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản. (Điều 61, Điều 67 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023)	6821
112	Tái chế phế liệu	3830

113	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng Chi tiết: Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư (Điều 84 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở)	6829
114	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
115	Cung ứng lao động tạm thời (Loại trừ: cung ứng lao động tạm thời cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và hoạt động của tổ chức dịch vụ việc làm công)	7821
116	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: Cung ứng nguồn nhân lực khác trong nước (không bao gồm cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7822
117	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
118	Dịch vụ bảo đảm an toàn khác	8019
119	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729
120	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
121	Sản xuất linh kiện điện tử khác	2619
122	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo (Loại trừ: Sản xuất điện hạt nhân)	3511
123	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo (Loại trừ: Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội.)	3512
124	Truyền tải và phân phối điện (Loại trừ: Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia)	3513
125	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính)	2817
126	Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính	2620
127	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hóa thạch	1920
128	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
129	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
130	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
131	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST)

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Thông tin chung

CTCP Tập đoàn MCST (ALV), tiền thân là Công ty cổ phần khoáng sản Vinas A Lưới, được thành lập từ tháng 1 năm 2008, hoạt động chính trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; khai thác đá và sản xuất vật liệu xây dựng....

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi Công ty thành lập đến nay

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST, tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới, được thành lập năm 2008. Trải qua quá trình hoạt động, Công ty đã từng bước thay đổi tên gọi, mở rộng ngành nghề kinh doanh và điều chỉnh định hướng phát triển phù hợp với quy mô, năng lực và nhu cầu thị trường từng thời kỳ. Một số mốc phát triển chính của Công ty như sau:

Tháng 1 năm 2008	Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới (ALV.,JSC) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3103000271 (Mã số hiện nay là 3300529819) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 21/01/2008, vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng
Năm 2010	Công ty tăng vốn điều lệ lên 15.000.000.000 đồng, chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: ALV
Năm 2012	Công ty tăng vốn điều lệ lên 17.249.980.000 đồng thông qua hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu.
Năm 2014	Công ty phát hành thêm 1.282.938 cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 30.079.360.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ, phát hành cho cổ đông chiến lược, phát hành cổ phiếu thưởng cho CB-CNV.
Tháng 8 năm 2017	Công ty Cổ phần Khoáng sản Vinas A Lưới đổi tên thành Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng ALV, đồng thời thực hiện việc Phát hành thêm 150.000 cổ phiếu thưởng cho CB-CNV.
Năm 2018	Công ty ALV thực hiện phát hành thêm 2.500.000 cổ phiếu cho cổ đông chiến lược tăng vốn điều lệ lên 56.579.360.000 đồng
Tháng 6 năm 2019	Công ty đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCOM)
Tháng 3 năm 2020	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng ALV đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO
Tháng 2 năm 2022	Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO chuyển trụ sở sang địa chỉ: số 77-79 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Tháng 06 năm 2022	Thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO tại địa chỉ Căn D – 12B, Số 50 Đường N2, Khu đô thị Phố Đông Village, Số 1145 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
Năm 2025	Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST. Đây được coi là cột mốc đánh dấu một giai đoạn chuyển tiếp quan trọng

	trong quá trình phát triểnkhi Công ty tập trung củng cố nền tảng nội tại, đồng thời từng bước tái định vị thương hiệu và định hướng phát triển theo mô hình tập đoàn đa lĩnh vực.
Năm 2026	Tháng 06/2026: Thành lập Chi nhánh Phú Mỹ Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST Tháng 06/2026: Thành lập Chi nhánh Đồng Nai Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST)

3. Cơ cấu tổ chức của tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST không có công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết. Hiện tại, Công ty hoạt động tại Trụ sở chính, địa chỉ: Số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty có 03 chi nhánh hạch toán phụ thuộc, cụ thể:

– Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Năm thành lập: Tháng 05/2022

+ Địa chỉ: Căn D-12B, Số 50 Đường N2, khu Đô thị Phố Đông Village, số 1145 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.

– Chi nhánh Phú Mỹ:

+ Năm thành lập: Tháng 6/2026,

+ Địa chỉ: 67 Hồ Đắc Di, Khu Phố Ông Trịnh, phường Tân Phước, thành phố Hồ Chí Minh

– Chi nhánh Đồng Nai:

+ Năm thành lập: Tháng 6/2026

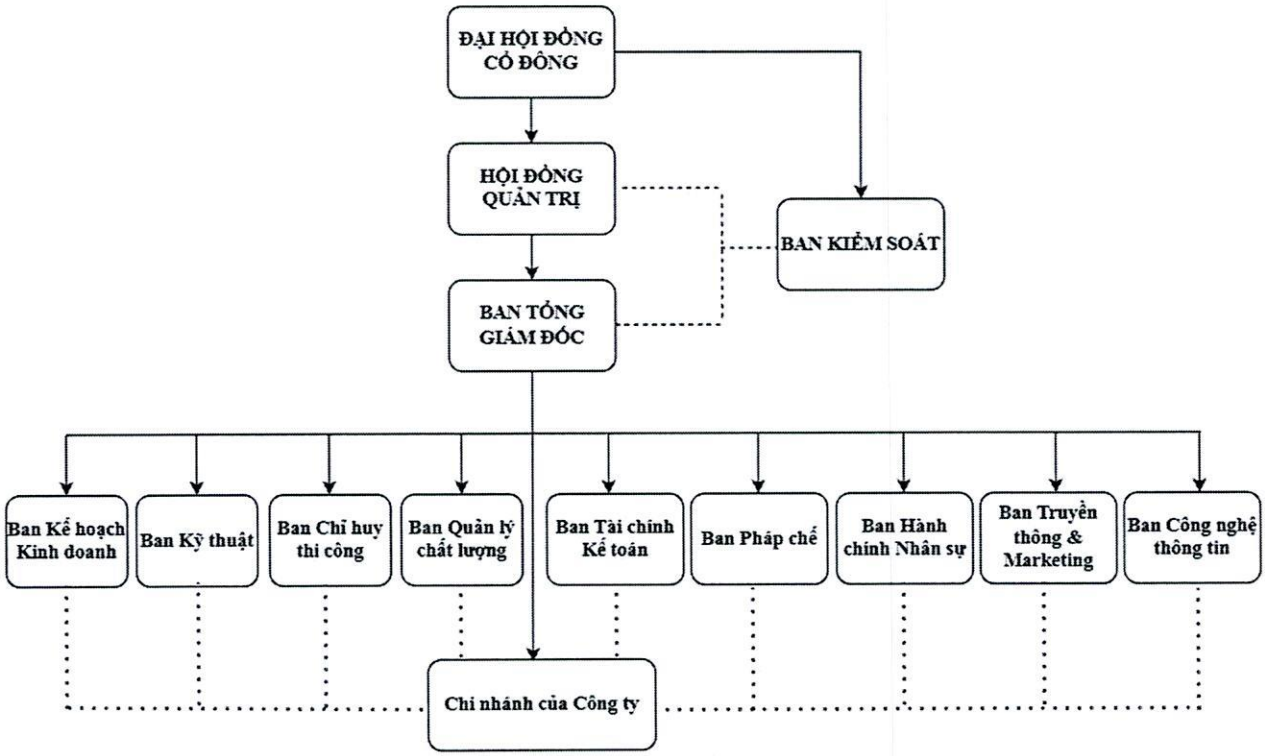
+ Địa chỉ: Tổ 11, KP Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Đồng Nai.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

Biểu đồ 3: Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST)

Diễn giải sơ đồ cơ cấu quản trị Công ty:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức ít nhất một năm một lần. ĐHĐCĐ họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty và các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định.

❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hiện tại HĐQT của CTCP Tập đoàn MCST có 03 thành viên với 100% là thành viên không điều hành.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra.

Bảng 2: Cơ cấu HĐQT đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Lâm Thu Huyền	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Hải Ninh	Thành viên HĐQT
3	Bà Lê Thị Lộc	Thành viên HĐQT

❖ **Ban kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, thành viên Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc và người quản lý khác. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên.

Ban Kiểm soát có quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản ký và điều hành công ty.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty

Bảng 3: Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Lê Hoàng Yến	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Nghiêm Thị Thu Hiền	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ông Lê Xuân Mừng	Thành viên Ban kiểm soát

❖ **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng Giám đốc có quyền và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định các vấn đề trong thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các Hợp đồng/Giao dịch mà Công ty là một bên tham gia, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty.
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng Người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản liên quan đến Hợp đồng lao động của họ.
- Trình Hội đồng quản trị phê duyệt các kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu và nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra.

Bảng 4: Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đương nhiệm của Công ty

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Lê Thị Thảo	Tổng Giám đốc
2	Bà Hà Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng

❖ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các kế hoạch Sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty có các phòng ban chức năng như: Ban Kế hoạch kinh doanh, Ban Kỹ thuật, Ban Chỉ huy thi công, Ban Quản lý chất lượng, Ban Tài chính Kế toán, Ban Pháp chế, Ban Hành chính nhân sự, Ban truyền thông và Marketing và Ban Công nghệ thông tin.

➢ ***Ban Kế hoạch kinh doanh***

Tham mưu xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch doanh thu, kế hoạch thị trường và kế hoạch triển khai hợp đồng, dự án. Tìm kiếm khách hàng, đối tác, cơ hội hợp tác; tham gia lập hồ sơ chào giá, hồ sơ dự thầu, đàm phán, ký kết và theo dõi thực hiện hợp đồng kinh tế.

➢ ***Ban Kỹ thuật***

Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công, hồ sơ kỹ thuật, bản vẽ, khối lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật của các công trình, dự án. Phối hợp với Ban Chỉ huy Thi công và Ban Quản lý Chất lượng để xử lý các vấn đề kỹ thuật phát sinh trong quá trình triển khai.

➢ ***Ban Chỉ huy thi công***

Tổ chức, điều hành trực tiếp hoạt động thi công tại công trường theo tiến độ, biện pháp thi công và yêu cầu kỹ thuật đã được phê duyệt. Quản lý nhân sự, vật tư, thiết bị, nhà thầu phụ; Kiểm soát tiến độ, an toàn lao động, khối lượng thi công và phối hợp thực hiện nghiệm thu công trình.

➢ ***Ban Quản lý chất lượng***

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát chất lượng thi công, vật tư, thiết bị, hồ sơ nghiệm thu, hồ sơ hoàn công và việc tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình quản lý chất lượng của tất cả các nguyên

liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra. Phối hợp với các bộ phận liên quan để phát hiện, xử lý và phòng ngừa các vấn đề ảnh hưởng đến chất lượng công trình, chất lượng các sản phẩm, dịch vụ cung cấp.

➢ ***Ban Tài chính Kế toán***

Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác tài chính, kế toán, quản lý dòng tiền, chi phí, công nợ, tài sản, thuế và các nghĩa vụ tài chính. Tổ chức hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo quản trị và phối hợp kiểm soát hiệu quả tài chính của các hợp đồng, dự án.

➢ ***Ban Pháp chế***

Tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc về các vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; là đầu mối làm việc với luật sư, tổ chức tư vấn pháp lý khi cần thiết. Thẩm định, soạn thảo, rà soát hợp hồng, quy chế quản lý nội bộ và các văn bản pháp lý; tư vấn thủ tục doanh nghiệp.

➢ ***Ban Hành chính nhân sự***

Tham mưu, tổ chức thực hiện công tác tổ chức nhân sự, tuyển dụng, quản lý lao động, tiền lương, chế độ chính sách, đào tạo và đánh giá người lao động. Đồng thời thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu, tài sản văn phòng và các công việc hành chính nội bộ.

➢ ***Ban Truyền thông và Marketing***

Tham mưu, thực hiện công tác truyền thông, quản lý thông tin doanh nghiệp, xây dựng và cập nhật nội dung trên website, tài liệu giới thiệu, hồ sơ năng lực. Phối hợp với các bộ phận liên quan trong công tác quan hệ cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và hỗ trợ hoạt động công bố thông tin theo phân công.

➢ ***Ban Công nghệ thông tin***

Tham mưu, xây dựng chiến lược công nghệ thông tin, chuyển đổi số và kiến trúc hệ thống của Công ty. Quản lý, vận hành hạ tầng công nghệ thông tin; triển khai, vận hành các phần mềm, ứng dụng dùng chung. Tổ chức bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, quản trị dữ liệu và hỗ trợ kỹ thuật cho người dùng trong toàn Công ty.

❖ **Các Chi nhánh:**

Hiện nay, Công ty có 02 chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và 01 Chi nhánh tại Thành phố Đồng Nai. Các chi nhánh có chức năng trực tiếp thực hiện các hợp đồng, công việc theo ủy quyền của Công ty tại các địa bàn khác ngoài trụ sở chính.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 2 năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại.

5.1. Công ty mẹ của Tổ chức phát hành; Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có.

5.2. Công ty con; Những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

6. Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tại thời điểm thành lập năm 2008, vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 (Mười tỷ) đồng. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, và Công ty không thực hiện bất kỳ một đợt giảm vốn điều lệ nào.

Vốn điều lệ hiện nay là 96.183.580.000 đồng (Chín mươi sáu tỷ một trăm tám mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng), tương ứng 9.618.358 cổ phiếu. Chi tiết quá trình tăng vốn như sau:

Bảng 5: Tóm tắt quá trình thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Stt	Thời gian thực hiện	VĐL trước khi thay đổi *(đồng)*	Giá trị vốn tăng/giảm *(đồng)*	VĐL sau khi thay đổi *(đồng)*	Hình thức tăng/ giảm VĐL	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
1	Năm 2008	-	-	10.000.000.000	Thành lập Công ty với vốn điều lệ ban đầu	Cổ đông sáng lập/GCNĐKDN lần đầu	Không có
2	Năm 2010	10.000.000.000	5.000.000.000	15.000.000.000	Tăng vốn điều lệ	Đại hội đồng cổ đông	Không có
3	Năm 2012	15.000.000.000	2.249.980.000	17.249.980.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 15%, trong đó: - Trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu tỷ lệ 1000:886 - Trả cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu tỷ lệ 1000:614	Đại hội đồng cổ đông/UBCKNN	Không có

Stt	Thời gian thực hiện	VĐL trước khi thay đổi *(đồng)*	Giá trị vốn tăng/giảm *(đồng)*	VĐL sau khi thay đổi *(đồng)*	Hình thức tăng/ giảm VĐL	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán
4	Năm 2014	17.249.980.000	12.829.380.000	30.079.360.000	Phát hành 206.938 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho 306 cổ đông với tỷ lệ 12%; phát hành 50.000 cổ phiếu thưởng cho 12 CBCNV; phát hành 1.026.000 cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	Đại hội đồng cổ đông/UBCKNN	Không có
5	Năm 2017	30.079.360.000	1.500.000.000	31.579.360.000	Phát hành 150.000 cổ phiếu cho CBCNV	Đại hội đồng cổ đông/UBCKNN	Không có
6	Năm 2018	31.579.360.000	25.000.000.000	56.579.360.000	Phát hành riêng lẻ 2.500.000 cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	Đại hội đồng cổ đông/UBCKNN	Không có
7	Năm 2025	56.579.360.000	39.604.220.000	96.183.580.000	Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu tỷ lệ 10:7	Đại hội đồng cổ đông/UBCKNN	Không có

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST)

Việc tăng vốn của Công ty đã được thuyết minh chi tiết tại các báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm. Các đơn vị thực hiện kiểm toán các báo cáo này đã đưa ra ý kiến chấp thuận toàn phần BCTC và không có ý kiến về việc các lần tăng vốn của Công ty.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.

Trong 2 năm 2024 – 2025 và đến nay, Công ty không có các khoản góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành 9.618.358 cổ phiếu;

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 9.618.358 cổ phiếu;

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;

Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành (theo mệnh giá): 96.183.580.000 đồng.

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 23/03/2026

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (người)	Số cổ phiếu sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	**Trong nước**	**800**	**9.591.834**	99,72
1.1	*Tổ chức*	*0*	*0*	-
1.2	*Cá nhân*	*800*	*9.591.834*	*99,72*
2	**Nước ngoài**	**8**	**26.524**	0,28
2.1	*Tổ chức*	*3*	*13.140*	*0,14*
2.2	*Cá nhân*	*5*	*13.384*	*0,14*
2.3	*Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ*	*0*	*0*	-
3	**Cổ phiếu quỹ**	**0**	**0**	-
	Tổng cộng	**808**	**9.618.358**	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 23/03/2026 do VSDC cung cấp)

8.2. Cổ phiếu ưu đãi:

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác:

Không có.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật:
- Theo quy định pháp luật, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ:

- Đại hội đồng cổ đông của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài.
- Điều lệ của Công ty không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại:

- Theo Văn bản số 2234/UBCK-PTTT ngày 09/06/2025 của UBCKNN, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.
- Danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ngày 23/03/2026 do VSDC cung cấp, cổ đông nước ngoài sở hữu 26.524 cổ phiếu, chiếm 0,28% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty

- **Kinh doanh Vật liệu Xây dựng**

Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng được xác định là lĩnh vực định hướng trọng tâm trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST. Công ty đặt mục tiêu từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị từ khai thác, sản xuất, chế biến đến phân phối thương mại, hướng tới hình thành hệ sinh thái vật liệu xây dựng đồng bộ và bền vững.

Với mục tiêu đó, MCST định hướng tập trung vào các nhóm sản phẩm chủ lực như xi măng, đá xây dựng, thép xây dựng và các vật liệu phục vụ công trình hạ tầng – công nghiệp. Công ty chủ trương thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác chiến lược với các nhà sản xuất có năng lực nhằm từng bước nâng cao khả năng điều phối nguồn cung, tối ưu hóa công suất và đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật.

Thông qua việc tăng cường liên kết với các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tại các khu vực trọng điểm, MCST hướng đến xây dựng mạng lưới cung ứng rộng khắp, đáp ứng nhu cầu vật liệu cho các dự án hạ tầng và công nghiệp trong nước. Đây là nền tảng để Công ty từng bước khẳng định vai trò trong chuỗi cung ứng vật liệu xây dựng quốc gia.

Trong dài hạn, MCST đặt mục tiêu mở rộng quy mô tham gia vào hoạt động sản xuất, tăng cường đầu tư công nghệ và hoàn thiện hệ thống quản trị nhằm phát triển lĩnh vực này theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả và bền vững.

- **Thi công xây dựng**

Lĩnh vực thi công xây dựng được MCST xác định là hướng phát triển bổ trợ quan trọng trong chiến lược tích hợp chuỗi giá trị. Công ty định hướng tham gia thi công các công trình công nghiệp, hạ tầng giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị khi đủ điều kiện về năng lực tài chính, nhân sự và quản trị. Trong giai đoạn phát triển, MCST hướng tới mô hình tích hợp giữa cung ứng vật liệu và tổ chức thi công, qua đó từng bước kiểm soát tốt hơn chi phí đầu vào, tiến độ và chất lượng công trình.

Công ty đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ quản lý dự án chuyên nghiệp, chuẩn hóa quy trình thi công và nâng cao năng lực quản trị rủi ro.

10.1.2. Quy trình sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được tổ chức theo từng hợp đồng, đơn hàng hoặc dự án cụ thể, phù hợp với đặc thù của lĩnh vực xây lắp, thương mại vật liệu xây dựng, thương mại than và các dịch vụ hỗ trợ liên quan. Quy trình chung bắt đầu từ việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh, tiếp nhận yêu cầu của khách hàng/đối tác, khảo sát điều kiện thực hiện, lập phương án kỹ thuật - thương mại, báo giá hoặc tham gia đấu thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng.

Đối với hoạt động xây lắp, sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty tổ chức lập kế hoạch triển khai, chuẩn bị nhân sự, vật tư, thiết bị, biện pháp thi công và tiến độ thực hiện. Quá trình thi công được kiểm soát theo hồ sơ thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, quy định về an toàn lao động và các điều khoản của hợp đồng. Khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo từng giai đoạn hoặc theo hạng mục để làm cơ sở ghi nhận doanh thu và thanh toán.

Đối với hoạt động thương mại vật liệu xây dựng, than và hàng hóa liên quan, Công ty thực hiện quy trình tiếp nhận nhu cầu, lựa chọn nhà cung cấp, kiểm tra điều kiện giao hàng, chất lượng, giá cả và điều khoản thanh toán trước khi ký kết hợp đồng mua bán. Hàng hóa được giao nhận theo thỏa thuận với khách hàng, có chứng từ giao nhận, hóa đơn và hồ sơ thanh toán phù hợp với quy định pháp luật và quy trình nội bộ của Công ty.

Đối với các hoạt động dịch vụ, cho thuê tài sản, kho bãi, vận tải hoặc hỗ trợ logistics, Công ty tổ chức thực hiện theo hợp đồng dịch vụ, đảm bảo tuân thủ điều kiện cung cấp dịch vụ, thời hạn thực hiện, nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu về an toàn, bảo quản tài sản, hàng hóa. Sau khi hoàn thành, các bộ phận liên quan phối hợp nghiệm thu, đối chiếu công nợ, lập hồ sơ thanh toán và lưu trữ chứng từ theo quy định.

10.1.3. Công nghệ áp dụng

Trong hoạt động xây lắp, Công ty chú trọng tổ chức thi công theo hồ sơ thiết kế, biện pháp thi công, tiêu chuẩn kĩ thuật và yêu cầu nhiệm thu của từng dự án. Các phòng/bộ phận như Phòng Kỹ thuật, Phòng Quản lý chất lượng và Ban Chỉ huy thi công phối hợp kiểm soát khối lượng, chất lượng vật tư, tiến độ, an toàn lao động và hồ sơ nghiệm thu và hồ sơ hoàn công. Ngoài ra, công ty cũng chú trọng đầu tư các xe, máy móc hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

10.1.4. Nguyên vật liệu

Hoạt động xây lắp của Công ty sử dụng các nhóm vật tư chủ yếu như thép, xi măng, cát, đá, vật liệu xây dựng, thiết bị/kết cấu thép, nhiên liệu và vật tư phụ trợ khác. Nguồn cung được lựa chọn theo từng hợp đồng/dự án, căn cứ theo yêu cầu kỹ thuật, tiến độ, giá cả, điều kiện thanh toán và năng lực cung ứng của nhà cung cấp.

Công ty thực hiện mua sắm vật tư theo nhu cầu thi công thực tế, hạn chế tồn kho lớn để giảm áp lực vốn lưu động. Tuy nhiên, do đặc thù ngành xây dựng, biến động giá vật liêu, chi phí vận chuyển và tiến độ cung ứng có thể ít nhiều ảnh hưởng đến giá vốn, biên lợi nhuận và tiến độ thực hiện hợp đồng.

10.1.5. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Chu kỳ hoạt động của Công ty thường không quá 12 tháng, trừ một số dự án có thời gian thực hiện lâu hơn.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có mức độ chịu ảnh hưởng nhất định bởi tính thời vụ của ngành xây dựng, thương mại vật liệu xây dựng và tiến độ triển khai các dự án. Đối với hoạt động xây lắp, doanh thu và lợi nhuận thường phụ thuộc vào thời điểm ký kết hợp đồng, tiến độ thi công, nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thủ tục thanh toán của từng dự án. Do đó, kết quả kinh doanh có thể không phân bổ đều giữa các quý trong năm.

Thông thường, hoạt động thi công thuận lợi hơn trong điều kiện thời tiết ổn định; ngược lại, mùa mưa bão, thời tiết cực đoan hoặc các yếu tố khách quan khác có thể ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, vận chuyển vật tư và tổ chức thi công. Bên cạnh đó, hoạt động thương mại vật liệu xây dựng, than và hàng hóa liên quan cũng chịu ảnh hưởng bởi nhu cầu thị trường, chu kỳ đầu tư công, tiến độ xây dựng của khách hàng và biến động giá nguyên vật liệu đầu vào.

Để hạn chế tác động của tính thời vụ, Công ty chủ động lập kế hoạch triển khai theo từng hợp đồng, kiểm soát tiến độ, chuẩn bị nguồn cung vật tư, theo dõi công nợ và cân đối nguồn vốn lưu động phù hợp với nhu cầu thực tế.

10.1.6. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

Sản lượng sản phẩm dịch vụ trong giai đoạn 2024 - nay

Do đặc thù hoạt động của Công ty trong giai đoạn 2024 - 2025 chủ yếu là xây lắp, thương mại hàng hóa và cung cấp dịch vụ, sản lượng sản phẩm/dịch vụ không được phản ánh theo một đơn vị sản phẩm thống nhất như các doanh nghiệp sản xuất hàng loạt. Vì vậy, Công ty theo dõi quy mô hoạt động thông qua giá trị hợp đồng thực hiện, doanh thu thuần theo từng lĩnh vực, khối lượng nghiệm thu và giá trị dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

Trong giai đoạn 2024 – 2025 và cho đến nay, doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ các mảng hoạt động sau:

- Thi công xây dựng công trình
- Bán hàng hóa: Kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh than, ….
- Dịch vụ cho thuê tài sản: Cho thuê các máy móc, thiết bị thi công như máy xúc, trạm nghiền, ô tô tải … cho các khách hàng có nhu cầu trong ngành xây dựng, khai thác.

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

Bảng 7: Cơ cấu Doanh thu thuần theo lĩnh vực kinh doanh trong giai đoạn 2024 – 6/2026

Đơn vị: triệu đồng

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6T/2026	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng	2.259	0,8	45.263	14,1	165.502	39,8
Doanh thu hợp đồng xây lắp	258.782	94,4	263.698	82,0	234.939	56,5
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.890	4,7	12.652	3,9	15.015	3,6
Doanh thu khác	94	0,03	-	-	47	0,01
Tổng cộng	**274.025**	**100**	**321.612**	**100**	**415.503**	**100**

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC tự lập 6T/2026 của ALV)

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST trong giai đoạn 2024 - 2025 cho thấy sự chuyển dịch đáng kể. Năm 2024, doanh thu thuần đạt hơn 274 tỷ đồng, trong đó doanh thu hợp đồng xây lắp chiếm tỷ trọng chủ đạo với 258 tỷ đồng, tương đương 94,4% doanh thu thuần. Doanh thu cung cấp dịch vụ đóng góp 4,7% và doanh thu bán hàng chỉ chiếm 0,8%. Doanh thu khác (là doanh thu từ việc bán máy móc, thiết bị) đóng góp không đáng kể với 0,03% và không mang tính chất thường xuyên, không phải là hoạt động chính của Công ty. Sang năm 2025, tổng doanh thu thuần tăng và đạt hơn 321 tỷ đồng (tăng 17,37% so với năm trước). Tỷ trọng doanh thu từ hợp đồng xây lắp giảm xuống còn 81,99% cơ cấu doanh thu thuần, đạt giá trị 263 tỷ đồng, trong khi doanh thu bán hàng tăng trưởng và đạt 45 tỷ đồng, chiếm 14,07% tổng doanh thu. Doanh thu cung cấp dịch vụ vẫn duy trì ở mức thấp và giảm nhẹ tỷ trọng xuống còn 3,93% (đạt 12 tỷ đồng).

Cơ cấu này phản ánh đặc thù hoạt động của ALV trong lĩnh vực xây lắp hạ tầng và cung ứng vật liệu – một ngành mang tính chu kỳ và phụ thuộc lớn vào tiến độ nghiệm thu dự án cũng như sức khỏe của thị trường bất động sản, đầu tư công tại khu vực. Dù doanh thu hoạt động xây lắp năm 2025 tăng so với năm 2024 nhưng xét về tỷ trọng trên tổng doanh thu thì giảm nhẹ, chủ yếu xuất phát từ sự tăng trưởng trở lại của mảng bán hàng (thương mại vật liệu/thành phẩm) khi công ty mở rộng được đầu ra hoặc đẩy mạnh bàn giao sản phẩm thương mại, trong khi sự gia tăng đáng kể của mảng bán hàng này đã phần nào thúc đẩy tổng quy mô doanh thu của Công ty, đem đến tiềm năng phát triển mới, góp phần giảm bớt áp lực phụ thuộc vào mảng xây lắp.

Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 8: Cơ cấu Lợi nhuận gộp giai đoạn 2024 – 6/2026

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6T/2026	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Lợi nhuận hàng hoá đã bán	172	0,1%	2.304	0,7%	8.339	2,0
Lợi nhuận hoạt động xây lắp	22.023	8,0%	25.044	7,8%	13.151	3,2
Lợi nhuận cung cấp dịch vụ	3.791	1,4%	3.548	1,1%	5.078	1,2
Lợi nhuận khác	(11)	-	-	-	4	-
Tổng lợi nhuận gộp	**25.985**	**9,5%**	**30.896**	**9,6%**	**26.572**	**6,4**

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC 6T/2026 tự lập của ALV)

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST trong giai đoạn 2024 - 2025 cho thấy dấu hiệu chuyển dịch cơ cấu ngành và tăng trưởng ổn định. Năm 2024, tổng lợi nhuận gộp đạt gần 26 tỷ đồng (tương đương tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần là 9,48%), trong đó lợi nhuận hoạt động xây lắp đóng vai trò cốt lõi với 22 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 8,04% trên doanh thu thuần. Lợi nhuận cung cấp dịch vụ đóng góp 1,38% trên doanh thu thuần, trong khi lợi nhuận hàng hóa đã bán chỉ cấu thành một phần rất nhỏ với 0,1%. Lợi nhuận khác ghi nhận giá trị âm không đáng kể với (11) đồng.

Sang năm 2025, tổng lợi nhuận gộp tăng lên gần 31 tỷ đồng (tăng 18,9% so với năm trước), giúp tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần cải thiện nhẹ lên mức 9,61%. Về cơ cấu, lợi nhuận từ hoạt động xây lắp tiếp tục giữ vị thế chủ đạo, đạt 25 tỷ đồng, dù tỷ trọng trên doanh thu thuần giảm nhẹ xuống còn 7,79%. Đáng chú ý, lợi nhuận từ hàng hóa đã bán có sự bứt phá mạnh mẽ lên 2.303.770.220 đồng, nâng tỷ trọng trên doanh thu thuần lên 0,72%. Ngược lại, lợi nhuận cung cấp dịch vụ sụt giảm nhẹ xuống còn 3.548.457.628 đồng, tương ứng chiếm 1,10% trên doanh thu thuần. Lợi nhuận khác không ghi nhận trong năm này.

Cơ cấu này phản ánh đặc thù hoạt động của ALV khi biên lợi nhuận bị chi phối mạnh mẽ bởi mảng xây lắp hạ tầng – lĩnh vực vốn phụ thuộc lớn vào giá cả nguyên vật liệu đầu vào và tiến độ nghiệm thu quyết toán công trình. Việc gia tăng cả về giá trị tuyệt đối lẫn tỷ suất lợi nhuận gộp tổng thể năm 2025 chủ yếu xuất phát từ sự đóng góp tích cực của mảng hàng hóa (thương mại vật liệu) khi mảng này ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận vượt bậc, kết hợp với sự tăng trưởng ổn định trong giá trị tuyệt đối của mảng xây lắp, từ đó giúp nâng cao năng lực sinh lời tổng thể và giảm bớt rủi ro biên lợi nhuận cho Công ty.

10.2. Tài sản của Công ty

Bảng 9: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2024

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	**55.318**	**28.889**	**52,2**
1. Máy móc, thiết bị	35.416	18.753	53,0
2. Phương tiện vận tải, truyền dẫn	19.852	10.124	51,0
3. Thiết bị, dụng cụ quản lý	50	12	24,2
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	**55.318**	**28.889**	**52,2**

(Nguồn: BCTC năm 2024 đã được kiểm toán của ALV)

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 2.720.000.000 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Sacombank tại ngày 31/12/2024 là 6.088.173.635 đồng (Tại ngày 01/01/2024 là 7.692.915.635 đồng)

Năm 2024, quy mô tài sản cố định hữu hình của ALV gần như không biến động khi nguyên giá duy trì ở mức khoảng 55,3 tỷ đồng, cho thấy doanh nghiệp chưa phát sinh đầu tư mới đáng kể trong năm. Trong khi đó, chi phí khấu hao ghi nhận hơn 8,4 tỷ đồng khiến giá trị còn lại của TSCĐ giảm từ 37,3 tỷ đồng xuống còn khoảng 28,9 tỷ đồng. Cơ cấu tài sản tập trung chủ yếu ở máy móc thiết bị và phương tiện vận tải truyền dẫn, phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất – thi công của doanh nghiệp. Ngoài ra, ALV có khoảng 2,72 tỷ đồng tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng, cho thấy doanh nghiệp tận dụng tài sản hiệu quả.

Bảng 10: Tình hình tài sản tại ngày 31/12/2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	**95.200**	**59.702**	**62,7**
1. Máy móc, thiết bị	60.403	38.465	63,7
2. Phương tiện vận tải, truyền dẫn	34.747	21.235	61,1
3. Thiết bị, dụng cụ quản lý	50	2	4,2
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	**95.200**	**59.702**	**62,7**

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của ALV)

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2025 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.720.000.000 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2025 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 23.425.863.118 đồng (Tại ngày 31/12/2024 là 6.088.173.635 đồng)

Bảng 11: Tình hình tài sản tại ngày 30/06/2026

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
I. Tài sản cố định hữu hình	**128.621**	**87.014**	**67,7**
1. Máy móc, thiết bị	91.230	65.687	72
2. Phương tiện vận tải, truyền dẫn	37.310	21.299	57,1
3. Thiết bị, dụng cụ quản lý	81	28	34,6
II. Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng	**128.621**	**87.014**	**67,7**

(Nguồn: BCTC 6T/2026 tự lập của ALV)

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2026 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.770.445.445 đồng

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2026 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 50.375.551.396 đồng (Tại ngày 31/12/2025 là 23.425.863.118 đồng)

10.3. Thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động của Công ty là trong lãnh thổ Việt Nam. Công ty không có hoạt động tại nước ngoài. Do đó, 100% doanh thu và lợi nhuận của Công ty đến từ thị trường trong nước.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thi công xây dựng, bao gồm các công trình công nghiệp và hạ tầng. Trong năm, Công ty tiếp tục triển khai các dự án đã ký kết từ các năm trước, đồng thời tham gia đấu thầu và ký kết một số hợp đồng mới. Việc lựa chọn dự án được thực hiện theo hướng thận trọng, ưu tiên các dự án có hiệu quả và khả năng kiểm soát rủi ro. Công tác triển khai dự án được thực hiện theo nguyên tắc kiểm soát

chặt chế tiến độ, chất lượng và chi phí. Các Ban chỉ huy thi công được tổ chức trực tiếp tại hiện trường, phối hợp với các phòng ban chức năng nhằm đảm bảo quá trình thi công diễn ra hiệu quả.

Bên cạnh hoạt động xây dựng, Công ty cũng duy trì các hoạt động liên quan như cung ứng vật liệu, dịch vụ hỗ trợ và một số hoạt động thương mại. Tuy nhiên, các mảng này chủ yếu đóng vai trò bổ trợ và chưa chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu. Việc phát triển theo mô hình chuỗi giá trị tích hợp giúp Công ty từng bước nâng cao khả năng chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, việc triển khai đồng thời nhiều lĩnh vực cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về quản trị và phân bổ nguồn lực.

Nhìn chung, cho đến nay, Công ty sử dụng tương đối hiệu quả các nguồn lực tài chính phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh, mang lại nguồn lợi nhuận ổn định cho Công ty.

[Phần này của trang được cố ý bỏ trống]

10.5. Các hợp đồng lớn

Các Hợp đồng lớn Công ty đã thực hiện, đã ký kết và chưa thực hiện từ năm 2024 đến nay như sau:

Bảng 12: Các hợp đồng lớn của Công ty từ năm 2024 đến thời điểm hiện tại

TT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Tên hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ với Người Nội bộ	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
1	Công ty Cổ phần Đầu Tư phát triển Tân Thái Hà	102.519.311.398	Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình	29/12/2023	Từ 29/12/2023 đến 22/10/2025	Thi công các hạng mục Silo (không bao gồm hạng mục cọc móng và đào, đắp móng công trình) dự án Nhà máy xi măng Liên Khê	Không	Không
2	Công ty Cổ phần Thiết bị EPC Việt Nam	Căn cứ vào từng đơn đặt hàng	Hợp đồng nguyên tắc mua bán thép	27/12/2023	Từ 27/12/2023 đến 13/06/2026	Mua bán thép xây dựng phục vụ thi công dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê	Không	Không
3	Công ty Cổ phần Đầu Tư phát triển Tân Thái Hà	38.194.637.000	Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình	20/12/2023	Từ 20/12/2023 đến 21/05/2026	Gia công lắp dựng thiết bị kết cấu thép công trình dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê	Không	Không

TT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Tên hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ với Người Nội bộ	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
4	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thép Nam Hải	Căn cứ vào từng đơn đặt hàng	Hợp đồng nguyên tắc mua bán thép	05/12/2023	Từ 05/12/2023 đến 21/05/2024	Mua bán thép xây dựng phục vụ thi công dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê	Không	Không
5	Công ty Cổ phần Thiết bị EPC Việt Nam	40.176.000.000	Hợp đồng mua bán than	22/09/2025	23/09/2025	Mua bán than Úc nhập khẩu	Không	Không
6	Công ty cổ phần xi măng bạch đằng	16.070.400.000	Hợp đồng mua bán than	26/02/2026	02/03/2026	Mua bán than hỗn hợp	Không	Không
7	Công ty Cổ phần Thanh Tâm	Dựa trên sản lượng mua bán thực tế và giá mua bán theo từng đơn hàng	Hợp đồng hợp tác tiêu thụ sản phẩm	27/02/2026	Từ 27/-2/2026 đến dự kiến hết năm 2026	Hợp tác tiêu thụ sản phẩm cát, đá làm vật liệu xây dựng	Không	Không
8	Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	122.811.444.000	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	06/11/2023	Từ 06/11/2026 đến 30/06/2026	Cung cấp vật tư, gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị kết cấu thép công trình thuộc dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê	Không	Không

TT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Tên hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ với Người Nội bộ	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
9	Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	202.857.710.000	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	27/12/2023	Từ 27/12/2023 đến 22/10/2025	Thi công các hạng mục Silo (không bao gồm hạng mục cọc móng và đào, đắp móng công trình) dự án Nhà máy xi măng Liên Khê	Không	Không
10	Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	281.376.290.203	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	19/07/2024	Từ 19/07/2024 đến 26/06/2026	Mua sắm vật tư kỹ thuật và phi tiêu chuẩn, kết cấu thép và Gia công chế tạo - Lắp đặt thiết bị công nghệ dây chuyền Nhà máy thuộc Dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê	Không	Không
11	Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	12.427.409.314	Hợp đồng thi công xây dựng công trình	15/10/2025	Từ 15/10/2025 đến 28/02/2026	Thi công một số hạng mục phụ trợ phục vụ công tác khai thác, chế biến đá tại mỏ đá vôi núi Ngà Voi	Không	Không
12	Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	42.249.600.000	Hợp đồng mua bán than	22/09/2025	23/09/2025	Mua bán than Úc nhập khẩu	Không	Không
13	Công ty Cổ phần Khoáng sản Kim Bôi - Chi nhánh Hải Dương	16.137.360.000	Hợp đồng mua bán than	26/02/2026	02/03/2026	Mua bán than hỗn hợp lô 6.200T (BD -KB)	Không	Không

TT	Tên đối tác	Giá trị hợp đồng *(đồng)*	Tên hợp đồng	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ cung cấp	Mối quan hệ với Người Nội bộ	Các điều khoản quan trọng khác trong hợp đồng
14	Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	38.921.735.800	Hợp đồng mua bán hàng hóa	22/06/2026	Từ 22/06/2026 đến hiện tại	Hợp đồng mua bán hàng hóa (lô phụ gia)	Không	Không
15	Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	14.796.000.000	Hợp đồng mua bán than	22/06/2026	Từ 22/06/2026 đến hiện tại	Mua bán than cám 4b.1	Không	Không
16	Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	11.768.900.000	Hợp đồng mua bán xe	23/06/2026	24/06/2026	Hợp đồng mua bán lô ô tô đầu kéo	Không	Không

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

Bảng 13: Các khách hàng lớn của Công ty

STT	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch trên doanh thu (đồng) *(chưa bao gồm thuế GTGT)*	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)
1	Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	257.819.955.748	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Cung cấp vật tư, thi công xây dựng công trình	Không có
		303.329.347.602	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Cung cấp vật tư, thi công xây dựng công trình	Không có
		254.135.073.054	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Cung cấp vật tư, thi công xây dựng công trình	Không có
2	Công ty Cổ phần Khoáng sản Kim Bôi - Chi nhánh Hải Dương	16.122.027.564	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Mua bán than hỗn hợp	Không có

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST)

(*) Mối quan hệ với HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

Bảng 14: Nhà cung cấp lớn của công ty

STT	Khách hàng lớn	Giá trị giao dịch trên doanh thu (đồng) *(chưa bao gồm thuế GTGT)*	Thời gian giao dịch	Sản phẩm/dịch vụ	Mối quan hệ (*)

1	Công ty Cổ phần Đầu Tư phát triển Tân Thái Hà	95.577.314.687	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Thi công xây dựng	Không có
		36.686.843.291	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Thi công xây dựng	Không có
		3.886.907.394	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Thi công xây dựng	Không có
2	Công ty Cổ phần Thiết bị EPC Việt Nam	77.785.720.540	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Mua bán vật liệu xây dựng	Không có
		142.465.601.624	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025	Mua bán vật liệu xây dựng	Không có
		35.566.082.441	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Mua bán vật liệu xây dựng	Không có
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thép Nam Hải	5.536.132.220	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Mua bán thép	Không có
4	Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	14.853.912.000	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Mua bán than hỗn hợp	Không có
5	Công ty Cổ phần Thanh Tâm	80.314.989.898	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Tiêu thụ sản phẩm cát, đá làm vật liệu xây dựng	Không có

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST)

(*) Mối quan hệ với HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Cổ đông lớn của Công ty.

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Với định hướng phát triển "Công nghiệp vị nhân sinh" và cam kết hướng tới mục tiêu Net Zero vào năm 2050, Công ty cổ phần Tập đoàn MCST đã từng bước khẳng định vị thế là một trong những doanh nghiệp năng động và uy tín trong lĩnh vực cung cấp vật liệu xây dựng và thi công hạ tầng tại Việt Nam.

Kế thừa nền tảng hoạt động lâu năm trong ngành xây dựng đô thị và giao thông, Công ty đang dồn lực cho chiến lược chuyển mình từ nhà thầu thi công sang nhà đầu tư chiến lược. Theo chiến lược này, MCST tập trung mở rộng quy mô hoạt động theo mô hình tích hợp khép kín: "Sản xuất – Thương mại – Thi công" thông qua việc góp vốn và/hoặc mua lại, sáp nhập các công ty sản xuất vật liệu xây dựng (như các nhà máy xi măng tại khu vực phía Bắc) nhằm gia tăng độ phủ thị trường. Với định hướng phát triển bền vững, gắn tăng trưởng kinh doanh với trách nhiệm xã hội, MCST liên tục cải tiến công nghệ, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp theo thông lệ hiện đại.

Một số ngành, nghề kinh doanh được định hướng mở rộng trong tương lai của Công ty:

- Chế biến và kinh doanh than đá:

  Trước nhu cầu ngày càng gia tăng về năng lượng và nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, MCST xác định chế biến và kinh doanh than đá là một lĩnh vực tiềm năng trong chiến lược mở rộng hoạt động.

  Công ty định hướng hợp tác với các đơn vị khai thác và cung ứng than trong nước nhằm từng bước tham gia vào hoạt động thu mua, phối trộn và thương mại than phục vụ thị trường nội địa. Mục tiêu của MCST là xây dựng năng lực điều phối nguồn cung, kiểm soát chất lượng sản phẩm và tối ưu hóa chi phí logistics trong quá trình phân phối.

  Trong trung và dài hạn, MCST hướng tới phát triển lĩnh vực than theo nguyên tắc minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và đảm bảo hiệu quả kinh doanh, đồng thời góp phần ổn định nguồn cung nhiên liệu cho các khách hàng công nghiệp.

- Logistic và Cảng thủy nội địa:

  Logistics được xác định là lĩnh vực hỗ trợ chiến lược trong quá trình phát triển hệ sinh thái kinh doanh của MCST. Công ty định hướng từng bước tham gia khai thác, hợp tác hoặc đầu tư vào hạ tầng cảng thủy nội địa và dịch vụ kho bãi, trung chuyển hàng hóa.

  Việc phát triển năng lực logistics nhằm mục tiêu nâng cao khả năng chủ động trong vận chuyển than, vật liệu xây dựng và hàng rời công nghiệp, đồng thời tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng.

  Trong định hướng dài hạn, MCST hướng tới xây dựng hệ thống logistics hiện đại, an toàn và đồng bộ, phù hợp với quy mô phát triển của Công ty và nhu cầu thị trường.

- Kinh doanh Bất động sản:

Trên nền tảng kinh nghiệm trong lĩnh vực vật liệu xây dựng và hạ tầng, MCST hướng tới từng bước mở rộng sang hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản khi hội đủ điều kiện về nguồn lực và cơ hội thị trường.

Công ty tập trung nghiên cứu các dự án có tính kết nối hạ tầng cao, đặc biệt là bất động sản công nghiệp và các mô hình hợp tác đầu tư. Mục tiêu là tận dụng sự am hiểu về chi phí xây dựng, tổ chức thi công và quản lý dự án để kiểm soát hiệu quả đầu tư và gia tăng giá trị dài hạn.

Trong chiến lược tổng thể, lĩnh vực bất động sản được xác định là hướng phát triển bổ trợ, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái "vật liệu – hạ tầng – đầu tư" và nâng cao năng lực cạnh tranh của MCST trong tương lai.

Với các chiến lược trên, so với nhiều doanh nghiệp xây dựng hoặc khai khoáng hoạt động đơn lẻ, MCST sẽ có lợi thế vượt trội về khả năng tự chủ nguồn cung nguyên vật liệu (đá, cát, sỏi, xi măng) và một hệ sinh thái dịch vụ đồng bộ (Sản xuất – Thương mại và Logistic – Thi công).

Vị thế và lợi thế cạnh tranh của MCST trong ngành được thể hiện qua các yếu tố và chiến lược hoạt động:

- **Tiềm lực tài chính và huy động vốn:** Cấu trúc tài chính của MCST đang được củng cố vững chắc thông qua các chiến lược tăng vốn và lộ trình chuyển niêm yết cổ phiếu lên sàn HOSE. Điều này tạo nền tảng quan trọng giúp Công ty thu hút các nhà đầu tư lớn, đảm bảo dòng tiền cho việc mở rộng hoạt động sản xuất và thực hiện các thương vụ M&A chiến lược.
- **Năng lực thi công và sản xuất:** Với kinh nghiệm dày dặn trong quản lý, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và khai thác khoáng sản, MCST có lợi thế về chuyên môn kỹ thuật và kiểm soát chất lượng. Công ty chú trọng áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm đảm bảo yêu cầu khắt khe nhất về an toàn, từ đó cải thiện biên lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.
- **Chiến lược đầu tư đồng bộ và tích hợp chuỗi giá trị:** Vị thế của MCST còn được khẳng định qua khả năng tối ưu hóa chuỗi giá trị. Thông qua việc đẩy mạnh đầu tư, ký kết hợp đồng với hơn 10 đối tác chiến lược, MCST đã hình thành một hệ sinh thái công nghiệp xuyên suốt. Việc chủ động từ nguồn cung vật liệu đến khâu thi công cuối cùng giúp Công ty sẵn sàng đáp ứng các tiêu chuẩn hạ tầng quốc gia và đa dạng hóa nguồn thu.

So với các doanh nghiệp cùng ngành, với các chiến lược phát triển được đề ra, MCST có lợi thế về khả năng cung ứng đồng bộ, tính tích hợp cao giữa sản xuất và thi công, cùng chiến lược phát triển xanh rõ ràng. Qua đó, Công ty sẽ duy trì và ngày càng củng cố vị thế là một trong những tập đoàn tiên phong trong việc kiến tạo nền công nghiệp bền vững tại Việt Nam.

Bảng 15: Bảng so sánh Kết quả kinh doanh năm 2025 của các công ty trong ngành

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Công ty cổ phần Tập đoàn MCST	CTCP Đầu tư MST	CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD4	CTCP Xây dựng 1369
Tổng tài sản	177.506	3.201.378	574.806	1.539.234
Vốn chủ sở hữu	112.969	1.171.125	220.516	892.137
Vốn điều lệ	96.184	1.136.042	150.000	617.100
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	321.612	1.508.971	491.409	909.731
Doanh thu tài chính	1.008	184.619	321	31.925
Lợi nhuận khác	314	(39.746.359)	976	(3.742)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.578	28.565	35.841	55.792
Lợi nhuận sau thuế	15.388	22.788	27.137	43.285

(Nguồn: Tổng hợp từ các BCTC năm 2025 được kiểm toán của các công ty)

Thông tin về thị phần của Công ty trong ngành: hiện nay chưa có báo cáo thống kê nào về các doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành với ALV nên Tổ Chức Phát Hành không thu thập được các thông tin, số liệu về thị phần của các doanh nghiệp khác cùng ngành.

10.8. Triển vọng phát triển của ngành

Hoạt động của Công ty gắn liền với ngành xây dựng và bất động sản. Đây là ngành được đánh giá có nhiều cơ hội phát triển nhờ nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì định hướng thúc đẩy đầu tư hạ tầng, phát triển công nghiệp và mở rộng sản xuất kinh doanh.

Đối với lĩnh vực xây dựng công trình, đây được xem là ngành có triển vọng tăng trưởng tích cực trong trung và dài hạn. Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt đối với các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm như cao tốc Bắc – Nam, sân bay, cảng biển, đường sắt và hạ tầng khu công nghiệp. Theo một số báo cáo thị trường, ngành xây dựng Việt Nam được kỳ vọng bước vào chu kỳ tăng trưởng mới từ năm 2025 nhờ nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng và bất động sản công nghiệp tiếp tục gia tăng.

Bên cạnh đó, dòng vốn FDI tiếp tục dịch chuyển vào Việt Nam cũng thúc đẩy nhu cầu xây dựng nhà xưởng, kho bãi, hạ tầng kỹ thuật và các công trình công nghiệp. Đây là yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, thi công công nghiệp và cung ứng vật liệu xây dựng. Một số đánh giá thị trường cho thấy quy mô ngành xây dựng Việt Nam giai

đoạn 2025 – 2029 có thể duy trì tốc độ tăng trưởng tích cực nhờ động lực từ đầu tư công và phát triển công nghiệp.[5]

Đối với hoạt động thương mại đá và than, nhu cầu tiêu thụ nguyên vật liệu phục vụ xây dựng, sản xuất công nghiệp và năng lượng được dự báo tiếp tục duy trì ở mức cao. Việc triển khai đồng loạt các dự án hạ tầng, khu công nghiệp và công trình dân dụng sẽ góp phần thúc đẩy nhu cầu đối với đá xây dựng và các loại nhiên liệu phục vụ sản xuất. Ngoài ra, sự phục hồi của thị trường bất động sản và sản xuất công nghiệp cũng là yếu tố hỗ trợ tích cực cho hoạt động thương mại vật liệu trong thời gian tới.

Tuy nhiên, bên cạnh các cơ hội phát triển, doanh nghiệp cũng có thể đối mặt với một số rủi ro như biến động giá nguyên vật liệu, chi phí tài chính, áp lực cạnh tranh trong ngành xây dựng và những biến động của kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế. Ngoài ra, các chính sách quản lý tài nguyên khoáng sản, môi trường và đầu tư xây dựng ngày càng chặt chẽ cũng đòi hỏi doanh nghiệp phải nâng cao năng lực quản trị, kiểm soát chi phí và tối ưu hiệu quả hoạt động.

Nhìn chung, với xu hướng đẩy mạnh đầu tư hạ tầng, phát triển công nghiệp và nhu cầu vật liệu xây dựng tiếp tục gia tăng, triển vọng phát triển của các lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty trong giai đoạn tới được đánh giá khả quan, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

10.9. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

Định hướng phát triển của ALV được đánh giá tương đối phù hợp với xu hướng phát triển chung của ngành xây dựng, vật liệu xây dựng và thương mại công nghiệp trong giai đoạn hiện nay. Công ty tập trung vào các lĩnh vực xây dựng công trình; thương mại đá, than; tiến tới mở rộng mô hình hoạt động theo chuỗi khép kín: Sản xuất – Thương mại và Logistic – Xây dựng để nâng cao hiệu quả thi công và chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào. Thi công xây dựng và kinh doanh vật liệu xây dựng đều là những lĩnh vực có nhu cầu ổn định và gắn liền với quá trình phát triển hạ tầng, công nghiệp hóa và đô thị hóa của nền kinh tế.

Đối với lĩnh vực xây dựng công trình, định hướng hoạt động của Công ty phù hợp với chủ trương của Nhà nước về đẩy mạnh đầu tư công, phát triển hạ tầng giao thông, khu công nghiệp, năng lượng và đô thị. Trong những năm gần đây, Chính phủ Việt Nam liên tục ưu tiên bố trí nguồn lực cho các dự án trọng điểm quốc gia như hệ thống cao tốc Bắc – Nam, sân bay Long Thành, các tuyến vành đai, cảng biển và hạ tầng logistics. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, thi công công nghiệp và cung ứng vật liệu xây dựng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong lĩnh vực thương mại đá, than, định hướng kinh doanh của Công ty cũng phù hợp với nhu cầu thực tế của nền kinh tế khi nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ xây dựng và sản xuất công nghiệp vẫn duy trì ở mức cao. Đặc biệt, quá trình phát triển hạ tầng và đô thị hóa tiếp tục là động

[5] Báo cáo cập nhật ngành xây dựng Việt Nam tháng 02/2026 của CTCP Chứng khoán Yuanta Việt Nam

lực quan trọng thúc đẩy tiêu thụ vật liệu xây dựng trong trung và dài hạn. Tuy nhiên, xu thế phát triển bền vững trên thế giới cũng đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với việc sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm phát thải và tuân thủ các quy định về môi trường. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp cần từng bước nâng cao năng lực quản trị, tối ưu chi phí và hướng tới hoạt động kinh doanh theo hướng bền vững hơn.

Ngoài ra, việc định hướng cho ALV theo mô hình hoạt động đa ngành cũng giúp Công ty có khả năng phân tán rủi ro và tận dụng cơ hội từ nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế. Đây là định hướng phù hợp trong bối cảnh thị trường còn tiềm ẩn nhiều biến động về kinh tế vĩ mô, lãi suất và giá nguyên vật liệu.

Nhìn chung, định hướng phát triển của ALV được đánh giá phù hợp với định hướng phát triển của ngành xây dựng và công nghiệp, đồng thời bám sát các chủ trương của Nhà nước về phát triển hạ tầng, công nghiệp hóa và thu hút đầu tư. Bên cạnh đó, định hướng này cũng tương đối phù hợp với xu thế phát triển chung trên thế giới về mở rộng hạ tầng, phát triển công nghiệp, hoạt động đa ngành và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, tạo nền tảng cho Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng hoạt động trong các năm tới.

10.10. Hoạt động marketing

Hoạt động marketing và truyền thông của Công ty tập trung vào xây dựng nhận diện thương hiệu MCST, cập nhật thông tin trên website, hoàn thiện hồ sơ năng lực, tài liệu giới thiệu doanh nghiệp, duy trì quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và đối tác. Năm 2025, việc đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST là bước tái định vị thương hiệu, phù hợp với định hướng phát triển đa lĩnh vực lấy xây dựng và công nghiệp làm nền tảng.

10.11. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Căn cứ Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐQT-MCST ngày 10/6/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST về việc thay đổi logo nhận diện thương hiệu mới, Công ty đang sử dụng logo và nhãn hiệu thương mại sau đây trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty:

- Nhãn hiệu thương mại: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST
- Tên tiếng anh: MCST GROUP JOINT STOCK COMPANY
- Logo Công ty:

- Công ty đã đăng ký tên miền: https://mcst.vn/
- Công ty hiện không có phát minh, sáng chế hay bản quyền.

10.12. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Hoạt động nghiên cứu và phát triển của Công ty tập trung vào việc hoàn thiện quy trình quản lý thi công, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện hợp đồng, kiểm soát chi phí, kiểm soát chất lượng

và cải thiện năng lực quản trị nội bộ. Công ty chú trọng cập nhật các quy định pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn xây dựng, yêu cầu về an toàn lao động và môi trường để áp dụng phù hợp trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty đang từng bước nghiên cứu kết hợp các ứng dụng về công nghệ cho các công trình đòi hỏi kết hợp công nghệ, cải thiện hiệu quả thi công xây dựng, đồng thời nghiên cứu thêm định hướng phát triển xây dựng xanh, phù hợp với xu thế chung của thế giới và trong nước.

Trong lĩnh vực thương mại vật liệu xây dựng, than và hàng hóa liên quan, Công ty định hướng nghiên cứu, mở rộng mạng lưới nhà cung cấp, khách hàng và đối tác có năng lực nhằm đảm bảo nguồn hàng ổn định, chất lượng phù hợp, giá cả cạnh tranh và điều kiện giao nhận thuận lợi. Đồng thời, Công ty tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hồ sơ, hợp đồng, công nợ, vật tư và thông tin khách hàng để nâng cao hiệu quả vận hành.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục ưu tiên các hoạt động nghiên cứu, cải tiến mang tính ứng dụng thực tiễn, phù hợp với quy mô và nguồn lực của doanh nghiệp, hướng tới nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh và hiệu quả sử dụng vốn.

10.13. Chiến lược kinh doanh

10.13.1. Các mục tiêu chủ yếu và chiến lược phát triển của Công ty

Định hướng phát triển của ALV là tập trung vào các lĩnh vực xây dựng công trình; kinh doanh thương mại đá, than và các vật liệu xây dựng khác; tiến tới mở rộng mô hình hoạt động theo chuỗi khép kín: Sản xuất – Thương mại và Logistic – Xây dựng để nâng cao hiệu quả thi công và chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào. Trên cơ sở năng lực thi công và kinh nghiệm triển khai các công trình, Công ty từng bước mở rộng có chọn lọc sang các lĩnh vực liên quan như thương mại vật liệu, kinh doanh than, và các hoạt động hỗ trợ khác nhằm gia tăng tính liên kết trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Định hướng này giúp Công ty từng bước hình thành chuỗi giá trị khép kín từ cung ứng vật liệu, thi công xây dựng, thương mại đến vận tải và các dịch vụ hỗ trợ liên quan. Việc mở rộng theo hướng gắn kết với lĩnh vực hoạt động chính không chỉ giúp MCST chủ động hơn về nguồn lực đầu vào phục vụ thi công mà còn góp phần tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, mô hình hoạt động đa lĩnh vực cũng tạo điều kiện để Công ty tận dụng cơ hội kinh doanh từ nhiều mảng hoạt động khác nhau, giảm mức độ phụ thuộc vào một lĩnh vực đơn lẻ trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

Trong điều kiện ngành xây dựng có mức độ cạnh tranh ngày càng cao, MCST định hướng tập trung vào các hợp đồng và dự án phù hợp với năng lực tài chính, năng lực thi công và khả năng quản lý của Công ty. Công ty chú trọng kiểm soát chi phí, quản trị dòng tiền, nâng cao chất lượng thi công và hiệu quả triển khai dự án nhằm đảm bảo tính an toàn và bền vững trong hoạt động kinh doanh. Việc lựa chọn dự án theo hướng phù hợp với năng lực thực tế cũng giúp Công ty hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Về định hướng dài hạn, MCST hướng tới mục tiêu tăng trưởng ổn định và bền vững thông qua việc từng bước nâng cao năng lực tài chính, củng cố nền tảng quản trị doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, Công ty cũng định hướng tăng cường ứng dụng công nghệ trong

công tác quản lý, điều hành và thi công nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, cải thiện năng suất lao động và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Ngoài ra, MCST chú trọng nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị và công bố thông tin nhằm tăng cường niềm tin của cổ đông, đối tác và nhà đầu tư. Đây được xem là một trong những yếu tố quan trọng hỗ trợ Công ty nâng cao hình ảnh doanh nghiệp, tạo nền tảng cho quá trình phát triển lâu dài và mở rộng quy mô hoạt động trong thời gian tới.

10.13.2. Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Nguồn vốn thực hiện chiến lược phát triển của Công ty dự kiến được hình thành từ vốn chủ sở hữu hiện có, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, vốn huy động từ đợt chào bán cổ phiếu, vốn vay tín dụng, các nguồn tài trợ hợp pháp khác và/hoặc nguồn vốn hợp tác với đối tác trong từng dự án, từng phương án kinh doanh cụ thể. Việc lựa chọn nguồn vốn sẽ được Công ty cân nhắc trên cơ sở nhu cầu sử dụng vốn, chi phí vốn, khả năng thanh toán, mức độ rủi ro và hiệu quả đầu tư.

Về nguồn lực nhân sự, Công ty định hướng tiếp tục củng cố đội ngũ quản lý, kỹ thuật, kế toán - tài chính, pháp chế, kinh doanh và nhân sự trực tiếp phục vụ hoạt động xây lắp, thương mại, logistics và các lĩnh vực liên quan. Công ty chú trọng tuyển dụng, đào tạo, phân công công việc phù hợp với năng lực chuyên môn; đồng thời tăng cường cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả công việc nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Về cơ sở vật chất và hệ thống quản trị, Công ty tiếp tục sử dụng hiệu quả các tài sản hiện có, đồng thời xem xét đầu tư, thuê, hợp tác hoặc huy động thêm phương tiện, thiết bị, kho bãi, công nghệ và các nguồn lực cần thiết phù hợp với từng kế hoạch kinh doanh. Công ty cũng định hướng nâng cao chất lượng quản trị nội bộ, công bố thông tin và kiểm soát rủi ro nhằm bảo đảm hoạt động phát triển ổn định, minh bạch và bền vững.

10.14. Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST không hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật liên quan.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng và cơ cấu người lao động trong Công ty

Trong những năm qua, công tác tổ chức cán bộ và bố trí sử dụng lao động của Công ty luôn được quan tâm. Cơ cấu người lao động cụ thể như sau:

Bảng 16: Cơ cấu người lao động tại Công ty

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
I	**Phân loại theo trình độ chuyên môn**	**14**	**100**	**36**	**100**	**27**	**100**
1	Đại học và Trên Đại học	11	78,6	24	66,7	25	92,6

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (Người)	Tỷ lệ (%)
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	0	-	0	-	0	-
3	Trình độ Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	1	7,1	5	13,9	1	3,7
4	Lao động phổ thông	2	14,3	7	19,4	1	3,7
II	**Phân loại theo thời hạn hợp đồng**	**14**	**100**	**36**	**100**	**27**	**100**
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	**0**	-	33	91,7	15	55,6
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	14	100	3	8,3	12	44,4
III	**Phân loại theo giới tính**	**14**	**100**	**36**	**100**	**27**	**100**
1	Nam	6	42,9	23	63,9	20	74,1
2	Nữ	8	57,1	13	36,1	7	25,9

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST)

11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST luôn xác định người lao động là một trong những yếu tố quan trọng góp phần duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty. Do đó, Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc ổn định, từng bước hoàn thiện chính sách nhân sự, chính sách tiền lương, tiền thưởng và các chế độ phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

Công ty quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động, phù hợp với yêu cầu công việc của từng phòng ban, bộ phận và định hướng phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.

Đối với người lao động mới, Công ty thực hiện hướng dẫn, phổ biến các nội quy, quy chế, quy trình làm việc, quy định về an toàn lao động, văn hóa doanh nghiệp và các yêu cầu chuyên môn liên quan đến vị trí được tuyển dụng. Việc đào tạo ban đầu giúp người lao động nhanh chóng nắm bắt công việc, hòa nhập với môi trường làm việc và thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao.

Đối với người lao động đang làm việc tại Công ty, tùy theo nhu cầu thực tế và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tổ chức hoặc cử người lao động tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, kỹ năng vận hành, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các nội dung đào tạo khác có liên quan. Công ty khuyến khích người lao động chủ

động học tập, nâng cao năng lực chuyên môn, cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng đào tạo thông qua thực tiễn công việc, kết hợp giữa hướng dẫn trực tiếp tại nơi làm việc và phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực của từng cá nhân. Các cán bộ quản lý, nhân sự có kinh nghiệm tại từng bộ phận có trách nhiệm hướng dẫn, kèm cặp và hỗ trợ người lao động trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả làm việc chung của toàn Công ty.

Chính sách tiền lương, tiền thưởng

Công ty xây dựng chính sách tiền lương trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật lao động, đặc điểm ngành nghề, vị trí công việc, năng lực, trình độ chuyên môn, mức độ hoàn thành công việc và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiền lương của người lao động được xác định theo hợp đồng lao động, thỏa thuận giữa Công ty và người lao động, đồng thời được điều chỉnh phù hợp với chức danh, nhiệm vụ, khối lượng công việc và kết quả đánh giá thực hiện công việc. Công ty thực hiện chi trả lương đầy đủ, đúng hạn theo quy định nội bộ và thỏa thuận tại hợp đồng lao động.

Bên cạnh tiền lương, Công ty áp dụng chính sách tiền thưởng nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc. Việc xét thưởng được thực hiện căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng tập thể, cá nhân và các tiêu chí đánh giá do Công ty ban hành trong từng thời kỳ.

Chính sách thưởng được thực hiện trên nguyên tắc công khai, phù hợp với tình hình tài chính và định hướng quản trị nhân sự của Công ty.

Chính sách trợ cấp, bảo hiểm và phúc lợi

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác đối với người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành. Người lao động ký hợp đồng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm bắt buộc được Công ty thực hiện trích nộp các khoản bảo hiểm theo đúng quy định.

Ngoài các chế độ bắt buộc theo pháp luật, Công ty quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động thông qua các chính sách phúc lợi phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Các chính sách phúc lợi có thể bao gồm chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỷ, thai sản, hỗ trợ người lao động có hoàn cảnh khó khăn và các hoạt động chăm lo đời sống tập thể khác.

Công ty cũng chú trọng bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh. Người lao động làm việc tại các bộ phận có yêu cầu về an toàn lao động được hướng dẫn, phổ biến các quy định liên quan, trang bị phương tiện bảo hộ lao động cần thiết theo quy định và yêu cầu của từng vị trí công việc.

Đối với các dịp lễ, Tết hoặc các sự kiện quan trọng của Công ty, tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng tài chính, Công ty xem xét thực hiện các chính sách hỗ trợ, phúc lợi

hoặc khen thưởng nhằm động viên tinh thần người lao động, tạo sự gắn kết giữa người lao động với Công ty.

Thông qua việc thực hiện các chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và phúc lợi nêu trên, Công ty hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ lao động ổn định, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn phù hợp và gắn bó lâu dài với sự phát triển của Công ty

Quy chế phát hành cổ phiếu cho Người lao động

Nhằm ghi nhận những đóng góp của Người lao động, đồng thời khuyến khích đội ngũ CBCNV tiếp tục gắn bó lâu dài và đồng hành cùng sự phát triển của Công ty, ALV có dự kiến triển khai chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Chương trình này hướng tới việc tạo thêm động lực làm việc, thu hút và giữ chân các nhân sự có trình độ chuyên môn cao, đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm cũng như quyền lợi của CBCNV trong việc cùng Công ty thực hiện các mục tiêu chiến lược. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động được thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị Công ty, phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty tại thời điểm đề xuất.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính, nhu cầu tiền mặt và các yếu tố khác có liên quan trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm.Tỷ lệ cổ tức sẽ phải được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Ngoài ra, HĐQT có thể tạm ứng mức cổ tức vào từng thời điểm nhất định, phù hợp với tỷ lệ lợi nhuận đạt được tại thời điểm quyết định tạm ứng.

Tỷ lệ cổ tức được chi trả trong các năm qua như sau:

Bảng 17: Tình hình chi trả cổ tức 02 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	-	70%
Hình thức chi trả	-	Cổ phiếu

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất trong 02 năm tính đến thời điểm hiện nay

Công ty không thực hiện đợt chào bán nào trong 02 năm (2024-2025) và tính đến thời điểm đăng ký chào bán.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Cho đến ngày phát hành Bản cáo bạch này, Tổ chức phát hành không có những cam kết nhưng chưa thực hiện mà có thể ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty như Hợp đồng thuê sử dụng đất, Trái phiếu chưa đáo hạn, các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Công ty không có nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Cho đến ngày phát hành Bản cáo bạch này, Công ty cam kết *"không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích"* theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

(a) Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty

Bảng 18: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ Tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6T/2026
1	Tổng giá trị tài sản	134.067	177.506	32,4	276.173
2	Doanh thu thuần	274.025	321.612	17,37	415.503
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	16.026	19.264	20,21	18.695
4	Lợi nhuận khác	(417)	313	-	122
5	Lợi nhuận trước thuế	15.609	19.578	25,43	18.817

STT	Chỉ Tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm	6T/2026
6	Lợi nhuận sau thuế	12.308	15.388	25,03	14.948
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	/	-
8	Tỷ lệ cổ tức	0%	70%	100%	-

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC 6T/2026 tự lập của ALV)

Năm 2025, quy mô tài sản của doanh nghiệp tiếp tục tăng trưởng so với năm 2024. Cụ thể, tổng giá trị tài sản đạt hơn 177,50 tỷ đồng, tăng 32,4% so với mức 134,06 tỷ đồng của năm trước, cho thấy doanh nghiệp có sự mở rộng nhanh chóng về quy mô hoạt động. Sự gia tăng đáng kể này phản ánh năng lực tích lũy và định hướng mở rộng đầu tư phát triển một cáchtích cực của Công ty trong giai đoạn này.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 ghi nhận kết quả khả quan nhờ sự tăng trưởng đồng bộ từ các mảng cốt lõi. Cụ thể, doanh thu thuần năm 2025 đạt 321,61 tỷ đồng, tăng 17,37% so với năm trước liền kề; lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt hơn 19,26 tỷ đồng, tăng trưởng 20,21%. Đặc biệt, lợi nhuận trước thuế đạt 19,57 tỷ đồng (tăng 25,43%) và lợi nhuận sau thuế đạt 15,38 tỷ đồng, tương ứng tăng trưởng ấn tượng 25,03% so với năm 2024.

Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty ghi nhận mức tăng trưởng về doanh thu thuần, chủ yếu đến từ hoạt động cốt lõi là thi công xây dựng công trình và kinh doanh vật liệu xây dựng. Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 14,9 tỷ đồng, xấp xỉ mức ghi nhận của cả năm 2025, cho thấy hiệu quả của hoạt động kinh doanh bán niên 2026.

(b) Các chỉ tiêu khác: không có.

(c) Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: chi tiết theo Phần V Mục 3 - Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

1.2.1 Thuận lợi

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực nhờ sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, sự đồng hành hiệu quả của Quốc hội cùng nhiều chính sách, giải pháp đã được ban hành và triển khai đúng thời điểm. Nền kinh tế vĩ mô ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng được cải thiện, góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư, người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Tăng trưởng GDP dự kiến duy trì ở mức cao so với khu vực, lạm phát được kiểm soát quanh mức mục tiêu, chính sách tiền tệ và tài khóa tiếp tục được điều hành linh hoạt nhằm hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động thương mại quốc tế, đầu tư công và tiêu dùng nội địa tiếp tục là những động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế. Đặc biệt, giai đoạn 2021-2025 được coi là thời kỳ đẩy mạnh đầu tư công, với kế hoạch vốn đầu tư công phân bổ rất lớn, trong đó hạ tầng giao thông chiếm tỷ trọng cao. Các dự án cao tốc Bắc - Nam

phía Đông giai đoạn 2, đường vành đai tại các thành phố lớn (Hà Nội, TP. HCM), cũng như nhiều dự án hạ tầng trọng điểm khác được khởi công và triển khai đồng loạt. Điều này tạo ra nhiều cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, trong đó có ALV. Song song đó, nhiều chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP), cũng như Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật mới liên quan đến đầu tư hạ tầng đã và đang được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp. Những yếu tố này mang lại nền tảng tích cực, góp phần hỗ trợ ALV duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh trong giai đoạn tới.

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của ALV được hưởng nhiều điều kiện thuận lợi, tạo nền tảng cho sự cải thiện đáng kể về kết quả hoạt động cũng như hiệu quả vận hành của doanh nghiệp. Công ty ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực khi doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng so với năm trước, đồng thời vượt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Kết quả này phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có bước phát triển rõ nét cả về quy mô hoạt động lẫn hiệu quả kinh doanh, cho thấy năng lực điều hành và tổ chức thực hiện của doanh nghiệp tiếp tục được nâng cao.

Bên cạnh đó, ALV tiếp tục duy trì ổn định lĩnh vực xây lắp là hoạt động cốt lõi, qua đó bảo đảm nguồn công việc và doanh thu nền tảng cho Công ty. Đồng thời, doanh nghiệp cũng tận dụng tốt cơ hội từ hoạt động thương mại nhằm mở rộng quy mô doanh thu và đa dạng hóa nguồn thu, góp phần giảm sự phụ thuộc vào một lĩnh vực kinh doanh đơn lẻ. Việc phát triển đồng thời nhiều mảng hoạt động đã giúp Công ty nâng cao khả năng thích ứng trước những biến động của thị trường, đồng thời tạo thêm dư địa tăng trưởng và hỗ trợ cho chiến lược phát triển trong các giai đoạn tiếp theo.

Trong năm, Công ty đã tổ chức triển khai các gói thầu xây lắp và các hạng mục công việc theo đúng các hợp đồng đã ký kết, đảm bảo tiến độ và chất lượng thực hiện. Đặc biệt, tại các gói thầu thuộc Dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê, ALV tiếp tục duy trì tốt tiến độ thi công, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cũng như phối hợp hiệu quả với các bên liên quan. Điều này cho thấy năng lực thi công, quản lý dự án và tổ chức thực hiện của Công ty đã được củng cố, góp phần nâng cao uy tín và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025.

Ngoài ra, công tác điều hành, quản trị chi phí, tổ chức thực hiện và phối hợp nội bộ tiếp tục được cải thiện theo hướng chặt chẽ và hiệu quả hơn. Việc tối ưu công tác quản trị đã góp phần kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và cải thiện hiệu quả hoạt động chung của doanh nghiệp, tạo tiền đề thuận lợi cho ALV tiếp tục ổn định và phát triển trong thời gian tới.

1.2.2 Khó khăn

Năm 2024, mặc dù Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 6,0-6,5% và kiểm soát lạm phát bình quân ở mức 4-4,5%, song nền kinh tế vẫn đối diện nhiều thách thức. Sức cầu từ các thị trường xuất khẩu lớn phục hồi chậm; giải ngân vốn đầu tư công ở nhiều dự án hạ tầng trọng điểm còn chậm tiến độ; mặt bằng lãi suất tuy đã có xu hướng giảm nhưng vẫn neo ở mức cao so với giai đoạn trước, gây áp lực lên chi phí vốn của doanh nghiệp trong lĩnh vực xây lắp. Ngoài ra, giá nguyên vật liệu xây dựng biến động phức tạp cũng ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Bước sang năm 2025, tình hình quốc tế tiếp tục tiềm ẩn nhiều bất định về địa chính trị, thị trường tài chính toàn cầu và xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn. Doanh nghiệp trong ngành xây lắp nói chung và ALV nói riêng có thể gặp khó khăn ở một số điểm: (i) nhu cầu vốn đầu tư rất lớn trong khi kênh huy động vốn qua trái phiếu doanh nghiệp vẫn bị giám sát chặt chẽ; (ii) áp lực chi phí lãi vay và nguyên vật liệu; (iii) rủi ro chậm tiến độ triển khai, nghiệm thu và thanh toán các dự án và vốn đầu tư công..

Bên cạnh đó, ALV vẫn đối mặt với một số khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. Việc gia tăng sử dụng đòn bẩy tài chính để mở rộng hoạt động và bổ sung vốn lưu động cũng khiến áp lực về nghĩa vụ thanh toán và quản trị rủi ro tài chính tăng lên. Quy mô hoạt động mở rộng nhanh cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với công tác quản trị nội bộ, điều hành và phối hợp giữa các bộ phận nhằm duy trì hiệu quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

1.2.3 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2025:

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, không có bất cứ biến động lớn nào có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

2. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam, tuân thủ theo các quy định của Luật Kế toán và các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành ở Việt Nam.

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo các quy định của pháp luật và đúng quy định tại Điều lệ của Công ty.

Bảng 19: Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vốn góp của chủ sở hữu	56.579	96.184	96.184
Thặng dư vốn cổ phần	(17)	(17)	(17)
Quỹ đầu tư phát triển	416	416	416
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	40.603	16.387	31.334
Vốn chủ sở hữu	**97.581**	**112.969**	**127.917**

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC 6T/2026 tự lập của ALV)

2.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Bảng 20: Khấu hao tài sản cố định

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc, thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

(Nguồn: BCTC năm 2025 đã được kiểm toán của ALV)

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 147/2016/TT-BTC.

2.1.3 Mức lương bình quân

Bảng 21: Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	22.321.440	19.912.149

(Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST)

Thu nhập bình quân của người lao động tại ALV trong năm 2024 và năm 2025 lần lượt đạt 22.321.440 đồng/người/tháng và 19.912.149 đồng/người/tháng. So với các doanh nghiệp khác như HUD4, BMJ, FIC thì thu nhập bình quân của người lao động ALV là cao hơn.

Mức lương bình quân của một số công ty trong ngành:

Bảng 22: Mức lương bình quân của một số Công ty trong ngành

Đơn vị: Triệu đồng

Công ty	Mã CK	Năm 2024	Năm 2025
Công ty cổ phần HUD4	HU4	14,33	20,42
Công ty cổ phần Khoáng sản Miền đông AHP	BMJ	12,5	14,5
Tổng công ty Vật liệu Xây dựng số 1	FIC	22,1	22,2
Trung bình		**17,3**	**19,0**

(Nguồn: BCTN năm 2024,2025 của các đơn vị)

2.1.4 Tình hình công nợ

❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 23: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**60.547**	**79.277**	**35.561**
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	28.762	62.976	23.555
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.552	22.072	12.519
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	32.650	-	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	101	747	6.005
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.518)	(6.518)	(6.518)
II	**Các khoản phải thu dài hạn**	**500**	**-**	**500**
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
2	Phải thu dài hạn khác	500	-	500

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
	Tổng cộng	**61.047**	**79.277**	**36.061**

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC 6T/2026 tự lập của ALV)

Chi tiết các khoản phải thu quá hạn của Công ty như sau (ĐVT: triệu đồng)

STT	Khách hàng	Giá gốc	Thời điểm trích lập	Giá trị đã trích lập	Nguyên nhân, đánh giá khả năng thu hồi
1	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Khởi Minh	540	2015	540	- Nội dung khoản công nợ: Năm 2009 và 2010, MCST thuê máy thi công (máy đào, máy ủi). Số dư 540tr là số tiền MCST đã thực hiện trả trước tiền thuê máy. - Đánh giá khả năng thu hồi: Không có khả năng thu hồi do Công ty hiện ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST.
2	Công ty cổ phần Edico	1.585	2019	1.585	- Nội dung khoản công nợ: Năm 2017+2018 công ty MCST có bán dầu DO, nhựa đường, cát đá, cung cấp vận chuyển cho Edico, tuy nhiên thời điểm này do MCST bị cưỡng chế hóa đơn nên không xuất được hóa đơn GTGT, do đó 2 bên đã ghi nhận công nợ theo giá trị HHDV trước thuế theo hồ sơ nghiệm thu. Năm 2019, sau khi mở cưỡng chế, MCST xuất các hóa đơn bổ sung cho phần doanh thu năm 2017+2018 và ghi nhận công nợ bằng tiền thuế GTGT của các hóa đơn này. - Đánh giá khả năng thu hồi: Không có khả năng thu hồi do Edico đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST.

STT	Khách hàng	Giá gốc	Thời điểm trích lập	Giá trị đã trích lập	Nguyên nhân, đánh giá khả năng thu hồi
3	Công ty TNHH MTV DV-TM Hảo Thành Tâm	1.256	2020	1.256	- Nội dung khoản công nợ: Năm 2017+2018, công ty Hảo Thành Tâm thi công công trình cho MCST, MCST đã trả trước tiền tạm ứng. - Đánh giá khả năng thu hồi: Không có khả năng thu hồi do doanh nghiệp đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST.
4	Công ty cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco	2.851	2020	2.851	- Năm 2018 Visaco bán nhựa đường, đá cat cho MCST, MCST đã trả trước tiền hàng cho Visaco. - Trạng thái công ty: Không có khả năng thu hồi do doanh nghiệp đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST.
5	Công ty cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco	287	2021	287	- Số công nợ này là tiền thuế GTGT của giá trị thi công công trình năm 2018 mà MCST thi công cho Visaco (xuất hóa đơn bổ sung và ghi nhận bổ sung công nợ vào năm 2021). Thời điểm này, do công ty không còn liên hệ được với Visaco do đã bỏ trốn khỏi địa điểm KD. - Trạng thái công ty: Không có khả năng thu hồi do doanh nghiệp đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST.
	Tổng cộng	**6.518**		**6.518**	

Việc trích lập dự phòng của Công ty được thực hiện dựa trên những đánh giá về khả năng thu hồi các khoản công nợ nêu trên. Do được đánh giá không có khả năng thu hồi, các khoản công nợ đều được trích lập dự phòng và thực hiện các hạch toán kế toán theo đúng quy định của pháp luật.

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 24: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	**Nợ ngắn hạn**	**34.459**	**53.403**	**133.651**
1	Phải trả người bán ngắn hạn	8.170	36.345	82.912
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.227	1.091	33.230
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.938	4.487	7.534
4	Chi phí phải trả ngắn hạn	313	250	-
5	Phải trả ngắn hạn khác	259	264	-
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20.485	9.842	8.841
7	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	66	66	66
9	Phải trả người lao động	-	1.057	1.068
II	**Nợ dài hạn**	**2.027**	**11.134**	**14.606**
1	vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.396	11.134	14.606
2	Dự phòng phải trả dài hạn	632	-	-
	Tổng cộng	**36.486**	**64.537**	**148.257**

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC 6T/2026 tự lập của ALV)

❖ **Thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn**

Công ty hiện không có khoản nợ phải trả quá hạn, các khoản nợ phải trả đều được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

2.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của các Cơ quan Quản lý Nhà nước.

Bảng 25: Các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Thuế Giá trị gia tăng nội địa	688	228	439
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.205	4.190	6.894
3	Thuế Thu nhập cá nhân	45	4	201
5	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	65	-
Tổng cộng		**3.938**	**4.487**	**7.534**

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán ; BCTC 6T/2026 tự lập của ALV)

2.1.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và pháp luật hiện hành. Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Bảng 26: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	66	66	66
2	Quỹ đầu tư phát triển	416	416	416
3	Thặng dư vốn cổ phần	(17)	(17)	(17)
	Tổng cộng	**465**	**465**	**465**

(Nguồn: BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán, BCTC 6T/2026 tự lập của ALV)

2.1.7 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Nhờ công tác quản trị rủi ro hiệu quả của đội ngũ Ban lãnh đạo và phòng ban chuyên trách của Công ty, dự kiến sẽ không có biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 27: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,04	2,15
Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,90	1,63
2. Cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,27	0,36
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,37	0,57
3. Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	2,00	2,06
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Vòng	0,90	2,93
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	29,56	18,13
4. Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	4,49	4,78
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	8,99	9,88
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	13,46	14,62

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.175	2.278

(Nguồn: Tính toán từ nguồn BCTC năm 2024, 2025 đã được kiểm toán của ALV)

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính chủ yếu: Không có.

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Công ty

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và tư vấn UHY là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST .

Công ty TNHH Kiểm toán BDO là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn MCST.

3.1. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xây dựng ALVICO tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

3.2. Ý kiến của tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính."

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 28: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2025
Doanh thu thuần (triệu đồng)	321.612	500.000	55,5%
Lợi nhuận sau trước thuế (triệu đồng)	19.578	25.000	27,7%
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	15.388	20.000	30,0%

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm 2025
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,8%	4,0%	(0,8%)
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (*)	14,6	6,5%	(8,1%)
Tỷ lệ cổ tức (*)		-	-

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của ALV)

(*) Hai chỉ tiêu này chưa được xây dựng và thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty. Chỉ tiêu VCSH bình quân có dự kiến thêm số vốn điều lệ tăng thêm từ các đợt phát hành, chào bán theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty

4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2026

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026 của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua tại Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/04/2026; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch năm 2026 số 05/2026/BC-MCST của Ban Tổng Giám đốc ngày 20/04/2026.

4.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch nêu trên

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2026, ALV có nhiều cơ sở và điều kiện thuận lợi để tiếp tục tăng trưởng. Công ty định hướng tập trung vào các dự án, hợp đồng và khách hàng có hiệu quả, phù hợp với năng lực triển khai thực tế, đồng thời tiếp tục mở rộng thị trường và tìm kiếm thêm cơ hội hợp tác trong lĩnh vực xây lắp, thương mại và dịch vụ. Bên cạnh đó, ALV sẽ đẩy mạnh công tác tiếp thị, phát triển quan hệ khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm củng cố uy tín thương hiệu và tạo nguồn việc ổn định cho các năm tiếp theo.

Về tài chính, Công ty tiếp tục tăng cường kiểm soát chi phí, xây dựng kế hoạch dòng tiền phù hợp với tiến độ triển khai dự án, đồng thời đẩy mạnh thu hồi công nợ và kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động. ALV cũng chủ động cân đối nguồn vốn và sử dụng hợp lý các công cụ tài chính để vừa đáp ứng nhu cầu phát triển hoạt động kinh doanh, vừa đảm bảo an toàn tài chính.

Ngoài ra, Công ty sẽ tập trung nguồn lực cho các dự án trọng điểm khác chuẩn bị thực hiện trong tương lai theo thực tế ký kết hợp đồng của Công ty. Song song với đó, ALV tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, nâng cao năng lực điều hành, tăng cường công tác kiểm tra giám sát và chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp và chất lượng triển khai công việc. Đây là những cơ sở quan trọng giúp Công ty kỳ vọng hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2026 một cách ổn định và hiệu quả.

Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2026, Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2026 của Công ty đạt 415 tỷ đồng, đạt 83,0% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 14,9 tỷ đồng, đạt 96,7% kế hoạch năm.

4.4. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán UP đã tiến hành thu thập và xem xét các thông tin về cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST tại thời điểm lập Bản cáo bạch. Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Tổ chức tư vấn và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh tính tới thời điểm hiện tại và năng lực của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST, cùng việc dự báo tình hình kinh tế và triển vọng của ngành trong thời gian tới, trường hợp không có biến động bất thường trong hoạt động kinh doanh, Công ty Cổ phần Chứng khoán UP cho rằng kế hoạch lợi nhuận của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST dự kiến cho năm 2026 là khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo, nhà đầu tư cần tự mình nghiên cứu kỹ các thông tin và cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi đưa ra quyết định đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14: "*Trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.* "

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào năm 2008, tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần của cổ đông sáng lập đều đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về Cổ đông lớn

Bảng 29: Sở hữu của cổ đông lớn và người có liên quan của cổ đông lớn

Stt	Cổ đông lớn	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Bùi Văn Thể	800.000	8,32
2	Phạm Ngọc Phương	880.600	9,16
3	Đỗ Thị Châu Anh	954.100	9,92
Tổng cộng		**2.634.700**	**27,39**

(Nguồn: Theo Danh sách cổ đông ALV chốt tại ngày 23/03/2026 do VSDC cung cấp)

❖ ***Ông Bùi Văn Thể***

- Năm sinh: 1992
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Thôn Khả Cảnh, Hồng Tiến, Kiến Xương, Thái Bình
- Số lượng cổ phần của Ông Bùi Văn Thể nắm giữ tại ALV thời điểm hiện tại: 800.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần của Người có liên quan nắm giữ tại ALV thời điểm hiện tại: Không có
- Lợi ích liên quan với Tổ chức phát hành: Là cổ đông lớn nắm giữ 8,32% vốn điều lệ của ALV
- Số lượng cổ phần dự kiến nắm giữ tại ALV sau đợt chào bán: 1.600.000 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau chào bán: 8,32%

- Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông lớn là tổ chức, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan: Không có

- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không có

❖ ***Ông Phạm Ngọc Phương***

- Năm sinh: 1984
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: P2406C, TN N04, KĐT Đông Nam TDH, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số lượng cổ phần của Ông Phạm Ngọc Phương nắm giữ tại ALV thời điểm hiện tại: 880.600 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần của Người có liên quan nắm giữ tại ALV thời điểm hiện tại: Không có
- Lợi ích liên quan với Tổ chức phát hành: Là cổ đông lớn nắm giữ 9,16% vốn điều lệ ALV
- Số lượng cổ phần dự kiến nắm giữ tại ALV sau đợt chào bán: 1.761.200 cổ phiếu
- Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau chào bán: 9,16%
- Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông lớn là tổ chức, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan: Không có

Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không có

❖ ***Bà Đỗ Thị Châu Anh***

- Năm sinh: 2004
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Thôn Khả Cảnh, Hồng Tiến, Kiến Xương, Thái Bình
- Số lượng cổ phần của Bà Đỗ Thị Châu Anh nắm giữ tại ALV thời điểm hiện tại: 954.100 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần của Người có liên quan nắm giữ tại ALV thời điểm hiện tại: Không có
- Lợi ích liên quan với Tổ chức phát hành: Là cổ đông lớn nắm giữ 9,92% vốn điều lệ ALV
- Số lượng cổ phần dự kiến nắm giữ tại ALV sau đợt chào bán: 1.908.200
- Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau chào bán: 9,92%

- Thông tin về các hợp đồng giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông lớn là tổ chức, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan: Không có

Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: không có

3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Hiện tại Hội đồng quản trị có 03 thành viên, thông tin chi tiết như sau:

Bảng 30: Danh sách Hội đồng quản trị đương nhiệm

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Lâm Thu Huyền	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Nguyễn Hải Ninh	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Lê Thị Lộc	Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin chi tiết:

3.1.1. Bà Lâm Thu Huyền

- Họ và tên: Lâm Thu Huyền
- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 26/11/1976
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ quản trị nhân lực học
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
08/1999 - 02/2000	Dự án "Phổ cập giáo dục cho trẻ em dân tộc miền núi huyện Bắc Hà – tỉnh Lào Cai – Quỹ nhi đồng – Pháp"	Điều phối viên
04/2001 – 10/2002	Siêu thị Bour Bon Thăng Long	Trưởng phòng tuyển dụng

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2003 – 04/2008	Dự án "Tăng cường năng lực đào tạo nghề cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn" – Tổ chức CCFD - Pháp	Điều phối viên
07/2008 – 02/2010	Công ty cổ phần In&Bao bì Goldsun	Trưởng phòng nhân sự
04/2010 – 10/2011	Công ty cổ phần truyền thông VTCI	Trưởng phòng tổ chức – Hành chính
11/2011 – 11/2016	Công ty CP quốc tế Grand Union	Giám đốc Ban Nhân sự
12/2016 – 6/2019	Công ty CP xử lý rác thải và năng lượng EU	Giám đốc Ban Nhân sự
6/2019 – nay	Công ty cổ phần Xây dựng ALVICO (nay là Công ty CP Tập đoàn MCST)	Chủ tịch HĐQT

– Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST.

– Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

– Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 23/03/2026.

+ Sở hữu cá nhân: 476.000 cổ phần (tương đương 4,95% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không

– Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.

– Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Lâm Thu Huyền và những người có liên quan: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	6T/2026
1	Thù lao (đồng)	72.000.000	72.000.000	-
2	Tiền lương (đồng)	-	-	-
3	Cổ phiếu ESOP	-	-	-
4	Các lợi ích khác	-	-	-

– Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.1.2. Ông Nguyễn Hải Ninh

– Họ và tên: Nguyễn Hải Ninh

– Năm sinh: 06/09/1983

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: 12/12

– Năng lực chuyên môn: Cử nhân

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006-2008	Công ty than Hồng Thái	Nhân viên phòng Trắc địa
2008-2011	Ban Quản lý dự án – Công ty than Uông Bí	Chuyên viên phòng Kỹ Thuật
2011-2015	Công ty Than Uông Bí	Nhân viên phòng Kỹ thuật Công nghệ - phòng Trắc địa
2015-2017	Công ty PT. Vietmindo Energitama	Giám sát phòng Trắc địa
2018-2019	Công ty cổ phần XNK và TM Phú Minh Châu	Cán bộ kỹ thuật Trưởng ban vật tư
2019-2022	Công ty cổ phần Phương Nam Quảng Ninh	Phó quản đốc phân xưởng khai thác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		Giám đốc điều hành mỏ đá Xiên Tai
05/2022 đến nay	Công ty cổ phần Xây dựng ALVICO (nay là Công ty CP Tập đoàn MCST)	Thành viên HĐQT

– Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT

– Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

+ Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 23/03/2026.

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không

– Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.

– Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Nguyễn Hải Ninh và những người có liên quan: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	6T/2026
1	Thù lao (đồng)	48.000.000	48.000.000	-
2	Tiền lương (đồng)	-	-	-
3	Cổ phiếu ESOP	-	-	-
4	Các lợi ích khác	-	-	-

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không.

3.1.3. Bà Lê Thị Lộc - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Lê Thị Lộc
- Năm sinh: 29/9/1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Thạc sĩ luật học/luật sư
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - 2009	Công ty TNHH An Bình quốc tế	Chuyên viên tư vấn luật khối doanh nghiệp
2009 - 2014	Công ty cổ phần Dược phẩm trung ương I – Pharbaco	Trưởng Ban Pháp chế
2014 - 2016	Công ty cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ
2016 - 2017	Công ty TNHH Bảo Tín Minh Châu	Giám đốc Ban Pháp chế
2017 - 2019	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng ALV	Giám đốc Ban Pháp chế
T6/2019 đến nay	Công ty cổ phần Xây dựng ALVICO (nay là Công ty CP Tập đoàn MCST)	Thành viên HĐQT
T4/2023 đến nay	Công ty Luật TNHH Biglaw LH	Giám đốc
T5/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương	Trưởng Ban Pháp chế

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Giám đốc Công ty Luật TNHH Biglaw LH

+ Trưởng ban Pháp chế Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 23/03/2026:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không.

– Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Lê Thị Lộc và những người có liên quan:

-Tổ chức có liên quan của bà Lộc có phát sinh giao dịch với ALV: Công ty Luật TNHH Biglaw LH

- Nội dung giao dịch: Thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty

- Số lượng giao dịch: 1 lần trong năm 2026 (Tháng 5/2026)

- Tổng giá trị giao dịch: 4.000.000 đồng

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	6T/2026
1	Thù lao (đồng)	48.000.000	48.000.000	-
2	Tiền lương (đồng)	-	-	-
3	Cổ phiếu ESOP	-	-	-
4	Các lợi ích khác	-	-	-

– Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không có

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có.

3.2. Ban Kiểm soát

Bảng 31: Danh sách Ban Kiểm soát đương nhiệm

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Lê Hoàng Yến	Trưởng Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
2	Nghiêm Thị Thu Hiền	Thành viên Ban kiểm soát
3	Lê Xuân Mừng	Thành viên Ban kiểm soát

Thông tin chi tiết:

3.2.1 Bà Lê Hoàng Yến - Trưởng BKS

- Họ và tên: Lê Hoàng Yến
- Năm sinh: 24/03/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008-2018	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	Kiểm toán viên
02/2018-07/2018	Công ty TNHH T'Hospital	Kế toán trưởng
08/2018-11/2022	Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán Com.pt	Kiểm toán viên
12/2022-11/2023	Công ty TNHH Kiểm toán ACOM	Kiểm toán viên
06/2020-05/2023	Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO	Thành viên BKS
12/2023 – nay	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bản Việt	Kiểm toán viên
04/2025 - nay	Công ty cổ phần Tập đoàn MCST	Trưởng BKS

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Bản Việt
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 23/03/2026.

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Lê Hoàng Yến và những người có liên quan: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	6T/2026
1	Thù lao (đồng)	-	32.000.000	-
2	Tiền lương (đồng)	-	-	-
3	Cổ phiếu ESOP	-	-	-
4	Các lợi ích khác	-	-	-

– Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không

3.2.2. Bà Nghiêm Thị Thu Hiền – Thành viên BKS

– Họ và tên: Nghiêm Thị Thu Hiền

– Năm sinh: 25/02/1983

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: 12/12

– Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007-2008	Công ty TNHH Tư vấn và Quản lý ICA	Nhân viên
2008 - 06/2017	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	Kiểm toán viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2017 - nay	Công ty TNHH Kế toán, Kiểm toán Việt Nam	Kiểm toán viên
05/2023 - 04/2025	Công ty cổ phần Xây dựng ALVICO	Trưởng BKS
04/2025 - nay	Công ty cổ phần Tập đoàn MCST	Thành viên BKS

– Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên BKS

– Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kế toán, Kiểm toán Việt Nam

– Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 23/03/2026.

+ Sở hữu cá nhân: 5.200 cổ phần (tương đương 0,054% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Nghiêm Thị Thu Hiền và những người có liên quan: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	6T/2026
1	Thù lao (đồng)	43.800.000	40.000.000	-
2	Tiền lương (đồng)	-	-	-
3	Cổ phiếu ESOP	-	-	-
4	Các lợi ích khác	-	-	-

– Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.2.3 Ông Lê Xuân Mừng – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Lê Xuân Mừng
- Năm sinh: 29/08/1995
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2017 - 9/2018	Công ty TNHH Kiểm toán Immanuel	Trợ lý kiểm toán
9/2018 - 4/2021	Công ty TNHH Kiểm toán FAC – Chi nhánh FAC Hà Nội	Trợ lý kiểm toán
7/2021 - 12/2021	Công ty Cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á	Chuyên viên KSNB
1/2022 - 12/2023	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hùng Phát	Giám đốc
6/2024 - 10/2024	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Tân Thái Hà	Chuyên viên KS
11/2024 - nay	Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Á Âu	Kiểm toán viên
04/2025 - nay	Công ty cổ phần Tập đoàn MCST	Thành viên BKS

- Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên BKS.
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Á Âu
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 23/03/2026

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0 % số cổ phần đang lưu hành).
+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Ông Lê Xuân Mừng và những người có liên quan: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	6T/2026
1	Thù lao (đồng)	-	24.000.000	-
2	Tiền lương (đồng)	-	-	-
3	Cổ phiếu ESOP	-	-	-
4	Các lợi ích khác	-	-	-

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.3. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Bảng 32: Danh sách Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đương nhiệm

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Lê Thị Thảo	Tổng Giám đốc
2	Bà Hà Thị Hồng Nhung	Kế toán trưởng

Thông tin chi tiết:

3.3.1. Bà Lê Thị Thảo – Tổng Giám đốc

– Họ và tên: Thê Thị Thảo

– Năm sinh: 14/08/1994

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: 12/12

– Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016-2017	Công ty cổ phần Thương Phú	Nhân viên
2017-2019	Công ty cổ phần chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Nhân viên
2019-2020	Công ty cổ phần Xây Lắp Trí Đức	Nhân viên
2020-2021	Công ty cổ phần Xây dựng ALVICO	Nhân viên
01/2021-12/2021	Công ty cổ phần Xây dựng ALVICO	Trợ lý Tổng Giám đốc
12/2021 đến nay	Công ty cổ phần Xây dựng ALVICO (nay là Công ty CP Tập đoàn MCST)	Tổng Giám đốc

– Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST

– Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

– Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 23/03/2026

+ Sở hữu cá nhân: 68 cổ phần (tương đương 0,00071%số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu của người có liên quan: 1.400 cổ phần (tương đương 0,01456% số cổ phần đang lưu hành).

Họ tên người có liên quan: Ngô Sỹ Sơn

Mối quan hệ: Em rể

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.

– Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Bà Lê Thị Thảo và những người có liên quan: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	6T/2026
1	Thù lao (đồng)	-	-	-
2	Tiền lương (đồng)	268.690.722	321.760.311	179.589.864
3	Cổ phiếu ESOP	-	-	-
4	Các lợi ích khác	-	-	-

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không có

3.3.2. Bà Hà Thị Hồng Nhung – Kế toán trưởng

– Họ và tên: Hà Thị Hồng Nhung

– Năm sinh: 20/06/1986

– Quốc tịch: Việt Nam

– Trình độ học vấn: 12/12

– Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế

– Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2017 đến nay	Công ty cổ phần Khoáng sản Hoàng Nguyên	Kế toán trưởng
2019 đến nay	Công ty cổ phần Xây dựng ALVICO (nay là Công ty CP Tập đoàn MCST)	Kế toán trưởng
2024 đến nay	Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Denba	Kế toán trưởng
2024 đến nay	Công ty TNHH Nông Sinh	Kế toán trưởng

– Chức vụ nắm giữ hiện nay tại Tổ chức phát hành: Kế toán trưởng

– Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Kế toán trưởng Công ty TNHH Công nghệ Sinh học Denba

+ Kế toán trưởng Công ty TNHH Nông Sinh

+ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Khoáng sản Hoàng Nguyên

– Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan tại ngày 23/03/2026

+ Sở hữu cá nhân: 144.500 cổ phần (tương đương 1,502% % số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần (tương đương 0% số cổ phần đang lưu hành).

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có.

– Lợi ích liên quan đối với Công ty:

+ Được hưởng cổ tức dựa trên tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) và các lợi ích khác theo Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện của Công ty, công ty con của Bà Hà Thị Hồng Nhung và những người có liên quan: Không có.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	6T/2026
1	Thù lao (đồng)	-	-	-
2	Tiền lương (đồng)	314.383.923	373.510.625	191.936.182
3	Cổ phiếu ESOP	-	-	-
4	Các lợi ích khác	-	-	-

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không.

– Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Công ty hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Công ty: Không.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành là 9.618.358 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 96.183.580.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ một trăm tám mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là: 10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty phê duyệt phương án chào bán cổ phần, phương pháp tính giá được đưa ra như sau:

Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST tại thời điểm 31/12/2025 trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 là 11.745 đồng/cổ phiếu.

Giá đóng cửa của cổ phiếu ALV bình quân trong 30 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 09/03/2026 đến ngày 17/04/2026) là 7.373 đồng/cổ phiếu.

Xác định giá chào bán: Cổ phiếu của Công ty được chào bán cho cổ đông hiện hữu, do tính chất ưu tiên của đối tượng phân phối, đồng thời căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường và giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, HĐQT đề xuất giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

7.1. Đối tượng phát hành

Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu.

Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.

7.2. Phương thức thực hiện

Chào bán thêm 9.618.358 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ chào bán là **1:1** (tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ

phiếu phát hành thêm, mỗi cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu sẽ nhận được 01 (một) quyền mua, cứ 01 (một) quyền mua sẽ được mua thêm 01 (một) cổ phiếu mới).

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến quyền mua không được thực hiện sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền của cổ đông.

7.3. Chuyển nhượng quyền mua

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được phân bổ quyền mua có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các đối tượng khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần. Quyền mua cổ phần sẽ hết hiệu lực tại ngày đến hạn thanh toán.

Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa hai bên. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.

Thời hạn và thủ tục cho việc chuyển nhượng quyền này sẽ được ALV công bố chính thức sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán có hiệu lực.

7.4. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết

(a) Phương án xử lý cổ phiếu lẻ

Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên đợt chào bán không phát sinh cổ phiếu lẻ.

(b) Phương án xử lý cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết

Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, bằng mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu;

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định xử lý và phân phối số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết nêu trên cho các nhà đầu tư có nhu cầu và năng lực tài chính;

Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết khi chào bán tiếp cho Nhà đầu tư theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán;

Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Nghị định 245/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở các điều kiện sau:

- Tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: "Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau."
- Đảm bảo các điều kiện chào bán quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng

khoán.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng

8.1. Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua cổ phiếu sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực.

8.2. Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu:

Cổ đông đã lưu ký cổ phiếu: Các cổ đông đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản.

Cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu: Các cổ đông đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu tại Trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST.

Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện sẽ hết hiệu lực.

Số tiền mua cổ phiếu phải được nộp vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của Công ty theo thông tin tại Phần VII mục 11 - Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu *(trang 88 của Bản cáo bạch này).*

8.3. Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

8.4. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu

Không áp dụng.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán ra công chúng sẽ được phân phối cho các đối tượng chào bán trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực hoặc được gia hạn việc phân phối chứng khoán theo quy định tại Luật Chứng khoán.

Bảng 33: Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày)
1	Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực	T

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày)
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo chốt danh sách cổ đông với VSDC để triển khai chào bán	T đến T+2
3	Công bố thông tin về đợt chào bán ra công chúng trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định	T đến T+7
4	Ngày đăng ký cuối cùng	T+12
5	Tổng hợp danh sách cổ đông có quyền mua	T+15
6	Thành viên lưu ký và Công ty thông báo quyền mua cho cổ đông	T+15 đến T+19
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký mua, chuyển nhượng quyền mua và nộp tiền mua cổ phiếu	T+20 đến T+40
8	VSDC gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	T+43 đến T46
9	Tổng hợp kết quả đăng ký mua của cổ đông; HĐQT Công ty quyết định phương thức xử lý cổ phiếu không chào bán hết (nếu có)	T+ 47 đến T+ 49
10	HĐQT Công ty phân phối lại cổ phiếu còn dư (nếu có)	T+ 50 đến T+ 65
12	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu với UBCKNN	T + 68
13	Nhận thông báo của UBCKNN về việc nhận được Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu	T + 70
14	Thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+ 71 đến T+ 90
15	Chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông (đối với trường hợp cổ đông chưa lưu ký)	T+ 61 đến T+90

Đây là lịch trình phân phối dự kiến cho nhà đầu tư. Tuy nhiên tùy vào tình hình thực tế phát sinh, Hội đồng quản trị sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp và đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông, đồng thời cũng đảm bảo việc huy động vốn của Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Số cổ phiếu chào bán thêm do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được phân bổ quyền mua. Số cổ phiếu mua thêm từ việc thực hiện quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Trường hợp xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết, số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết được phân phối tiếp cho cổ đông/nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Tiền mua cổ phiếu phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng của Công ty, chi tiết như sau:

- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
- Số tài khoản: 1290 213 115
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về đợt tăng vốn.

13. Hủy bỏ đợt chào bán

Không áp dụng.

14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo danh sách cổ đông ALV tại ngày 23/03/2026, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là: 0,28%. Công ty hiện đang duy trì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ và theo Văn bản số 2234/UBCK-PTTT ngày 09/06/2025 của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, tối đa là 0%.

Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài như sau:

- Đối với trường hợp chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu, căn cứ tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty theo Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua từ đợt chào bán, Công ty sẽ phối hợp với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam kiểm soát việc chuyển nhượng quyền mua của cổ đông hiện hữu (nếu có) để đảm bảo tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài tại Công ty sau đợt chào bán tuân thủ theo quy định pháp luật.
- Trường hợp xử lý số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện quyền mua không hết (nếu có), HĐQT sẽ phân phối cho nhà đầu tư trong nước

và đảm bảo tuân thủ tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty không vượt quá 0% theo quy định.

15. Các loại thuế liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán, nhận cổ tức theo các quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

15.1. Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân

Thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán:

- Nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- Thu nhập từ cổ tức:

+ Theo thông tư 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức được xem là thu nhập đầu tư vốn và chịu thuế suất thuế toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế 5%. Trường hợp cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư sẽ phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

15.2. Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ việc chuyển nhượng chứng khoán:

- Doanh nghiệp trong nước: theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 ban hành ngày 14/06/2025 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN, Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TNDN và Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt số 09/2026/QH16 ban hành ngày 24/04/2026, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
- Doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, thu nhập chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp Thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 ban hành ngày 14/06/2025 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN, Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TNDN và Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt số 09/2026/QH16 ban hành ngày 24/04/2026.

16. Thông tin về các cam kết

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST cam kết:

- Cam kết về việc thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán:

Công ty cổ phần Tập đoàn MCST cam kết hoàn thiện hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung đối với số lượng cổ phiếu chào bán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 29 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.

Kế hoạch hoàn thiện hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

STT	Các bước công việc	Dự kiến thời gian (ngày)
1	Ngày kết thúc đợt chào bán	T
2	ALV nộp báo cáo kết quả chào bán tới UBCKNN	T+1
3	Nhận thông báo của UBCKNN về việc nhận được Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu	T+4
4	Chuẩn bị các tài liệu thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+5 – T+8
5	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+9
6	Hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của Tổng công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC); Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)	T+10 – T+20 (*)
7	Nhận được Công văn thông báo số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký bổ sung từ VSDC	T+22 (*)
8	Nhận được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung từ HNX	T+25 (*)
9	Gửi Công văn đăng ký ngày giao dịch đầu tiên của số cổ phiếu đăng ký giao dịch bổ sung tới HNX. Kết thúc thủ tục đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+27

(*) Lộ trình có thể thay đổi phụ thuộc vào thời gian phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Các cam kết khác liên quan đến đợt chào bán:

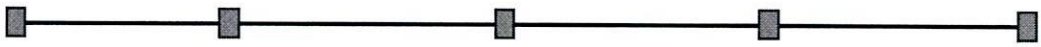
Hội đồng quản trị Công ty cam kết đảm bảo việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đáp ứng các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết thực hiện xử lý số lượng cổ phiếu không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối thực hiện quyền mua phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Ngoài đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng nêu tại Bản cáo bạch này, Công ty dự kiến thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 cho cổ đông hiện hữu và phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ theo các phương án phát hành, chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/4/2026.

Công ty dự kiến thời gian phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và chào bán cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2026, thực hiện chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phiếu ra công chúng cùng thời điểm để đảm bảo phù hợp với kế hoạch tăng vốn của Công ty. Thời gian cụ thể do Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn MCST quyết định. Lộ trình triển khai dự kiến các đợt phát hành, chào bán trong năm của Công ty như sau:



Nộp hồ sơ chào bán ra công chúng	Nộp tài liệu báo cáo phát hành trả cổ tức	UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng và có công văn đã nhận được báo cáo phát hành trả cổ tức của Công ty. Nộp hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Ngày chốt quyền mua cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Thực hiện phân phối cổ phiếu chào bán ra công chúng; Thực hiện báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức; Có công văn UBCKNN nhận được tài liệu đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty và thực hiện phân phối cổ phiếu riêng lẻ.

Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức

Theo tờ trình số 14/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/4/2026 về phương án phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty, thông tin về đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức như sau:

- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: **Tối đa 961.835** cổ phiếu

- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: **9.618.350.000** đồng.
- Tỷ lệ phát hành: **10%**
- Tỷ lệ thực hiện quyền: **10:1**, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 10 quyền sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu phát hành thêm.
- Nguồn vốn thực hiện: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Thông tin về đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ

Theo tờ trình số 15/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 20/4/2026 về phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

- Số lượng cổ phiếu chào bán: 8.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá: 80.000.000.000 đồng
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Phương thức chào bán: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
- Số lượng và Đối tượng chào bán: dưới 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, thông qua danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong nước, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài và sở hữu chéo doanh nghiệp.
- Mục đích sử dụng vốn: toàn bộ số vốn tăng thêm do chào bán được sử dụng để mua cổ phiếu của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng theo phương án chào bán riêng lẻ của doanh nghiệp. Thông tin về Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng và phương án chi tiết được trình bày tại mục IX. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán - Bản cáo bạch.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Công ty chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để huy động được nguồn vốn Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, nâng cao năng lực tài chính của Công ty.

2. Phương án khả thi

Số tiền thu được từ đợt chào bán không nhằm mục đích thực hiện dự án cụ thể nên không có phương án khả thi.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Theo Phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ năm 2026 của ALV đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST

ngày 24/04/2026, số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu dự kiến là: 96.183.580.000 đồng, Công ty sẽ sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu mua cổ phần Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng trong đợt chào bán cổ phần riêng lẻ của Doanh nghiệp.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn huy động từ đợt chào bán: Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông đã chấp thuận giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có để thực hiện kế hoạch đã đề ra.

1. Thông tin về Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng

- Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng
- Địa chỉ: Tổ Dân phố Thủy Minh, phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng
- Giấy CN đăng ký DN số 0200732579 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 13/03/2007, Sở Tài chính TP Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 19/03/2026.
- Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 80.000.000 cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất xi măng, sản xuất clinke.
- Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng hiện đang là chủ đầu tư của Dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê
- Cơ cấu cổ đông trước khi ALV đầu tư mua cổ phần: 05 cổ đông cá nhân, nắm giữ 80.000.000 cổ phần, tương đương 100% vốn điều lệ.
- Mối quan hệ giữa ALV và Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng: ALV hiện là nhà thầu thi công xây dựng cho một số hạng mục xây dựng của Nhà máy xi măng Liên Khê do CTCP Xi măng Bạch Đằng là chủ đầu tư.
- Mối quan hệ giữa những người nội bộ của ALV với CTCP Xi măng Bạch Đằng và những người nội bộ, người có liên quan của CTCP Xi măng Bạch Đằng: Không có.

2. Thông tin về phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2026 của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng

Căn cứ Nghị quyết số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng thông qua phương án phát hành cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Doanh nghiệp, cụ thể:

- Tên Doanh nghiệp phát hành: Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng
- Tên cổ phần phát hành: Cổ phần Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần chào bán: 20.000.000 cổ phần, trong đó:

+ Chào bán cho Công ty cổ phần Tập đoàn MCST: 18.000.000 cổ phần
+ Chào bán cho các nhà đầu tư khác: 2.000.000 cổ phần. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn và thực hiện chào bán cho không quá 50 nhà đầu tư khác.

- Hình thức chào bán: chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư, không kể NĐT chứng khoán chuyên nghiệp
- Thời gian thực hiện chào bán: Quý IV/2026 – Quý I/2027. ĐHĐCĐ giao HĐQT chủ động lựa chọn thời điểm triển khai việc chào bán, quyết định thời gian thu tiền mua cổ phần của NĐT, đảm bảo sự thành công của đợt chào bán.

  Căn cứ Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐQT ngày 09/09/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để thanh toán các khoản vay đến hạn trả cho ông Đào Hải Mạnh theo Hợp đồng vay số: 04/HDVV-BDC ngày 20/12/2023. Các khoản Công ty vay theo Hợp đồng vay số 04/HDVV-BDC ngày 20/12/2023 đã được Công ty sử dụng để thực hiện dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê.

Kế hoạch huy động vốn để mua cổ phần của Doanh nghiệp được ALV dự kiến như sau:

- Giá trị cần đầu tư theo giá mua: **180.000.000.000 đồng.**

  Trong đó nguồn vốn được sử dụng để đầu tư:

  - *Nguồn vốn được huy động thông qua đợt chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu: 96.183.580.000 đồng;*
  - *Nguồn vốn được huy động thông qua đợt chào bán riêng lẻ: 80.000.000.000 đồng;*
  - *Nguồn vốn khác của Công ty: 3.816.420.000 đồng.*
- Tỷ lệ sở hữu của ALV tại Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng trước khi tham gia đầu tư: 0% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu của ALV tại Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng sau khi đầu tư thêm (dự kiến): 18,0% vốn điều lệ.

Mục tiêu đầu tư/Nhu cầu cấp thiết của việc mua cổ phần trong đợt phát hành riêng lẻ của Doanh nghiệp:

+ Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng hiện là đối tác quan trọng của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST trong lĩnh vực thi công xây dựng và cung cấp thiết bị, vật liệu xây dựng. Dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê được đầu tư mới đồng bộ, ứng dụng công nghệ hiện đại và sở hữu chuỗi sản xuất khép kín từ nguồn nguyên liệu, nhà máy sản xuất đến hệ thống cảng thủy nội địa, tạo lợi thế cạnh tranh rõ rệt về chi phí và hiệu quả vận hành.
+ Trong bối cảnh Nhà nước đẩy mạnh đầu tư hạ tầng và nhu cầu vật liệu xây dựng tăng cao, việc MCST tham gia đầu tư cổ phần vào doanh nghiệp sản xuất xi măng sẽ giúp chủ động nguồn cung, ổn định giá vốn, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực thương mại và thi công xây lắp.

+ Khoản đầu tư này phù hợp với định hướng phát triển của Công ty theo mô hình tích hợp "sản xuất – thương mại – thi công", góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh, củng cố vị thế thị trường và mang lại giá trị bền vững cho cổ đông dài hạn.

- Với mục tiêu đầu tư dài hạn, tăng lợi ích kinh doanh và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty trong tương lai, Hội đồng quản trị Công ty đã được ĐHĐCĐ phê duyệt việc đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng trong năm 2026.
- Thời gian đầu tư: Ngay khi Công ty nhận được Giấy phép chào bán cổ phiếu ra công chúng và sau khi ALV huy động vốn thành công từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật.

3. Thông tin cơ bản về dự án nhà máy xi măng Liên Khê:

- Tên dự án: Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Xi măng Liên Khê
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng
- Mục tiêu Dự án: thực hiện theo Quy hoạch phát triển công nghiệp Xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/08/2011.
- Quy mô: Xây dựng nhà máy xi măng Liên Khê, bao gồm các cấu phần: Dây chuyền nhà máy công suất 1.200.000 tấn/năm, cảng thủy nội địa xuất nhập hàng hóa Nhà máy Xi măng Liên Khê đáp ứng cỡ tàu trọng tải đến 3.000 tấn.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Gia Minh, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng (hiện nay là phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng)
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.419.497.088.000 đồng
- Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện và đưa vào khai thác trong quý III năm 2026.

3.1. Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng

Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tổng giá trị tài sản	1.804.903	3.315.818
Doanh thu thuần, trong đó:	3.327	188.402
Doanh thu bán hàng	-	*184.064*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*3.327*	*4.338*
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(11.598)	(52.673)

Lợi nhuận trước thuế	(13.406)	(6.759)
Lợi nhuận sau thuế	(13.406)	(6.759)

Theo BCTC kiểm toán năm 2024,2025 của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng

Doanh thu năm 2024 của công ty là doanh thu dịch vụ cảng. Năm 2025, Công ty ghi nhận doanh thu chủ yếu đến từ hoạt động bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cảng.

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tổng giá trị tài sản	1.804.903	3.315.818
Tổng nợ, trong đó	1.094.157	188.402
Nợ ngắn hạn	*123.868*	*435.520*
Nợ dài hạn	*970.288*	*2.110.711*
Vốn chủ sở hữu	710.747	769.588

Theo BCTC kiểm toán năm 2024,2025 của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng

Đặc thù của Công ty trong giai đoạn xây dựng dự án có tỷ lệ nợ vay cao, đặc biệt trong năm 2026 khi Công ty gấp rút hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt dây chuyền sản xuất của Nhà máy. Dự kiến khi đi vào hoạt động ổn định, nguồn doanh thu tạo ra từ dự án có thể bù đắp lỗ lũy kế trong giai đoạn xây dựng dở dang, đồng thời thanh toán các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

3.2. Tổng quan kế hoạch kinh doanh của Doanh nghiệp giai đoạn 2026 – 2030:

Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng là chủ đầu tư Dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê. Hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp đã được Ban lãnh đạo xây dựng dựa trên hai mảng kinh doanh chính bổ trợ cho nhau, bao gồm ba tài sản chiến lược:

- **Nhà máy Xi măng Liên Khê:** Đây là dự án trọng điểm với tổng mức đầu tư 3.419 tỷ đồng, dự kiến đi vào vận hành khai thác từ Quý III năm 2026. Nhà máy có công suất thiết kế 960.000 tấn clinker/năm, đảm bảo sản xuất tối thiểu 1.200.000 tấn xi măng/năm. Dây chuyền được đầu tư đồng bộ với công nghệ tiên tiến từ các nước G7, tích hợp hệ thống phát điện từ nhiệt thải (WHR) để tiết kiệm năng lượng. Sản phẩm chủ đạo của nhà máy là xi măng PCB40 và PCB30 nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường phía Bắc.
- **Mỏ đá vôi nguyên liệu núi Ngà Voi:** Mỏ đã hoàn tất đầu tư và có trữ lượng khai thác hơn 28,6 triệu tấn với thời hạn 25 năm. Nguồn tài nguyên này đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu lâu dài cho nhà máy xi măng. Việc tự chủ mỏ đá vôi giúp công ty kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu vào, tránh rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng và tối ưu hóa giá thành sản xuất.
- **Cảng thủy nội địa xuất nhập hàng hóa:** Hệ thống cảng cấp II này đã hoàn thành và đi vào khai thác thương mại từ năm 2024, có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải toàn phần lên đến 5.000 tấn. Cảng không chỉ đảm nhiệm vai trò logistics nội bộ (cấp than, xuất sản phẩm cho

nhà máy) mà còn hoạt động như một trung tâm kinh doanh độc lập. Hoạt động của cảng bao gồm kinh doanh thương mại than (nhập khẩu, phối trộn cung cấp cho nhiệt điện, xi măng) và cung cấp các dịch vụ kho bãi, bốc xếp cho khách hàng bên ngoài.

Kế hoạch kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026 – 2030 được xây dựng bám sát lộ trình vận hành của nhà máy và khai thác tối đa dư địa của mảng logistics, cụ thể:

- **Lộ trình sản xuất và tiêu thụ:** Nhà máy xi măng sẽ bắt đầu chạy thử và vận hành trong 4 tháng cuối năm 2026, tương đương 30% công suất bình quân năm. Công suất sẽ được nâng lên 90% vào năm 2027 và duy trì hoạt động với công suất tối đa 100% từ năm 2028 trở đi. Công ty đặt mục tiêu tiêu thụ 100% sản lượng sản xuất ra thị trường. Đồng thời, sản lượng than thương mại tại cảng dự kiến duy trì ở quy mô lớn, tăng từ hơn 400.000 tấn (2026) lên gần 800.000 tấn mỗi năm từ 2028.
- **Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:** Tổng mức đầu tư cho toàn bộ dự án đạt 3.905 tỷ đồng. Nhu cầu vốn này được tài trợ bởi 1.000 tỷ đồng vốn điều lệ (dự kiến sau khi phương án chào bán riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2026 của Công ty) và 2.905 tỷ đồng từ vốn vay ngân hàng.
- **Dự phóng doanh thu – Lợi nhuận:** Sự kết hợp giữa hai mảng kinh doanh giúp tổng doanh thu tăng trưởng mạnh mẽ, từ mức 1.517,1 tỷ đồng trong năm 2026 lên mức 3.680,3 tỷ đồng mỗi năm trong giai đoạn 2028 – 2030 với sự đóng góp doanh thu từ (1) Mảng thương mại than và (2) dịch vụ cảng, cụ thể:

Chỉ tiêu	Đơn vị	2026	2027	2028	2029	2030
DOANH THU	tỷ đồng					
Doanh thu mảng Xi măng	tỷ đồng	360,0	1.080	1.200	1.200	1.200
Doanh thu mảng Cảng & Kinh doanh than	tỷ đồng	1.157,1	1.941,3	2.480,3	2.480,3	2.480,3
Doanh thu kinh doanh thương mại than	*tỷ đồng*	*1.000,0*	*1.500,0*	*2.000,0*	*2.000,0*	*2.000,0*
Doanh thu gia công cấp than cho Nhà máy	*tỷ đồng*	*87,1*	*261,3*	*290,3*	*290,3*	*290,3*
Doanh thu dịch vụ xếp dỡ, bốc xúc tại cảng	*tỷ đồng*	*20,0*	*30,0*	*40,0*	*40,0*	*40,0*
Doanh thu dịch vụ kho bãi, phối trộn, sang tải	*tỷ đồng*	*50,0*	*150,0*	*150,0*	*150,0*	*150,0*
TỔNG DOANH THU	tỷ đồng	**1.517,1**	**3.021,3**	**3.680,3**	**3.680,3**	**3.680,3**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2026	2027	2028	2029	2030

Lợi nhuận trước thuế (Tổng DT – Tổng CP)	tỷ đồng	**19,5**	**74,2**	**143,6**	**173,6**	**203,6**
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (20%)	tỷ đồng	3,9	14,8	28,7	34,7	40,7
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	tỷ đồng	**15,6**	**59,4**	**114,9**	**138,9**	**162,9**
CHỈ SỐ HIỆU QUẢ						
Tỷ suất LNST/Doanh thu (Net Margin)	%	1,0%	2,0%	3,1%	3,8%	4,4%
Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ (ROE/VĐL trên VĐL 1.000 tỷ)	%	1,6%	5,9%	11,5%	13,9%	16,3%
LNST lũy kế giai đoạn 2026-2030	tỷ đồng	15,6	75,0	189,8	328,7	491,6

Với lợi thế khép kín từ khâu nguyên liệu mỏ, dây chuyền sản xuất hiện đại đến hạ tầng logistics đường thủy đã đi vào hoạt động, Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng định hướng một số mục tiêu giai đoạn 2026 – 20230 như sau:

✓ **Hoàn thiện và vận hành ổn định Nhà máy Xi măng Liên Khê**

- Năm 2026, Nhà máy bắt đầu chạy thử, chứng minh công suất trong Quý III/2026 và vận hành ổn định hơn từ Quý IV/2026. Do chỉ phát sinh hoạt động sản xuất trong khoảng 04 tháng cuối năm, tỷ lệ vận hành công suất thiết kế bình quân năm 2026 được tạm tính là 30%, tương đương 4/12 tháng × 90% công suất thiết kế;
- Từ năm 2027, Nhà máy dự kiến vận hàng đủ 12 tháng với mức công suất bình quân khoảng 90% công suất thiết kế. Từ năm 2028 trở đi, Công ty đạt mục tiêu nâng công suất vận hành lên 100% và duy trì ổn định cho các năm tiếp theo;
- Phát triển thương hiệu "Xi măng Bạch Đằng" trên thị trường vật liệu xây dựng phía Bắc, tập trung vào phân khúc xi măng PCB40 và PCB30 – dùng cho việc xây trát và đổ móng của các công trình xây dựng; đảm bảo tỷ lệ tiêu thụ 100% sản lượng sản xuất.

✓ **Tối ưu hóa và mở rộng hoạt động Cảng – Kinh doanh than**

- Duy trì sản lượng kinh doanh than ổn định ở mức 0,95 – 1,2 triệu tấn/năm;
- Mở rộng tệp khách hàng từ các nhà máy nhiệt điện, xi măng, hóa chất sang các ngành sản xuất công nghiệp khác có nhu cầu nhiên liệu rắn;
- Khai thác triệt để công suất bốc xúc của cảng (mục tiêu đạt 2 triệu tấn/năm), kết hợp các dịch vụ logistics gia tăng giá trị (cho thuê kho bãi, trung chuyển hàng rời, dịch vụ phối trộn cho khách hàng bên ngoài);

- Tăng tỷ trọng doanh thu dịch vụ cảng (xếp dỡ, kho bãi, phối trộn) – là phần doanh thu có biên lợi nhuận cao – nhằm cân bằng với biên lợi nhuận thấp của mảng kinh doanh thương mại than (4% doanh thu).

✓ **Nâng cao năng lực tài chính và quản trị**

- Thực hiện thành công đợt chào bán cổ phần cho cổ đông chiến lược để nâng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng;
- Quản lý chặt chẽ dòng tiền, đảm bảo nghĩa vụ trả nợ và duy trì chỉ số tài chính lành mạnh;
- Củng cố hệ thống quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực công ty có vốn đầu tư của cổ đông chiến lược (kiểm toán độc lập, công bố thông tin định kỳ với cổ đông, quản trị rủi ro);
- Mục tiêu lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (ROE/VĐL) đạt tối thiểu 10%/năm tính bình quân cho giai đoạn 5 năm, trong đó các năm từ 2028 trở đi đều đảm bảo mức ROE/VĐL ≥ 10%/năm.

✓ **Phát triển bền vững**

- Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường, an toàn lao động, khoáng sản;
- Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác hoàn nguyên môi trường sau khai thác mỏ;
- Tận dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng (như hệ thống WHR – tận dụng nhiệt thải để phát điện) đã được tích hợp trong dây chuyền sản xuất;
- Đóng góp vào ngân sách địa phương thông qua thuế, phí và tạo việc làm ổn định cho người lao động khu vực

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức kiểm toán

Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2024: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6, Tháp B2 Tòa n hà Roman Plaza, Đường Tố Hữu, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84 24 5678 8078 Website: uhy.vn

Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2025: Công ty TNHH Kiểm toán BDO

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 20, tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84 (0) 24 37833911 Fax: +84 (0) 24 37833914

Website: www.bdo.vn

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 6969

Website: http://upstock.com.vn

3. Ý kiến của Tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là Tổ chức tư vấn phát hành cho đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST , Công ty Cổ phần Chứng khoán UP đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/04/2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST, số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng cho mục đích mua cổ phần của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng theo phương án phát hành cổ phần của Doanh nghiệp.

Công ty dự kiến chào bán hơn 96 triệu cổ phiếu ra công chúng với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn giá trị sổ sách của Công ty tại ngày 31/12/2025. Với triển vọng và chiến lược kinh doanh giai đoạn sắp tới, trong đó có việc phát triển đồng bộ việc cung ứng nguyên vật liệu và xây lắp – là 2 mảng kinh doanh cốt lõi của ALV, chúng tôi nhận thấy việc duy trì lợi nhuận của Công ty trong những năm qua và kế hoạch kinh doanh năm 2026 có tính khả thi, tổ chức tư vấn nhận thấy đợt chào bán của Công ty có khả năng thành công. Việc thực hiện thành công đợt chào bán sẽ góp phần nâng cao quy mô tài chính và bổ sung nguồn vốn kịp thời cho Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính chất tham khảo, nhà đầu tư cần tự mình nghiên cứu kỹ các thông tin và cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi đưa ra quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Tổ chức phát hành.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

XII. NGÀY, THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÂM THU HUYỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ THẢO

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

CHỦ TỊCH HĐQT

CHU TUẤN AN

XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST.
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/04/2026 kèm Tờ trình số 14/2026/TT-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 về Phương án phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST.
3. Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT ngày 29/7/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
4. Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 10/9/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ;
5. Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST.
6. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của CTCP Xây dựng ALVICO, Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Tập đoàn MCST, Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 tự lập của CTCP Tập đoàn MCST
7. Văn bản số 2234/UBCK-PTTT ngày 09/06/2025 của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST;
8. Các tài liệu liên quan đến mục đích sử dụng vốn.

BẢN SAO

SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3300529819

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 01 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 19, ngày 14 tháng 10 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MCST GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MCST GROUP., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0982354540* Số Fax:

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ: 96.183.580.000 đồng.

Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ một trăm tám mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 9.618.358

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LÊ THỊ THẢO Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *14/08/1994* Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *040194005427*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Xóm Nam Xuân, Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 4233 Quyển số: 01 SCT/BS
Ngày: 30-07-2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN LÂM
S.Đ.K.H.Đ: 33 - C.T.P. VĨNH HƯNG - T.P HÀ NỘI

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Đào Thúy Ngà

Lê Hồng Hạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST *Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST;*
- *Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ngày 24/04/2026;*
- *Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ngày 24/04/2026;*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 theo Báo cáo số 04/2026/BC-HĐQT-MCST ngày 20/4/2026 của Hội đồng quản trị (HĐQT).

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 theo Báo cáo số 02/2026/BC-BKS-MCST ngày 01/4/2026 của Ban Kiểm soát (BKS).

Điều 3. Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo Báo cáo số 05/2026/BC-MCST ngày 20/4/2026 của Ban Tổng Giám đốc (Ban TGĐ).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán theo Tờ trình số 01/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập sử dụng các quỹ năm 2025 theo Tờ trình số 02/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Điều 6. Thông qua việc chi trả thù lao, lương, thưởng cho HĐQT, BKS, Ban TGĐ, Kế toán trưởng năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026 theo Tờ trình số 03/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Điều 7. Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026 theo Tờ trình số 04/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của BKS.

Điều 8. Thông qua phương án cập nhật, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi các nội dung trong Điều lệ Công ty theo Tờ trình số 16/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/4/2026 của HĐQT.

Điều 9. Thông qua hủy phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/04/2025 theo Tờ trình số 05/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Điều 10. Thông qua phương án phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 14/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/4/2026 của HĐQT.

Điều 11. Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 15/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/4/2026 của HĐQT.

Điều 12. Thông qua phương án thành lập chi nhánh Công ty theo Tờ trình số 06/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Điều 13. Thông qua phương án đầu tư, mua bán, chuyển nhượng và thanh lý tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2025 theo Tờ trình số 12/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 20/4/2026 của HĐQT.

Điều 14. Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch với bên liên quan của Công ty theo Tờ trình số 11/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 20/4/2026 của HĐQT.

Điều 15. Thông qua bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2028 theo Tờ trình số 08/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Điều 16. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT theo Quy chế số 03/2026/QC-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Điều 17. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2028 tại cuộc họp như sau:

1. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là: 02 (*hai*) năm (2026-2028).

2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu: 01 (*một*) người.
3. Ông Nguyễn Hải Ninh đã trúng cử làm thành viên Hội động quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST nhiệm kỳ 2026-2028.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 24/4/2026.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST, Ban Tổng Giám đốc, các phòng/ban/đơn vị và các Ông/Bà có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của Cổ đông, Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, BĐH;
- UBCKNN, HNX, VSDC;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

Lâm Thu Huyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SAO Y BẢN CHÍNH ngày 30 tháng 4 năm 2026

Số: 01/2026/BB-ĐHĐCĐ-MCST *Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026*

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Thảo

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST

Trụ sở chính: Số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 3300529819 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 23/02/2025

(Sau đây gọi tắt là "**Công ty**")

Hôm nay, vào hồi 8 giờ 30 phút, Thứ 6, ngày 24 tháng 04 năm 2026; tại tầng 7, số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội,

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ("**Đại hội**") được tiến hành với các nội dung sau:

PHẦN 1: KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Thành phần tham dự Đại hội Cổ đông và đại diện Cổ đông

Đại hội đã nghe Bà Mai Thị An – Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

- Tổng số cổ đông của Công ty: 808 cổ đông (theo Danh sách cổ đông Công ty do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập ngày 23/3/2026), đại diện cho 9.618.358 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội: 25 cổ đông, đại diện cho 6.112.265 cổ phần, tương ứng 6.112.265 số phiếu biểu quyết, chiếm 63,5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

  Trong đó:

- Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự Đại hội: 25 cổ đông, đại diện cho 6.112.265 cổ phần, tương ứng 6.112.265 số phiếu biểu quyết, chiếm 63,5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Tổng số cổ đông uỷ quyền: 13 cổ đông.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST đã đủ điều kiện để tiến hành.

2. Khai mạc Đại hội

Đại hội đã tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội, giới thiệu thành phần tham dự
- Giới thiệu Bà Lâm Thu Huyền - Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa điều hành cuộc họp
- Chủ tọa Đại hội giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký và đề xuất Ban Kiểm phiếu để Đại hội lựa chọn

a. Chủ tọa và bộ phận giúp việc Chủ tọa

Đại hội đã thông qua Đoàn chủ tịch gồm 03 người

Bà Lâm Thu Huyền	Chủ tọa
Ông Nguyễn Hải Ninh	Thành viên Đoàn Chủ tịch
Ông Đồng Quang Huy	Thành viên Đoàn Chủ tịch

b. Ban Thư ký Đại hội

Đại hội đã thông qua Thư ký đại hội là Bà Nguyễn Thu Hà và Bà Lê Quỳnh Anh

c. Ban Kiểm phiếu

Đại hội đã thông qua Ban Kiểm phiếu gồm 02 người:

Bà Nguyễn Thị Bích Nụ	- Trưởng ban
Bà Đỗ Thị Thu Huyền	- Thành viên

d. Chương trình Đại hội và Quy chế Đại hội

- Đại hội đã nghe bà Lâm Thu Huyền thay mặt Đoàn Chủ tịch khai mạc đại hội.
- Đại hội đã nghe ông Phạm Mạnh Cường thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc: Chương trình Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2026.

  Kết quả: 100% tổng số biểu quyết của cổ đông dự họp Đại hội đã đồng ý thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2026.
- Đại hội đã nghe bà Nguyễn Thị Bích Nụ thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc: Quy chế làm việc, nguyên tắc thể lệ biểu quyết.

  Kết quả: 100% tổng số biểu quyết của cổ đông dự họp Đại hội đã đồng ý thông qua Quy chế làm việc, nguyên tắc thể lệ biểu quyết.
- Bà Nguyễn Thị Bích Nụ – Trưởng Ban Kiểm phiếu trình bày Quy chế đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.

  Kết quả: 100% tổng số biểu quyết của cổ đông dự họp Đại hội đã đồng ý thông qua Quy chế làm việc, nguyên tắc thể lệ biểu quyết.

Như vậy, Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc, Nguyên tắc thể lệ biểu quyết, Quy chế đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị áp dụng tại Đại hội.

PHẦN 2: CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC TRÌNH BÀY TRONG ĐẠI HỘI

1. Bà Lâm Thu Huyền – Chủ tịch HĐQT trình bày: "Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026"

2. Bà Lê Hoàng Yến – Trưởng Ban kiểm soát trình bày: "Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026"
3. Bà Lê Thị Thảo – Tổng Giám đốc Công ty trình bày: "Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026"
4. Ông Đồng Quang Huy - trình bày các nội dung:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập sử dụng các quỹ;
- Tờ trình chi trả thù lao, lương, thưởng cho HĐQT, BKS, Ban TGĐ, Kế toán trưởng năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026;
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026;
- Tờ trình phương án cập nhật, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi các nội dung trong Điều lệ Công ty;
- Tờ trình hủy phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/04/2025;
- Tờ trình phương án phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ;
- Tờ trình phương án thành lập chi nhánh Công ty;
- Tờ trình phương án đầu tư, mua bán, chuyển nhượng và thanh lý tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính năm 2025;
- Tờ trình bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2028;

PHẦN 3: THẢO LUẬN CỦA CỔ ĐÔNG TẠI CUỘC HỌP

Cổ đông Hà Thị Hồng Nhung, đại diện cho 170.620 cổ phần, có ý kiến đề nghị HĐQT rà soát và chỉnh sửa lại nội dung các tờ trình như sau:

- Đối với Tờ trình phương án phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ: Đối với nội dung phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: Đề nghị bổ sung thêm mục đích chào bán cổ phần và kết cấu lại nội dung phương án sử dụng vốn cho rõ ràng hơn.
- Đối với Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ: Bổ sung thông tin về số lượng cổ phiếu tối đa dự kiến từ 2 đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành ra công chúng để rõ ý hơn; Điều chỉnh lại kết cấu nội dung phương án sử dụng vốn cho rõ ràng hơn.
- Đối với Tờ trình phương án cập nhật, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi các nội dung trong Điều lệ Công ty: Đề nghị sửa lại nội dung Khoản 5 – Nội dung sau khi sửa đổi:
  - Khoản 2 và 3: "dự họp" thành "tham dự và biểu quyết tại cuộc họp" .
  - Khoản 2: sửa "các khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp" thành "Khoản 1 Điều 17 và khoản 8 Điều 22 Điều lệ này" cho phù hợp với nội dung điều lệ.
  - Khoản 3: bỏ "và khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp".

Ý kiến của Chủ tọa đại hội: tiếp thu ý kiến của cổ đông và đề nghị Phòng Pháp chế rà soát, cập nhật lại nội dung thực tế.

Điều chỉnh tờ trình: Sau khi Phòng Pháp chế rà soát và cập nhật, bổ sung nội dung theo ý kiến của cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất thông qua nội dung sửa đổi, ông Đồng Quang Huy, thành viên đoàn chủ tịch đã trình bày lại các tờ trình:

- Tờ trình phương án cập nhật, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi các nội dung trong Điều lệ Công ty;
- Tờ trình phương án phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Tờ trình phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ;

Các cổ đông đã nghe và thống nhất nội dung các tờ trình nêu trên để tiến hành biểu quyết thông qua tờ trình.

PHẦN 4: ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BIỂU QUYẾT VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI NHƯ SAU:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Nụ – Trưởng Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội.
2. Các vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với kết quả như sau:

Phương thức biểu quyết: Bỏ phiếu kín

- Số phiếu phát ra: 6.112.265 phiếu biểu quyết.
- Số phiếu thu về: 6.112.265 phiếu biểu quyết.
- Số phiếu hợp lệ: 6.112.265 phiếu biểu quyết.
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu biểu quyết.

Kết quả biểu quyết đối với từng vấn đề cụ thể như sau:

<u>Vấn đề 1:</u> Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 theo Báo cáo số 04/2026/BC-HĐQT-MCST ngày 20/4/2026 của Hội đồng quản trị (HĐQT).

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	**6.112.265**	**100%**
Không tán thành	**0**	**0%**
Không có ý kiến	**0**	**0%**

<u>Vấn đề 2:</u> Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 theo Báo cáo số 02/2026/BC-BKS-MCST ngày 01/4/2026 của Ban Kiểm soát (BKS).

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	**6.112.265**	**100%**
Không tán thành	**0**	**0%**
Không có ý kiến	**0**	**0%**

Vấn đề 3: Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 theo Báo cáo số 05/2026/BC-MCST ngày 20/4/2026 của Ban Tổng Giám đốc (Ban TGĐ).

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	6.112.265	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Vấn đề 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán theo Tờ trình số 01/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	6.112.265	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Vấn đề 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập sử dụng các quỹ năm 2025 theo Tờ trình số 02/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	6.112.265	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Vấn đề 6: Thông qua việc chi trả thù lao, lương, thưởng cho HĐQT, BKS, Ban TGĐ, Kế toán trưởng năm 2025 và kế hoạch chi trả năm 2026 theo Tờ trình số 03/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	6.112.265	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Vấn đề 7: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026 theo Tờ trình số 04/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của BKS.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)

Tán thành	**6.093.265**	**99,69%**
Không tán thành	**0**	**0%**
Không có ý kiến	**19.000**	**0,31%**

Vấn đề 8: Thông qua phương án cập nhật, thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi các nội dung trong Điều lệ Công ty theo Tờ trình số 16/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	**6.093.265**	**99,69%**
Không tán thành	**0**	**0%**
Không có ý kiến	**19.000**	**0,31%**

Vấn đề 9: Thông qua hủy phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2025 được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/04/2025 theo Tờ trình số 05/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	**6.112.265**	**100%**
Không tán thành	**0**	**0%**
Không có ý kiến	**0**	**0%**

Vấn đề 10: Thông qua phương án phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 14/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	**6.112.265**	**100%**
Không tán thành	**0**	**0%**
Không có ý kiến	**0**	**0%**

Vấn đề 11: Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 15/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	**6.093.265**	**98,69%**
Không tán thành	**0**	**0%**

Không có ý kiến	79.800	1,31%

Vấn đề 12: Thông qua phương án thành lập chi nhánh Công ty theo Tờ trình số 06/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	6.093.265	98,69%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	79.800	1,31%

Vấn đề 13: Thông qua phương án đầu tư, mua bán, chuyển nhượng và thanh lý tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2025 theo Tờ trình số 12/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 20/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	6.112.265	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Vấn đề 14: Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch với bên liên quan của Công ty theo Tờ trình số 11/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 20/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	6.112.265	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Vấn đề 15: Thông qua bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2026-2028 theo Tờ trình số 08/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	6.112.265	100%
Không tán thành	0	0%
Không có ý kiến	0	0%

Vấn đề 16: Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử bầu thành viên HĐQT theo Quy chế

số 03/2026/QC-MCST ngày 01/4/2026 của HĐQT.

Biểu quyết	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
Tán thành	**6.112.265**	**100%**
Không tán thành	**0**	**0%**
Không có ý kiến	**0**	**0%**

PHẦN 5: ĐẠI HỘI TIẾN HÀNH BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

Đại hội thống nhất bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2028 theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thành viên được đề cử vào Hội đồng quản trị công ty:

- Ông: Nguyễn Hải Ninh

Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2028 như sau:

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Hải Ninh	6.112.265	100%

PHẦN 6: CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI

1. Bà Nguyễn Thu Hà – Thành viên Ban Thư ký đọc Biên bản họp Đại hội.
2. Ông Đồng Quang Huy – Thành viên đoàn chủ tịch đọc Nghị quyết Đại hội.
3. Đại hội nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
4. Ra mắt thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2026-2028.
5. Chủ tọa Lâm Thu Huyền tuyên bố bế mạc Đại hội.

Biên bản này được lập lúc 12 giờ 05 phút ngày 24/04/2026 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST.

THƯ KÝ	**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**
Nguyễn Thu Hà	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST – M.S.D.N: 3300529819 – C.T.C.P – THÀNH PHỐ HÀ NỘI
	Lâm Thu Huyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14./2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thị Thảo

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 30 tháng 9 năm 2026

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

V/v: Phương án phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung và hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Tập đoàn MCST,*

Căn cứ nhu cầu mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phát hành, chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức tăng vốn điều lệ

1. Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST.
2. Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST.
3. Mã cổ phiếu : ALV
4. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
5. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Vốn điều lệ hiện tại : **96.183.580.000** đồng
7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : **9.618.358** cổ phiếu

8. Phương thức phát hành	:	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025.
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	:	**Tối đa 961.835** cổ phiếu.
10. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá (dự kiến)	:	**9.618.350.000** đồng.
11. Mục đích chào bán	:	Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, nâng cao năng lực tài chính của Công ty.
12. Đối tượng phát hành	:	Cổ đông hiện hữu của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.
13. Tỷ lệ phát hành	:	**10%**
14. Tỷ lệ thực hiện quyền	:	**100:10**, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 10 quyền sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu phát hành thêm.
15. Phương án làm tròn, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ	:	Cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh (phần thập phân nếu có) sẽ bị hủy bỏ. *Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 155 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là (155 : 100 x 10) = 15,5 cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 15 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,5 sẽ bị hủy bỏ.*
16. Chuyển nhượng quyền	:	Quyền nhận cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức không được phép chuyển nhượng. Cổ phiếu quỹ (nếu có) không được thực hiện quyền.
17. Thời gian dự kiến phát hành	:	Dự kiến trong năm 2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản cho Công ty và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức của Công ty. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT công ty quyết định phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông.
18. Nguồn vốn sử dụng	:	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

19. Phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành	:	Sau khi hoàn tất việc phát hành, số vốn điều lệ tăng thêm sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.
20. Đăng ký và giao dịch bổ sung	:	Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT hoàn tất thủ tục và hồ sơ đăng ký chứng khoán, giao dịch bổ sung đối với toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm.
21. Các hạn chế liên quan	:	Cổ phiếu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng. Các cổ phiếu trong tình trạng bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có) của cổ đông hiện hữu vẫn được nhận cổ phiếu từ đợt phát hành.

II. Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu

1.	Tên tổ chức chào bán	:	Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
2.	Tên cổ phiếu chào bán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
3.	Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
4.	Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
5.	Mã chứng khoán	:	ALV
6.	Vốn điều lệ trước khi chào bán	:	**96.183.580.000** đồng
7.	Số lượng cổ phiếu trước khi chào bán	:	**9.618.358** cổ phiếu
8.	Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	:	**9.618.358** cổ phiếu
9.	Giá trị chào bán theo mệnh giá dự kiến	:	**96.183.580.000** đồng

10. Phương thức chào bán	:	Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo phương thức phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu
11. Đối tượng chào bán	:	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu.
12. Giá chào bán	:	**10.000** đồng/cổ phiếu
13. Nguyên tắc xác định giá	:	**Nguyên tắc xác định giá chào bán:** - Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST tại thời điểm 31/12/2025 trên BCTC đã được kiểm toán của Công ty là 11.745 đồng/ cổ phiếu - Giá trị thị trường cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST giao dịch tại SGD Chứng khoán Hà Nội: được tính theo trung bình giá tham chiếu trong 30 phiên giao dịch (từ ngày 09/03/2026 đến ngày 17/04/2026) là 7.373 đồng/cổ phiếu. ***Giá cổ phiếu bình quân theo 2 phương pháp: 9.559 đồng/cổ phiếu*** **Xác định giá chào bán:** Cổ phiếu ALV trên thị trường tính thanh khoản thấp, ít giao dịch, khối lượng cổ phiếu giao dịch thấp (bình quân khối lượng giao dịch trong 10 phiên gần nhất ~ 21.000 cổ phiếu/ phiên giao dịch) so với số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty. Căn cứ nhu cầu huy động vốn, HĐQT đề xuất giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là: **10.000 đồng/cổ phiếu**.
14. Tỷ lệ thực hiện quyền	:	**1:1**, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng phân bổ quyền, cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ có 1 quyền mua, cứ 1 quyền mua thì được mua thêm 1 cổ phiếu mới.
15. Nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh	:	Do tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1 nên không có cổ phiếu lẻ phát sinh.
16. Chuyển nhượng quyền mua	:	Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu cho người khác nhưng chỉ được chuyển nhượng 01 lần trong thời gian quy định. Người nhận chuyển nhượng

quyền mua không được chuyển nhượng quyền mua đó cho người thứ 3.

Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo thỏa thuận giữa các bên. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng.

17. Mức độ pha loãng cổ phiếu

Trong đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, có thể phát sinh rủi ro pha loãng: (i) pha loãng về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền, (ii) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần, (iii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần, (iv) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết, … ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT rà soát, đánh giá các rủi ro nêu trên tại thời điểm triển khai đợt chào bán và công bố thông tin này tại Bản cáo bạch chào bán và các văn bản có liên quan trong hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ của Công ty.

18. Phương án xử lý cổ phiếu còn dư: :

+ Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, bằng mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

+ Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

+ Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này bị hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

19. Hạn chế chuyển nhượng : + Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng;

+ Số lượng cổ phiếu còn dư do HĐQT quyết định chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

20. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu : Không áp dụng

21. Thời gian dự kiến chào bán : Dự kiến trong năm 2026, sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo quy định.

22. Đăng ký chứng khoán và giao dịch bổ sung : Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT hoàn tất thủ tục và hồ sơ đăng ký chứng khoán, giao dịch bổ sung đối với toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm.

23. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tính theo giá chào bán là **96.183.580.000** đồng sẽ được sử dụng để đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng (Doanh nghiệp) theo phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Doanh nghiệp.

Theo phương án phát hành của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng, Doanh nghiệp dự kiến chào bán riêng lẻ cho Công ty cổ phần MCST số lượng cổ phần là 18.000.000 cổ phần, tương đương 180.000.000.000 đồng. Sau khi hoàn tất việc góp vốn vào Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng, dự kiến vốn góp của ALV tại Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng là 180.000.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ sở hữu là 18,0% vốn điều lệ của doanh nghiệp. (Tính theo tỷ lệ tổng số tiền sử dụng để mua cổ phần của doanh nghiệp từ: (1) đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, tổng số tiền dự kiến huy động là 96.183.580.000 đồng và (2) đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ, tổng số tiền dự kiến huy động là 80.000.000.000 đồng và (3) nguồn vốn hiện có của Công ty là 3.816.420.000 đồng).

Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét huy

động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.

❖ Thông tin về Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng:

- Tên Doanh nghiệp: Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng
- Địa chỉ: Tổ Dân phố Thủy Minh, phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng
- Giấy CN đăng ký DN số 0200732579 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp lần đầu ngày 13/03/2007, Sở Tài chính TP Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 19/03/2026.
- Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 80.000.000 cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất xi măng, sản xuất clinke.
- Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng hiện đang là chủ đầu tư của Dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê.

❖ Thông tin về phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Doanh nghiệp

- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 20.000.000 cổ phần
- Giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng.
- Hình thức chào bán: chào bán cổ phần riêng lẻ
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng chào bán: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST và các Nhà đầu tư khác.
- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của CTCP Xi măng Bạch Đằng: Cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê, tăng cường năng lực tài chính, tăng tỷ trọng vốn tự có/vốn vay theo hướng an toàn, bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

❖ Thông tin về dự án Nhà máy xi măng Liên Khê:

- Tên dự án: Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Xi măng Liên Khê
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Bạch Đằng
- Mục tiêu Dự án: thực hiện theo Quy hoạch phát triển công nghiệp Xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/08/2011.
- Quy mô: Xây dựng nhà máy xi măng Liên Khê, bao gồm các cấu phần: Dây chuyền nhà máy công suất 1.200.000 tấn/năm, cảng thủy nội địa xuất nhập hàng hóa Nhà máy Xi măng Liên Khê đáp ứng cỡ tàu trọng tải đến 3.000 tấn.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Gia Minh, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải phòng (hiện nay là phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng)

- Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.419.497.088.000 đồng
- Tiến độ thực hiện dự án: Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện và đưa vào khai thác trong quý III năm 2026.

❖ Sự cần thiết của việc đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng:

- Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng hiện là đối tác quan trọng của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST trong lĩnh vực cung ứng vật liệu xây dựng. Dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê được đầu tư mới đồng bộ, ứng dụng công nghệ hiện đại và sở hữu chuỗi sản xuất khép kín từ nguồn nguyên liệu, nhà máy sản xuất đến hệ thống cảng thủy nội địa, tạo lợi thế cạnh tranh rõ rệt về chi phí và hiệu quả vận hành.
- Trong bối cảnh Nhà nước đẩy mạnh đầu tư hạ tầng và nhu cầu vật liệu xây dựng tăng cao, việc MCST tham gia đầu tư cổ phần vào doanh nghiệp sản xuất xi măng sẽ giúp chủ động nguồn cung, ổn định giá vốn, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực thương mại và thi công xây lắp.
- Khoản đầu tư này phù hợp với định hướng phát triển của Công ty theo mô hình tích hợp "sản xuất – thương mại – thi công", góp phần gia tăng hiệu quả kinh doanh, củng cố vị thế thị trường và mang lại giá trị bền vững cho cổ đông dài hạn.

III. Thay đổi vốn điều lệ sau khi hoàn tất thủ tục phát hành, chào bán cổ phiếu

ĐHĐCĐ thông qua việc tăng vốn điều lệ và sửa đổi mức vốn điều lệ quy định tại Điều lệ Công ty theo kết quả thực tế phát hành cổ phiếu.

ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mức vốn điều lệ mới tăng thêm theo kết quả thực tế phát hành cổ phiếu.

IV. Thông qua các nội dung giao và ủy quyền cho HĐQT:

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến đợt phát hành, chào bán theo thẩm quyền nhưng không giới hạn các điều sau:

- Quyết định và thực hiện toàn bộ công việc và thủ tục liên quan để triển khai và hoàn tất việc phát hành, chào bán cổ phiếu;
- Bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh và/hoặc phê chuẩn/chấp thuận/thông qua toàn bộ các tài liệu hiệu chỉnh/hoàn chỉnh phương án phát hành, chào bán cổ phiếu phù hợp với nhu cầu thực tiễn hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, theo đúng hướng dẫn của các cơ quan quản lý Nhà nước, tiến hành trình các cơ quan quản lý Nhà nước xem xét chấp thuận và triển khai thực hiện các thủ tục phát hành, chào bán cổ phiếu theo quy định;
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành, chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Lựa chọn thời điểm triển khai việc phát hành, chào bán cổ phiếu cho phù hợp;

- Thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh và sửa đổi điều khoản liên quan đến vốn điều lệ và cổ phần tại Điều lệ Công ty sau khi hoàn tất việc phát hành, chào bán cổ phiếu theo quy mô vốn điều lệ mới tăng thêm và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất;
- Xử lý cổ phiếu lẻ của đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức, cổ phiếu chưa phân phối hết (nếu có) trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo nội dung đã nêu tại phương án chào bán;
- Lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho mục đích sử dụng vốn thu được của đợt chào bán. Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông; Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này;
- Đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung số cổ phiếu mới phát hành, chào bán theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án phát hành, chào bán cổ phiếu, ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án phát hành, chào bán cổ phiếu (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong Tờ trình này) theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức, Phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST với các nội dung nêu trên./.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- *Như Kính gửi;*
- *CBTT;*
- *HĐQT, BKS, BTGĐ*
- *Lưu HC.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3300529819-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lâm Thu Huyền

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 30 tháng 9 năm 2026

MCST
Make Change. Shape Tomorrow

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Thảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15/2026/NQ-HĐQT-MCST

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ngày 24/04/2026;*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 15/2026/BBH-HĐQT-MCST của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ngày 29/7/2026.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ngày 24/04/2026.

Điều 2: Thông qua thời gian dự kiến chào bán: Trong năm 2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho Công ty.

Điều 3: Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, cụ thể:

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tính theo giá chào bán là **96.183.580.000** đồng sẽ được sử dụng để đầu tư mua cổ phần của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng (Doanh nghiệp) theo phương án phát hành cổ phần của Doanh nghiệp như sau:

❖ Thông tin về phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Doanh nghiệp

- Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 20.000.000 cổ phần
- Giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá: 200.000.000.000 đồng.
- Hình thức chào bán: chào bán cổ phần riêng lẻ
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng chào bán: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST và các Nhà đầu tư khác.
- Số lượng cổ phần chào bán cho Công ty cổ phần Tập đoàn MCST: 18.000.000 cổ phần, tương đương giá trị 180.000.000.000 đồng tính theo mệnh giá.
- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của CTCP Xi măng Bạch Đằng: Cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê, tăng cường năng lực tài chính, tăng tỷ trọng vốn tự có/vốn vay theo hướng an toàn, bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

❖ Thông tin về dự án Nhà máy xi măng Liên Khê:

- Tên dự án: Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Xi măng Liên Khê
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng
- Mục tiêu Dự án: thực hiện theo Quy hoạch phát triển công nghiệp Xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/08/2011.
- Quy mô: Xây dựng nhà máy xi măng Liên Khê, bao gồm các cấu phần: Dây chuyền nhà máy công suất 1.200.000 tấn/năm, cảng thủy nội địa xuất nhập hàng hóa Nhà máy Xi măng Liên Khê đáp ứng cỡ tàu trọng tải đến 3.000 tấn.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Gia Minh, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải phòng (hiện nay là phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng)
- Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.419.497.088.000 đồng

Trường hợp cổ phiếu không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.

Điều 4: Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tối đa tại ALV là 0% vốn điều lệ căn cứ theo Văn bản số 2334/UBCK-PTTT ngày 09/06/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty.
- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty theo công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại ngày 29/07/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) công bố là 0,28%.
- Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%, HĐQT Công ty thực hiện các biện pháp bảo đảm như sau:

+ Cổ đông hiện hữu được thực hiện quyền mua cổ phiếu theo tỷ lệ thực hiện quyền;
+ Đối với trường hợp phân phối số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán (cổ phiếu chưa phân phối hết), HĐQT cam kết sẽ chỉ phân phối số cổ phiếu chưa phân phối hết này cho các nhà đầu tư trong nước.

HĐQT Công ty cam kết luôn đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty trước, trong và sau đợt chào bán.

Điều 5: Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc cùng các khối/ đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc ALV chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- CBTT;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

Lâm Thu Huyền

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17 /NQ-HĐQT-MCST

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;*
- *Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ngày 24/04/2026;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST;*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 10/09/2026.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST như sau:

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST thống nhất thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước như sau:

1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 65./2026/CV-MCST ngày 10/9/2026
2. Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng;
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 14/10/2025;
4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Tập đoàn MCST; Tờ trình số 14/2026/TT-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/04/2026 về Phương án phát hành chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

5. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
6. Nghị quyết số 15/NQ-HĐQT-MCST ngày 29/7/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn MCST thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
7. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của CTCP Xây dựng ALVICO, Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của CTCP Tập đoàn MCST; Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 tự lập của CTCP Tập đoàn MCST;
8. Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 23/2026/TVPCB/UPSC-ALV ngày 16/04/2026 ký giữa Công ty cổ phần Tập đoàn MCST và Công ty cổ phần Chứng khoán UP;
9. Văn bản số 61/2026/CV-MCST ngày 03/8/2026 của Công ty cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;
10. Văn bản số 62/2026/CV-MCST ngày 03/8/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu sau chào bán;
11. Văn bản số 2334/UBCK-PTTT ngày 09/06/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty cổ phần Tập đoàn MCST;
12. Văn bản xác nhận về thông tin tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán số 1908/TB-BIDV.HMHN ngày 29/07/2026 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai.
13. Tài liệu liên quan đến mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu của Công ty.

Điều 2. Hội đồng quản trị giao và ủy quyền cho Bà Lê Thị Thảo – Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật chỉ đạo các phòng ban liên quan thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty để hoàn thiện tài liệu hồ sơ đăng ký chào bán và các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan (nếu có) trong quá trình thẩm định, xét duyệt hồ sơ chào bán cổ phiếu tăng vốn của Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT-MCST ngày 03/08/2026 của HĐQT CTCP Tập đoàn MCST.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *BKS;*
- *CBTT (web cty);*
- *Lưu VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

Lâm Thu Huyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 30 tháng 9 năm 2026

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 3300529819 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Mục Lục

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 12
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 12
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 12
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 13
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 13
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 13
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 13
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 14
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 14
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 14
Điều 12. Quyền của cổ đông 14
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 16
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 16
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 17. Thay đổi các quyền 20
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 22
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 24

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 24
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 26
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 27
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 27
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 27
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 28
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 28
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 30
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 31
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 32
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 32
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 33
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 33
Điều 34. Người điều hành Công ty 33
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 33
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) 34
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát 34
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 35
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 35
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 36
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 36
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 37
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 37
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 38
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 38
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 39
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 39
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 39
Điều 47. Tài khoản ngân hàng 39
Điều 48. Năm tài chính 39

Điều 49. Chế độ kế toán 40
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 40
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 40
Điều 51. Báo cáo thường niên 40
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 40
Điều 52. Kiểm toán 40
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 41
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp 41
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 41
Điều 54. Giải thể công ty 41
Điều 55. Gia hạn hoạt động 41
Điều 56. Thanh lý 41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 42
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ 42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 42
Điều 58. Điều lệ công ty 42
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 43
Điều 59. Ngày hiệu lực 43

Điều lệ sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST thông qua theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24 tháng 4 năm 2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MCST GROUP JOINT STOCK COMPANY
- Tên Công ty viết tắt: MCST GROUP., JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: **Số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội, Việt Nam.**
- Điện thoại: **0982354540**
- E-mail:

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật, với chức danh Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý liên quan.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Mã ngành	Tên ngành
1.	0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
2.	0710	Khai thác quặng sắt
3.	0729	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
4.	0730	Khai thác quặng kim loại quý hiếm
5.	**0810**	**Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét**

	(Chính)	***Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét.***
6.	0891	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón
7.	0892	Khai thác và thu gom than bùn
8.	1030	Chế biến và bảo quản rau quả
9.	1061	Xay xát và sản xuất bột thô
10.	1062	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột
11.	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu
12.	1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
13.	1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
14.	1623	Sản xuất bao bì bằng gỗ
15.	1701	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa
16.	1709	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu
17.	1910	Sản xuất than cốc
18.	1920	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất sản phẩm nhiên liệu hoá thạch
19.	2211	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su
20.	2219	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
21.	2220	Sản xuất sản phẩm từ plastic
22.	2310	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh
23.	2391	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
24.	2392	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
25.	2394	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
26.	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao
27.	2399	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
28.	2410	Sản xuất sắt, thép, gang
29.	2420	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu *Chi tiết: Loại trừ sản xuất vàng miếng*
30.	2431	Đúc sắt, thép
31.	2511	Sản xuất các cấu kiện kim loại
32.	2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
33.	2591	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
34.	2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại

35.	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
36.	2619	Sản xuất linh kiện điện tử khác
37.	2620	Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính
38.	2640	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
39.	2651	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển
40.	2652	Sản xuất đồng hồ
41.	2660	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp
42.	2670	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học
43.	2680	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học
44.	2710	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
45.	2720	Sản xuất pin và ắc quy
46.	2731	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
47.	2732	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
48.	2733	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
49.	2740	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng
50.	2750	Sản xuất đồ điện dân dụng
51.	2811	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)
52.	2812	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu
53.	2813	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác
54.	2814	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
55.	2815	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung
56.	2816	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp
57.	2817	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính)
58.	2824	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
59.	2910	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác
60.	2920	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc
61.	2930	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác
62.	3091	Sản xuất mô tô, xe máy
63.	3092	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật
64.	3099	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu

65.	3311	Sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm kim loại đúc sẵn
66.	3312	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị
67.	3314	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện
68.	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
69.	3511	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng không tái tạo *(Loại trừ: Sản xuất điện hạt nhân)*
70.	3512	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo *(Loại trừ: Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội.)*
71.	3513	Truyền tải và phân phối điện *(Loại trừ: Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia)*
72.	3520	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống
73.	3530	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá
74.	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
75.	3700	Thoát nước và xử lý nước thải
76.	3811	Thu gom rác thải không độc hại
77.	3812	Thu gom rác thải độc hại
78.	3821	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
79.	3822	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại
80.	3830	Tái chế phế liệu
81.	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
82.	4101	Xây dựng nhà để ở
83.	4102	Xây dựng nhà không để ở
84.	4211	Xây dựng công trình đường sắt
85.	4212	Xây dựng công trình đường bộ
86.	4221	Xây dựng công trình điện
87.	4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
88.	4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
89.	4229	Xây dựng công trình công ích khác *Chi tiết: Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu*
90.	4292	Xây dựng công trình khai khoáng
91.	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo

92.	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch*
93.	4311	Phá dỡ
94.	4312	Chuẩn bị mặt bằng *Chi tiết: San lấp mặt bằng*
95.	4321	Lắp đặt hệ thống điện
96.	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
97.	4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
98.	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa *(Loại trừ: Đấu giá hàng hóa)*
99.	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
100.	4631	Bán buôn gạo, lúa mỳ, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mỳ
101.	4632	Bán buôn thực phẩm *(Loại trừ hàng hóa bị cấm theo quy định pháp luật)*
102.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
103.	4661	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác *(Loại trừ: đấu giá hàng hóa)*
104.	4671	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan *(Loại trừ: đấu giá hàng hóa)*
105.	4672	Bán buôn kim loại và quặng kim loại *(Loại trừ: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác)*
106.	4673	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *(Loại trừ: đấu giá hàng hóa)*
107.	4690	Bán buôn tổng hợp
108.	4721	Bán lẻ lương thực
109.	4722	Bán lẻ thực phẩm
110.	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
111.	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
112.	4940	Vận tải đường ống
113.	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
114.	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
115.	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt

116.	5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy *(Loại trừ: Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)*
117.	5224	Bốc xếp hàng hóa
118.	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải *(Loại trừ: Dịch vụ hoa tiêu hàng hải)*
119.	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Kinh doanh bất động sản*
120.	6821	Dịch vụ trung gian cho hoạt động bất động sản *Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản. (Điều 61, Điều 67 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023)*
121.	6829	Hoạt động bất động sản khác trên cơ sở phí hoặc hợp đồng *Chi tiết: Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư (Điều 84 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở)*
122.	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan *Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: thiết kế kiến trúc; thiết kế kết cấu công trình, thiết kế cơ - điện công trình, thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; Lập quy hoạch xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình*
123.	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng *Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất công trình;*
124.	7710	Cho thuê xe có động cơ
125.	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
126.	7821	Cung ứng lao động tạm thời *(Loại trừ: cung ứng lao động tạm thời cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và hoạt động của tổ chức dịch vụ việc làm công)*
127.	7822	Cung ứng nguồn nhân lực khác *Chi tiết: Cung ứng nguồn nhân lực khác trong nước (không bao gồm cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)*
128.	8019	Dịch vụ bảo đảm an toàn khác
129.	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại *Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và*

		cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức
130.	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh./.*
131.	9531	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty vững mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty sẽ đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của công ty là 96.183.580.000 VNĐ *(Bằng chữ: Chín mươi sáu tỷ, một trăm tám mươi ba triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).*

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.618.358 cổ phần (Chín triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm năm mươi tám cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với

điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn hợp lý kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn theo quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

3. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04)

tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ Công ty;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Phương thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức bằng một trong các phương thức sau:

a) Tổ chức họp trực tiếp tại địa điểm tổ chức họp;

b) Tổ chức họp trực tuyến;

c) Tổ chức họp trực tiếp tại địa điểm tổ chức họp kết hợp họp trực tuyến,
Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua mọi vấn đề thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 17 và khoản 8 Điều 22 Điều lệ này:
a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với bất kỳ vấn đề nào thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ

chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị củ Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3.Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Công ty thành lập Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 36 đến Điều 41 Điều lệ này.

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 30% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung

thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản

lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên

quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/04/2026, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 5 năm 2026.

2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG **CHỦ TỊCH HĐQT**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** **CỦA CÔNG TY** **TỔNG GIÁM ĐỐC**
M.S.D.N:3300529819-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST THÀNH PHỐ HÀ NỘI	
Lâm Thu Huyền	**Lê Thị Thảo**

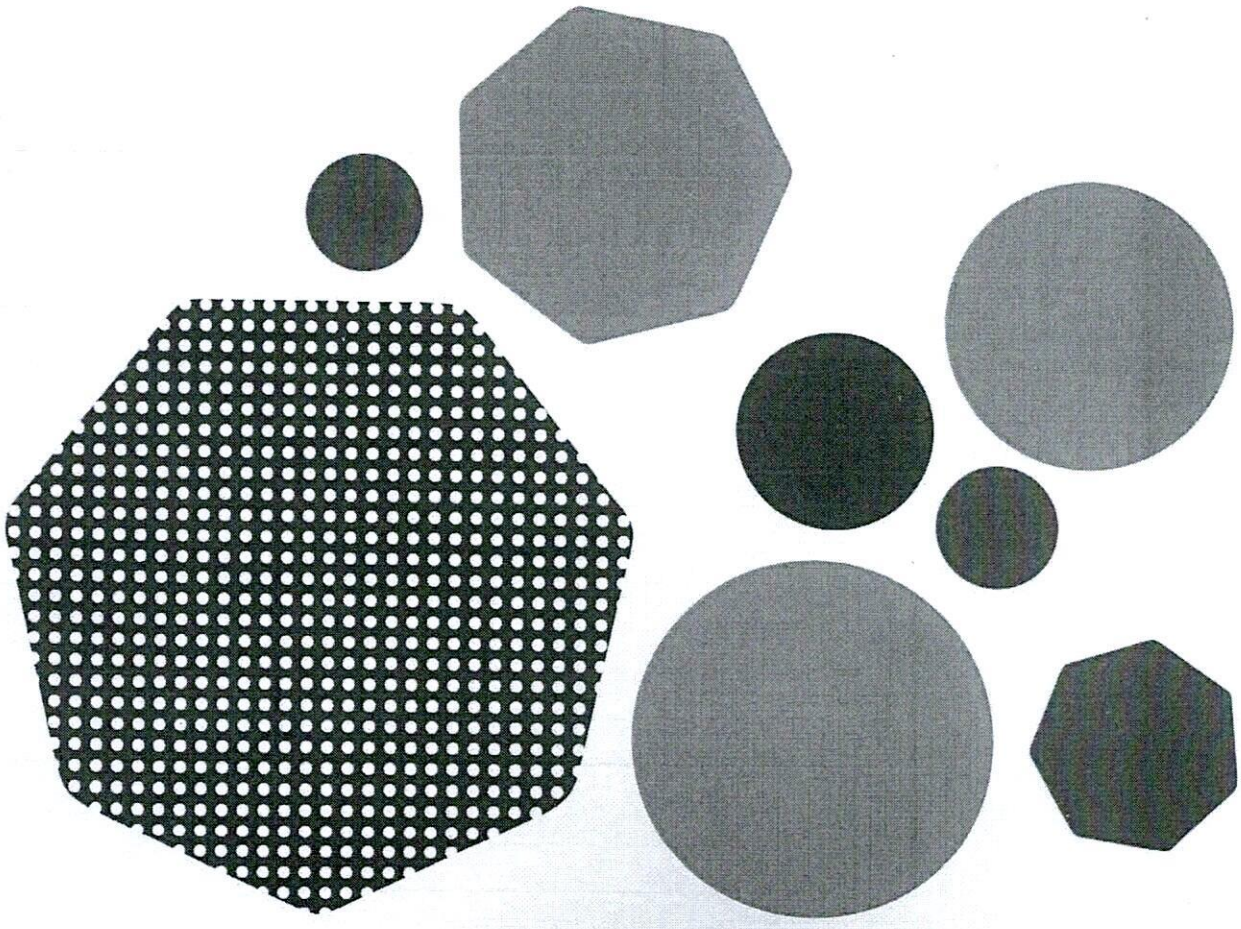
BẢN SAO

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xây dựng ALVICO (sau đây được gọi là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

Bà Lâm Thu Huyền	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hải Ninh	Thành viên	
Bà Lê Thị Lộc	Thành viên	

Ban kiểm soát

Bà Mai Thị Xuyến	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2024)
Bà Nghiêm Thị Thu Hiền	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 07/05/2024)
Ông Đặng Xuân Hoà	Thành viên	
Bà Vũ Thị Giang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2024)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Thảo	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Việt Hải	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 18/07/2024)

Kế toán trưởng của Công ty là bà Hà Thị Hồng Nhung

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 3300529819 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO * Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Lê Thị Thảo
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -06- 2026
Số chứng thực: 28313 - - 01 Quyển số: SCT/BS

S.Đ.K.H.Đ: 89 - C.T.H.D * VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ * P. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ

Số: 265 /2025/UHYHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần xây dựng ALVICO
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần xây dựng ALVICO

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần xây dựng ALVICO (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xây dựng ALVICO tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đặng Minh Đức
Giám đốc
Giấy ĐKHN Kiểm toán số: 4885-2025-112-1

Lại Trường Dương
Kiểm toán viên
Giấy ĐKHN Kiểm toán số: 3392-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -06- 2026
Số chứng thực: 28314 -- 01 Quyển số: SCT/BS

S.Đ.K.H.Đ : 89 - C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
P. CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**104.668.846.689**	**101.160.962.978**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**37.521.740.763**	**40.227.377.101**
Tiền	111		37.521.740.763	8.227.377.101
Các khoản tương đương tiền	112		-	32.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**60.546.878.404**	**47.206.901.189**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	28.761.537.297	25.149.736.080
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	5.552.134.348	28.575.433.350
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	32.650.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	101.475.000	-
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(6.518.268.241)	(6.518.268.241)
Hàng tồn kho	**140**		**4.645.253.272**	**12.135.224.841**
Hàng tồn kho	141	10	4.645.253.272	12.135.224.841
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.954.974.250**	**1.591.459.847**
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.954.974.250	1.591.459.847
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**29.397.845.430**	**38.444.342.961**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**500.000.000**	**890.000.000**
Phải thu dài hạn khác	216	11	500.000.000	890.000.000
Tài sản cố định	**220**		**28.889.191.091**	**37.313.740.817**
Tài sản cố định hữu hình	221	12	28.889.191.091	37.313.740.817
- Nguyên giá	*222*		*55.317.678.057*	*55.317.678.057*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(26.428.486.966)*	*(18.003.937.240)*
Tài sản dài hạn khác	**260**		**8.654.339**	**240.602.144**
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	8.654.339	240.602.144
TỔNG TÀI SẢN	**270**		**134.066.692.119**	**139.605.305.939**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**36.485.968.728**	**54.332.185.938**
Nợ ngắn hạn	**310**		**34.458.524.192**	**50.975.729.402**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	8.170.150.582	37.584.226.911
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.227.029.191	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	3.938.068.209	2.352.096.836
Phải trả người lao động	314		-	941.030.539
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		312.900.000	100.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	258.750.000	216.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	20.485.263.094	9.716.012.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66.363.116	66.363.116
Nợ dài hạn	**330**		**2.027.444.536**	**3.356.456.536**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	1.395.706.000	2.724.718.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	631.738.536	631.738.536
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**97.580.723.391**	**85.273.120.001**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**19**	**97.580.723.391**	**85.273.120.001**
Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.579.360.000	56.579.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*56.579.360.000*	*56.579.360.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		(17.000.000)	(17.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		415.707.715	415.707.715
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.602.655.676	28.295.052.286
- LNST chưa pp lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*28.295.052.286*	*19.009.204.285*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*12.307.603.390*	*9.285.848.001*
TỔNG NGUỒN VỐN	**440**		**134.066.692.119**	**139.605.305.939**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -06- 2026
Số chứng thực: 28315 --01 Quyển số: SCT/BS

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**19**	**274.025.205.454**	**102.722.207.582**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**274.025.205.454**	**102.722.207.582**
Giá vốn hàng bán	**11**	**20**	**248.040.142.949**	**89.385.047.708**
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**25.985.062.505**	**13.337.159.874**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	172.952.483	45.272.738
Chi phí tài chính	22	22	1.756.806.682	1.445.356.802
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*1.756.806.682*	*1.445.356.802*
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	8.375.652.409	5.827.230.521
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**16.025.555.897**	**6.109.845.289**
Thu nhập khác	31	24	-	5.549.568.890
Chi phí khác	32	25	416.687.157	41.683.342
Lợi nhuận khác	**40**		**(416.687.157)**	**5.507.885.548**
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**15.608.868.740**	**11.617.730.837**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	3.301.265.350	2.331.882.836
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**12.307.603.390**	**9.285.848.001**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**27**	**2.175**	**1.641**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**27**	**2.175**	**1.641**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16-06-2026
28316--01
Số chứng thực:.....Quyển số.....SCT/BS

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ HUỆ

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	**1**		**15.512.714.569**	**11.617.730.837**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.424.549.726	8.574.549.768
Các khoản dự phòng	03		-	(4.917.830.354)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(172.952.483)	(45.272.738)
Chi phí lãi vay	06		1.756.806.682	1.445.356.802
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		***25.521.118.494***	***16.674.534.315***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.437.488.382	8.109.417.233
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.489.971.569	(6.481.892.940)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(28.063.530.476)	10.383.202.396
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		231.947.805	312.190.827
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.756.806.682)	(1.445.356.802)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.428.037.007)	(1.191.615.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		***20.432.152.085***	***26.360.479.513***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.650.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(13.950.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		13.950.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		71.972.483	45.272.738
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		***(32.578.027.517)***	***45.272.738***
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		105.896.973.384	16.237.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(96.456.734.290)	(19.226.696.643)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***9.440.239.094***	***(2.989.696.643)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(2.705.636.338)**	**23.416.055.608**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**5**	**40.227.377.101**	**16.811.321.493**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**5**	**37.521.740.763**	**40.227.377.101**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16-06-2025
Số chứng thực: 28317--01 Quyển số: 06TBS

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3300529819, đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 01 năm 2008. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 17 vào ngày 23 tháng 02 năm 2024.

Trụ sở chính của công ty tại: số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 56.579.360.000 đồng chia thành 5.657.936 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM với số lượng 5.657.936 cổ phiếu, mã chứng khoán là ALV.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: thiết kế kiến trúc; thiết kế kết cấu công trình, thiết kế cơ - điện công trình, thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; Lập quy hoạch xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình;

- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5 CẤU TRÚC CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO có trụ sở tại Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam. Địa điểm kinh doanh Long Khánh có địa chỉ tại số 16, đường 16, khu phố Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty có 01 Chi nhánh là:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO có địa chỉ tại Căn D-12B, Số 50 Đường N2, khu Đô thị Phố đông Village, số 1145 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

1.7 NHÂN VIÊN

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số cán bộ nhân viên ký hợp đồng chính thức với Công ty là 14 người (tại ngày 31/12/2023 là 14 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ KẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 – Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được Công ty thực hiện theo thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019.

4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.
Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, CCDC, hàng hóa	Bình quân gia quyền
- Thành phẩm, hàng hóa	Bình quân gia quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho".. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại..

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	*Thời gian sử dụng (năm)*
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05

4.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

4.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

4.10 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty là doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.14 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Trong năm Công ty hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực xây lắp và cho thuê tài sản tại Việt Nam nên công ty không lập báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
- Tiền mặt	2.436.918.304	75.949.668
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.084.822.459	8.151.427.433
- Các khoản tương đương tiền	-	32.000.000.000
+ *Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng*	-	*32.000.000.000*
Cộng	**37.521.740.763**	**40.227.377.101**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**28.761.537.297**	**1.871.338.893**	**25.149.736.080**	**1.871.338.893**
- Công ty Cổ phần Edico	1.584.508.484	1.584.508.484	1.584.508.484	1.584.508.484
- Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	23.523.068.288	-	5.785.416.066	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Trí Đức	639.446.619	-	6.954.446.619	-
- Công ty Cổ phần XNK và TM Phú Minh Châu - CN Đồng Nai	676.881.895	-	3.877.936.700	-
- Công ty Cổ phần Thanh Tâm	-	-	1.305.682.485	-
- Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	1.663.403.823	-	2.498.893.531	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 22	-	-	306.981.197	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	674.228.188	286.830.409	2.835.870.998	286.830.409
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**28.761.537.297**	**1.871.338.893**	**25.149.736.080**	**1.871.338.893**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**5.552.134.348**	**4.646.929.348**	**28.575.433.350**	**4.646.929.348**
- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco	2.851.240.883	2.851.240.883	2.851.240.883	2.851.240.883
- Công ty TNHH MTV DV-TM Hảo Thành Tâm	1.255.688.465	1.255.688.465	1.255.688.465	1.255.688.465
- Công ty TNHH TM & DV Tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	540.000.000	540.000.000	540.000.000
- Công ty Cổ phần XNK và TM Phú Minh Châu - CN Đồng Nai	-	-	4.626.305.195	-
- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Tân Thái Hà	429.100.752	-	19.097.318.500	-
- Công ty TNHH Thương mại đầu tư thiết bị An Phát	270.000.000	-	-	-
- Khác	206.104.248	-	204.880.307	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**5.552.134.348**	**4.646.929.348**	**28.575.433.350**	**4.646.929.348**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**32.650.000.000**	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Trí Đức (*)	32.650.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**32.650.000.000**	-	-	-

(*) Theo hợp đồng vay vốn số 0112/2024/HDVT/ALVICO-TD ký ngày 01/12/2024 giữa Công ty cổ phần xây dựng ALVICO và Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Trí Đức. Ngày 20/02/2025 Công ty đã thu hồi khoản cho vay này.

9. NỢ XẤU

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty TNHH TM & DV tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	-	540.000.000	540.000.000	-	540.000.000
- Công ty Cổ phần EDICO	1.584.508.484	-	1.584.508.484	1.584.508.484	-	1.584.508.484
- Công ty Cổ phần khoáng sản và đầu tư Visaco	2.851.240.883	-	2.851.240.883	2.851.240.883	-	2.851.240.883
- Công ty TNHH MTV DV - TM Hảo Thành Tâm	1.255.688.465	-	1.255.688.465	1.255.688.465	-	1.255.688.465
- Công ty CP khoáng sản và đầu tư Visaco	286.830.409	-	286.830.409	286.830.409	-	286.830.409
Cộng	**6.518.268.241**	-	**6.518.268.241**	**6.518.268.241**	-	**6.518.268.241**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.645.253.272	-	10.852.179.982	-
- Hàng hóa	-	-	1.283.044.859	-
Cộng	**4.645.253.272**	**-**	**12.135.224.841**	**-**

11. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	**101.475.000**	**-**	**-**	**-**
- Lãi cho vay dự thu của Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Trí Đức	100.980.000	-	-	-
- Phải thu khác	495.000	-	-	-
b) Dài hạn	**500.000.000**	**-**	**890.000.000**	**-**
- Ký cược, ký quỹ	500.000.000	-	890.000.000	-
Cộng	**601.475.000**	**-**	**890.000.000**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2024	**35.415.604.420**	**19.851.628.182**	**50.445.455**	**55.317.678.057**
31/12/2024	**35.415.604.420**	**19.851.628.182**	**50.445.455**	**55.317.678.057**
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2024	**11.630.685.962**	**6.345.099.446**	**28.151.832**	**18.003.937.240**
- Khấu hao trong năm	5.032.176.450	3.382.284.180	10.089.096	8.424.549.726
31/12/2024	**16.662.862.412**	**9.727.383.626**	**38.240.928**	**26.428.486.966**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2024	**23.784.918.458**	**13.506.528.736**	**22.293.623**	**37.313.740.817**
31/12/2024	**18.752.742.008**	**10.124.244.556**	**12.204.527**	**28.889.191.091**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là 2.720.000.000 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Sacombank tại ngày 31/12/2024 là 6.088.173.635 đồng (Tại ngày 01/01/2024 là 7.692.915.635 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	**8.170.150.582**	**8.170.150.582**	**37.584.226.911**	**37.584.226.911**
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Đầu Tư Bảo Lộc	3.964.307.910	3.964.307.910	-	-
- Công ty TNHH TM và CK Sơn Trường	1.437.861.821	1.437.861.821	2.527.738.136	2.527.738.136
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đông Hải	1.151.701.730	1.151.701.730	1.851.701.730	1.851.701.730
- Công ty Cổ phần thiết bị EPC Việt Nam	805.523.644	805.523.644	11.479.769.600	11.479.769.600
- Công ty Cổ phần CeVina	-	-	348.495.033	348.495.033
- Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thép Nam Hải	-	-	19.260.066.835	19.260.066.835
- Khác	810.755.477	810.755.477	2.116.455.577	2.116.455.577
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**8.170.150.582**	**8.170.150.582**	**37.584.226.911**	**37.584.226.911**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	829.930.641	141.870.356	688.060.285
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.331.882.836	3.301.265.350	2.428.037.007	3.205.111.179
- Thuế thu nhập cá nhân	20.214.000	229.677.410	204.994.665	44.896.745
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	210.357.705	210.357.705	-
Cộng	**2.352.096.836**	**4.571.231.106**	**2.985.259.733**	**3.938.068.209**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	**20.485.263.094**	**20.485.263.094**	**107.225.985.384**	**96.456.734.290**	**9.716.012.000**	**9.716.012.000**
Ngân hàng TMCP SHB – CN Vạn Phúc (i)	19.156.251.094	19.156.251.094	105.896.973.384	95.127.722.290	8.387.000.000	8.387.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	**1.329.012.000**	**1.329.012.000**	**1.329.012.000**	**1.329.012.000**	**1.329.012.000**	**1.329.012.000**
Ngân hàng TMCP Sacombank - CN Thủ Đô (ii)	1.329.012.000	1.329.012.000	1.329.012.000	1.329.012.000	1.329.012.000	1.329.012.000
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	**1.395.706.000**	**1.395.706.000**	-	**1.329.012.000**	**2.724.718.000**	**2.724.718.000**
Ngân hàng TMCP Sacombank - CN Thủ Đô (ii)	1.395.706.000	1.395.706.000	-	1.329.012.000	2.724.718.000	2.724.718.000
Cộng	**21.880.969.094**	**21.880.969.094**	**107.225.985.384**	**97.785.746.290**	**12.440.730.000**	**12.440.730.000**

(i) Ngày 24/12/2024, Công ty ký hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0718/2024/HDHM-PN/SHB.111600 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội, chi nhánh Vạn Phúc với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng là 50.000.000.000 đồng, với mục đích bổ sung vốn lưu động để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng (từ ngày 24/12/2024 đến hết ngày 24/12/2025). Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay thuộc HMTD tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là bất động sản tại thửa đất số: 24, tờ bản đồ số: 7E-IV-04, địa chỉ: số 581 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 0671/2023/HĐTC-PN/SHB.111600 và tài sản thế chấp tại thửa đất số: 1147 và 1148, tờ bản đồ số: 18, địa chỉ: Thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng thế chấp số 0469/2023/HĐTC-PN/SHB.111600.

(ii) Công ty ký hợp đồng tín dụng số 202226613569 ngày 22/04/2022, hợp đồng tín dụng số 202226595303-01 ngày 28/04/2022 và hợp đồng tín dụng số 202226617384 ngày 26/09/2022 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Thủ đô theo phương thức cấp tín dụng từng lần. Lãi suất, số tiền, thời gian và mục đích vay được quy định trong từng lần cấp tín dụng. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 202226613569/HĐTCOTO ngày 22/04/2022 là Ô tô 8 chỗ Kia màu trắng BKS 30H-672.77 số khung RNYND5BA8NC253838, loại CARNIVAL KA4 2.2 AT FL8, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 20222659303-01/HĐTCMM ngày 28/04/2022 là Máy đào thủy lực bánh xích Komatsu, model PC350-8M0 S/N:83113, số khung KMTPC247EMC083113, số động cơ: 6D11426890487, tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 20222661734/HĐTC ngày 26/09/2022 là Xe ô tô tải tự đổ BKS: 29HC-010.30, Xe ô tô tải tự đổ BKS: 29HC-010.26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dài hạn	**8.654.339**	**240.602.144**
- Công cụ dụng cụ	2.444.339	136.662.485
- Chi phí sửa chữa văn phòng	6.210.000	103.939.659
Cộng	**8.654.339**	**240.602.144**

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**258.750.000**	**216.000.000**
- Thù lao HĐQT và BKS	258.750.000	216.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	**258.750.000**	**216.000.000**

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	**631.738.536**	**631.738.536**
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	631.738.536	631.738.536
Cộng	**631.738.536**	**631.738.536**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	**56.579.360.000**	**(17.000.000)**	**415.707.715**	**19.009.204.285**	**75.987.272.000**
- Lãi trong năm	-	-	-	9.285.848.001	9.285.848.001
31/12/2023	**56.579.360.000**	**(17.000.000)**	**415.707.715**	**28.295.052.286**	**85.273.120.001**
01/01/2024	**56.579.360.000**	**(17.000.000)**	**415.707.715**	**28.295.052.286**	**85.273.120.001**
- Lãi trong năm	-	-	-	12.307.603.390	12.307.603.390
31/12/2024	**56.579.360.000**	**(17.000.000)**	**415.707.715**	**40.602.655.676**	**97.580.723.391**

19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.579.360.000	56.579.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	56.579.360.000	56.579.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2024 CP	01/01/2024 CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.657.936	5.657.936
+ *Cổ phiếu phổ thông*	*5.657.936*	*5.657.936*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.657.936	5.657.936
+ *Cổ phiếu phổ thông*	*5.657.936*	*5.657.936*
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu	**274.025.205.454**	**102.722.207.582**
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.149.328.461	19.010.746.259
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	258.782.040.527	83.539.701.323
- Doanh thu cung cấp dịch vụ, sản phẩm khác	93.836.466	171.760.000
Cộng	**274.025.205.454**	**102.722.207.582**

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	11.186.892.561	14.148.254.767
- Giá vốn hoạt động xây lắp	236.759.413.922	75.065.032.941
- Giá vốn cung cấp dịch vụ, sản phẩm khác	93.836.466	171.760.000
Cộng	**248.040.142.949**	**89.385.047.708**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	172.952.483	45.272.738
Cộng	**172.952.483**	**45.272.738**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí lãi vay	1.756.806.682	1.445.356.802
Cộng	**1.756.806.682**	**1.445.356.802**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	**8.375.652.409**	**5.827.230.521**
- Chi phí nhân viên quản lý	3.522.931.114	2.662.471.463
- Chi phí đồ dùng văn phòng	226.398.719	167.272.555
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	326.344.920	126.344.916
- Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	8.164.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.870.273.567	1.643.065.508
- Chi phí bằng tiền khác	2.424.704.089	1.219.912.079
Cộng	**8.375.652.409**	**5.827.230.521**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	5.549.568.890
Cộng	**-**	**5.549.568.890**

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Các khoản bị phạt vi phạm hành chính	512.841.328	41.683.342
Cộng	**512.841.328**	**41.683.342**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**15.608.868.740**	**11.617.730.837**
Các khoản chi phí không được khấu trừ	**416.687.157**	**41.683.342**
- Chi phí không hợp lý khác	416.687.157	41.683.342
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	**16.025.555.897**	**11.659.414.179**
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	**3.205.111.179**	**2.331.882.836**
Thuế TNDN năm trước truy thu	96.154.171	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**3.301.265.350**	**2.331.882.836**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	90.987.781.763	55.175.373.972
- Chi phí nhân công	6.990.479.116	4.053.375.502
- Khấu hao tài sản cố định	8.424.549.726	8.574.549.768
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.242.763.198	16.519.665.633
- Chi phí bằng tiền khác	3.558.294.845	1.089.683.182
Cộng	**250.203.868.648**	**85.412.648.057**

29. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.307.603.390	9.285.848.001
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	5.657.936	5.657.936
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	**2.175**	**1.641**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.657.936	5.657.936
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành BQ trong năm	**5.657.936**	**5.657.936**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. THÔNG TIN KHÁC

30.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thu nhập của các thành viên chủ chốt của Công ty trong năm 2024

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Hội đồng quản trị		
- *Bà Lâm Thu Huyền*	*72.000.000*	*54.000.000*
- *Ông Nguyễn Hải Ninh*	*48.000.000*	*32.400.000*
- *Bà Lê Thị Lộc*	*48.000.000*	*32.400.000*
Ban Kiểm soát		
- *Bà Mai Thị Xuyến (*)*	*15.200.000*	*32.400.000*
- *Ông Đặng Xuân Hòa*	*36.000.000*	*21.600.000*
- *Bà Nghiêm Thị Thu Hiền*	*43.800.000*	*14.400.000*
- *Bà Vũ Thị Giang*	*24.000.000*	-
- *Bà Lê Hoàng Yến (*)*	-	*7.200.000*
Ban Tổng giám đốc		
- *Bà Lê Thị Thảo*	*268.690.722*	*239.562.000*
- *Ông Nguyễn Việt Hải*	*233.162.988*	-
Kế toán trưởng		
- *Bà Hà Thị Hồng Nhung*	*373.910.625*	*225.369.615*
Cộng	**1.162.864.335**	**659.131.615**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -06- 2026
Số chứng thực: 28318 --01 Quyển số: SCT/BS

(*) Đã từ nhiệm

30.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

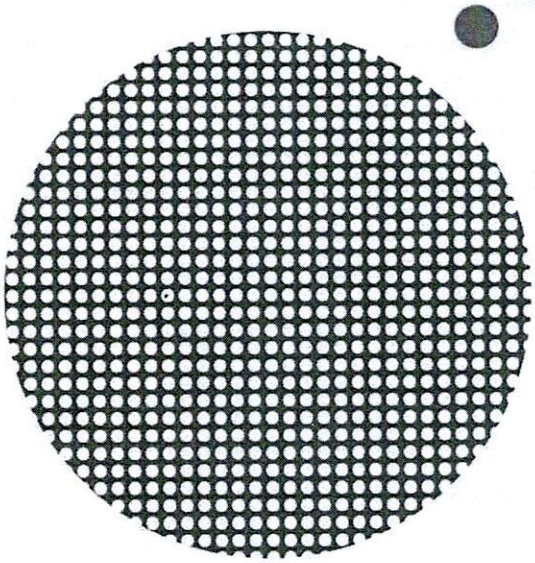
30.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO



BDO

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

Báo cáo tài chính đã kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢN SAO

MỤC LỤC

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO) (dưới đây được gọi là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 ngày 21/01/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp. Công ty đã nhiều lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần sửa đổi gần nhất là lần thứ mười chín được cấp ngày 14/10/2025.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Lâm Thu Huyền	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Hải Ninh	Thành viên
- Bà Lê Thị Lộc	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Lê Thị Thảo	Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Việt Hải	Phó Tổng Giám đốc	*Miễn nhiệm ngày 03/04/2025*

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Bà Nghiêm Thị Thu Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát	*Miễn nhiệm ngày 25/04/2025*
	Thành viên	*Bổ nhiệm ngày 25/04/2025*
- Bà Lê Hoàng Yến	Trưởng Ban Kiểm soát	*Bổ nhiệm ngày 25/04/2025*
- Ông Đặng Xuân Hòa	Thành viên	*Miễn nhiệm ngày 25/04/2025*
- Bà Vũ Thị Giang	Thành viên	*Miễn nhiệm ngày 25/04/2025*
- Ông Lê Xuân Mừng	Thành viên	*Bổ nhiệm ngày 25/04/2025*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Bà Lê Thị Thảo - Chức danh: Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 10-06-2026
Số chứng thực: 28320--01 Quyển số: SCT/BS

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 31. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 3300529819 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thảo

S.Đ.K.H.Đ: 89 - C.T.H.D VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ

BDO

Tel.: +84 (0) 24 37833911
Fax: +84 (0) 24 37833914
www.bdo.vn

Floor 20, ICON4 Tower,
243A De La Thanh Street,
Lang Ward, Hanoi City,
Vietnam

Số: BC/BDO/2026. .181.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST (được gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BDO Audit Services Co., Ltd, a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the international BDO network of independent member firms. BDO is the brand name for the BDO International network and for each of the BDO member firms.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 19 tháng 3 năm 2025.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO

Nguyễn Hương Giang - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 5118-2026-038-1

Phạm Thị Tú - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2581-2023-038-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16 -06- 2026
Số chứng thực: 28321--01 Quyển số: ..... SCT/BS

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**114.569.947.816**	**104.668.846.689**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**1.869.016.734**	**37.521.740.763**
1. Tiền	111		1.869.016.734	37.521.740.763
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**79.277.113.004**	**60.546.878.404**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	62.976.077.743	28.761.537.297
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	22.072.303.502	5.552.134.348
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	32.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	747.000.000	101.475.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.518.268.241)	(6.518.268.241)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**27.426.324.154**	**4.645.253.272**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	27.426.324.154	4.645.253.272
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.997.493.924**	**1.954.974.250**
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.997.493.924	1.954.974.250
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.2	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**62.936.038.984**	**29.397.845.430**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	**500.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	-	500.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**59.701.931.138**	**28.889.191.091**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	59.701.931.138	28.889.191.091
Nguyên giá	*222*		*95.200.491.471*	*55.317.678.057*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(35.498.560.333)*	*(26.428.486.966)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**3.234.107.846**	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	3.234.107.846	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		-	**8.654.339**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	8.654.339
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**177.505.986.800**	**134.066.692.119**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tiếp theo)* **B01-DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**64.537.054.458**	**36.485.968.728**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**53.403.117.998**	**34.458.524.192**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	36.345.396.588	8.170.150.582
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.091.102.664	1.227.029.191
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.1	4.487.092.361	3.938.068.209
4.	Phải trả người lao động	314		1.057.367.426	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	250.276.548	312.900.000
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	264.000.000	258.750.000
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.1	9.841.519.295	20.485.263.094
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66.363.116	66.363.116
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**11.133.936.460**	**2.027.444.536**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.2	11.133.936.460	1.395.706.000
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.15	-	631.738.536
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**112.968.932.342**	**97.580.723.391**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.17**	**112.968.932.342**	**97.580.723.391**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.183.580.000	56.579.360.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*96.183.580.000*	*56.579.360.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(17.000.000)	(17.000.000)
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418		415.707.715	415.707.715
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.386.644.627	40.602.655.676
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*998.435.676*	*28.295.052.286*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*15.388.208.951*	*12.307.603.390*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**177.505.986.800**	**134.066.692.119**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16-06-2026
Số chứng thực: 28322 Quyển số: SCT/BS

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH **B02-DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	321.612.178.446	274.025.205.454
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**321.612.178.446**	**274.025.205.454**
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	290.715.497.773	248.040.142.949
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**30.896.680.673**	**25.985.062.505**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.007.802.265	172.952.483
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	1.856.941.674	1.756.806.682
	Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*1.856.941.674*	*1.756.806.682*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	10.783.419.673	8.375.652.409
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**19.264.121.591**	**16.025.555.897**
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	632.775.200	-
12.	Chi phí khác	32	VI.7	319.053.000	416.687.157
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**313.722.200**	**(416.687.157)**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**19.577.843.791**	**15.608.868.740**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	4.189.634.840	3.301.265.350
16.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**15.388.208.951**	**12.307.603.390**
17.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.11**	**2.278**	**2.175**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16-06-2026
Số chứng thực: 28323 - Quyển số: 01 SCT/BS

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		***19.577.843.791***	***15.512.714.569***
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		9.070.073.367	8.424.549.726
- Các khoản dự phòng	03		(631.738.536)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.007.802.265)	(172.952.483)
- Chi phí lãi vay	06		1.856.941.674	1.756.806.682
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***28.865.318.031***	***25.521.118.494***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(54.922.754.274)	19.437.488.382
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(22.781.070.882)	7.489.971.569
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		27.346.231.198	(28.063.530.476)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.654.339	231.947.805
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.805.531.168)	(1.756.806.682)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.205.111.179)	(2.428.037.007)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(26.494.263.935)***	***20.432.152.085***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(41.910.749.020)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(32.650.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.650.000.000	13.950.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(13.950.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.007.802.265	71.972.483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(8.252.946.755)***	***(32.578.027.517)***

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tiếp theo)* **B03-DN**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		43.908.682.649	105.896.973.384
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(44.814.195.988)	(96.456.734.290)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(905.513.339)***	***9.440.239.094***
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**(35.652.724.029)**	**(2.705.636.338)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**37.521.740.763**	**40.227.377.101**
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**1.869.016.734**	**37.521.740.763**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16-06-2026
28324--01
Số chứng thực:.....Quyển số.....SCT/BS

M.S.D.N:3300529819-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST THÀNH PHỐ HÀ NỘI

S.Đ.K.H.Đ: 89 - C.T.H.D VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ P. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO) (dưới đây được gọi là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 ngày 21/01/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp. Công ty đã nhiều lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần sửa đổi gần nhất là lần thứ mười chín được cấp ngày 14/10/2025.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm:

- Xây dựng công trình;
- Thương mại đá, than;
- Cho thuê tài sản, văn phòng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Khai thác đá, cát,sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
  Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: thiết kế kiến trúc, thiết kế kết cấu công trình, thiết kế cơ - điện công trình, thiết kế cấp - thoát nước công trình, thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; Lập quy hoạch xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua nguyên vật liệu tham gia vào quy trình sản xuất đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản dễ chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có những sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh như sau:

Tên	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST	Căn D-12B, Số 50 Đường N2, khu Đô thị Phố đông Village, số 1145 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty thành lập chi nhánh từ năm 2022, đến hiện nay chưa phát sinh hoạt động.

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 36 người (tại ngày 31/12/2024 là 14 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kế thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo các nguyên tắc phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- ***Phải thu khách hàng:*** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- ***Phải thu khác:*** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu về cho mượn tài sản…).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được tập hợp theo từng công trình, dự án chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời…) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	Số năm
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị quản lý	05 năm

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 147/2016/TT-BTC.

5. Nguyên tắc kế toán thuê tài sản

a) Trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Công ty trên bảng cân đối kế toán. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản tiền cho thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê của hợp đồng thuê.

b) Trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê theo hợp đồng thuê.

5. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- ***Phải trả người bán:*** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- ***Phải trả khác***: Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí đi vay được vốn hóa.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả tại thời điểm cuối năm bao gồm các khoản: trích trước chi phí kiểm toán, lãi vay dự trả.

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- *Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả*: Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Căn cứ trích lập dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng cho bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng được ước tính bằng tỷ lệ phần trăm trên doanh thu các công trình có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ % được xác định dựa trên các dữ liệu thống kê về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu như sau:

- Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu xây dựng

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng xây dựng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu cho thuê

Toàn bộ số tiền cho thuê tài sản, cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động được Công ty ghi nhận là doanh thu cho thuê và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán đá, than,... được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, tiền cho vay.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong năm.

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí đầu tư XDCB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh (TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình); chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.519.755.755	2.436.918.304
Tiền gửi ngân hàng	349.260.979	35.084.822.459
Cộng	**1.869.016.734**	**37.521.740.763**

2. Phải thu của khách hàng

2.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	***62.976.077.743***	***28.761.537.297***
Công ty Cổ phần Edico	1.584.508.484	1.584.508.484
Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	57.015.912.232	23.523.068.288
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Trí Đức	-	639.446.619
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Thương mại Phú Minh Châu - Chi nhánh Đồng Nai	500.080.000	676.881.895
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	1.663.403.824	1.663.403.823
Các khách hàng còn lại	2.212.173.203	674.228.188
Phải thu khách hàng là bên liên quan	-	-
Cộng	**62.976.077.743**	**28.761.537.297**

2.2 Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Trong năm, biến động của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	**1.871.338.893**	**1.871.338.893**
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	**1.871.338.893**	**1.871.338.893**

3. Trả trước cho người bán

3.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	***22.072.303.502***	***5.552.134.348***
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco	2.851.240.883	2.851.240.883
Công ty TNHH MTV Dịch vụ - Thương mại Hảo Thành Tâm	1.255.688.465	1.255.688.465
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	540.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Tân Thái Hà	-	429.100.752
Công ty TNHH Thương mại đầu tư thiết bị An Phát	-	270.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Thương mại Phú Minh Châu - Chi nhánh Đồng Nai	4.200.051.308	-
Công ty Cổ phần Thanh Tâm	8.000.000.000	-
Các nhà cung cấp còn lại	5.225.322.846	206.104.248
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-
Cộng	**22.072.303.502**	**5.552.134.348**

3.2 *Dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Trong năm, biến động của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	**4.646.929.348**	**4.646.929.348**
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	**4.646.929.348**	**4.646.929.348**

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị hợp lý*
Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Trí Đức	-	-	-	32.650.000.000	-	32.650.000.000
Cộng	**-**	**-**	**-**	**32.650.000.000**	**-**	**32.650.000.000**

5. Phải thu khác

5.1 *Phải thu khác ngắn hạn*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Phải thu bên thứ ba	***747.000.000***	**-**	***101.475.000***	-
Lãi cho vay dự thu của Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp Trí Đức	-	-	100.980.000	-
Tạm ứng	242.000.000	-	-	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	505.000.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	495.000	-
Phải thu bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	**747.000.000**		**101.475.000**	

5.2 *Phải thu khác dài hạn*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ký cược, ký quỹ	-	-	500.000.000	-
Cộng	**-**	**-**	**500.000.000**	**-**

6. Nợ xấu

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	540.000.000	-	540.000.000	540.000.000	-
Công ty Cổ phần Edico	1.584.508.484	1.584.508.484	-	1.584.508.484	1.584.508.484	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco	3.138.071.292	3.138.071.292	-	3.138.071.292	3.138.071.292	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Hảo Thành Tâm	1.255.688.465	1.255.688.465	-	1.255.688.465	1.255.688.465	-
Cộng	**6.518.268.241**	**6.518.268.241**	**-**	**6.518.268.241**	**6.518.268.241**	**-**

Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	6.518.268.241	6.518.268.241
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Xóa nợ bằng khoản dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	**6.518.268.241**	**6.518.268.241**

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.426.324.154	-	4.645.253.272	-
Cộng	**27.426.324.154**	**-**	**4.645.253.272**	**-**

8. Xây dựng cơ bản dở dang

8.1 Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hệ thống bơm nước	3.234.107.846	-
Cộng	**3.234.107.846**	**-**

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	35.415.604.420	19.851.628.182	50.445.455	55.317.678.057
Mua sắm mới	24.987.777.778	14.895.035.636	-	39.882.813.414
Số cuối năm	**60.403.382.198**	**34.746.663.818**	**50.445.455**	**95.200.491.471**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	16.662.862.412	9.727.383.626	38.240.928	26.428.486.966
Khấu hao trong năm	5.275.764.663	3.784.219.608	10.089.096	9.070.073.367
Số cuối năm	**21.938.627.075**	**13.511.603.234**	**48.330.024**	**35.498.560.333**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	18.752.742.008	10.124.244.556	12.204.527	28.889.191.091
Số cuối năm	**38.464.755.123**	**21.235.060.584**	**2.115.431**	**59.701.931.138**

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2025 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.720.000.000 VND (tại ngày 31/12/2024 là 2.720.000.000 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2025 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 23.425.863.118 VND (tại ngày 31/12/2024 là 7.692.915.635 VND).

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán là bên thứ ba	***36.345.396.588***	***36.345.396.588***	***8.170.150.582***	***8.170.150.582***
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Bảo Lộc	-	-	3.964.307.910	3.964.307.910
Công ty TNHH Thương mại và Cơ khí Sơn Trường	6.872.413.821	6.872.413.821	1.437.861.821	1.437.861.821
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đông Hải	339.350.730	339.350.730,00	1.151.701.730	1.151.701.730
Công ty Cổ phần Thiết bị EPC Việt Nam	101.328.893	101.328.893,00	805.523.644	805.523.644
Liên danh Công ty Cổ phần Xây lắp Đại Lâm Mộc - Công ty TNHH Xây lắp Tràng Kênh	14.896.426.079	14.896.426.079	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Tân Thái Hà	9.095.604.155	9.095.604.155	-	-
Các nhà cung cấp còn lại	5.040.272.910	5.040.272.910	810.755.477	810.755.477
Phải trả người bán là bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	**36.345.396.588**	**36.345.396.588**	**8.170.150.582**	**8.170.150.582**

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	***1.091.102.664***	***1.227.029.191***
Công ty Cổ phần Thanh Tâm	-	979.957.515
Công ty TNHH Thương mại Hiền Huệ	83.180.306	247.071.676
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư Trung Thành	1.007.922.358	-
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Cộng	**1.091.102.664**	**1.227.029.191**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

12.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT nội địa	688.060.285	943.727.887	1.404.009.317	227.778.855
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.205.111.179	4.189.634.840	3.205.111.179	4.189.634.840
Thuế thu nhập cá nhân	44.896.745	357.743.623	398.422.826	4.217.542
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	918.317.301	852.856.177	65.461.124
Cộng	**3.938.068.209**	**6.409.423.651**	**5.860.399.499**	**4.487.092.361**

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay dự trả	50.276.548	-
Trích trước chi phí kiểm toán	200.000.000	120.000.000
Trích trước chi phí thuê cẩu tháp	-	192.900.000
Cộng	**250.276.548**	**312.900.000**

14. Phải trả khác ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	264.000.000	258.750.000
Cộng	**264.000.000**	**258.750.000**

15. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	631.738.536
Cộng	**-**	**631.738.536**

16. Vay và nợ thuê tài chính

16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn	**19.156.251.094**	**19.156.251.094**	**30.605.682.649**	**42.884.515.104**	**6.877.418.639**	**6.877.418.639**
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn Phúc (i)	19.156.251.094	19.156.251.094	25.523.451.930	40.832.641.024	3.847.062.000	3.847.062.000
Thẻ tín dụng (ii)	-	-	34.231.537	3.874.898	30.356.639	30.356.639
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo (iii)	-	-	5.047.999.182	2.047.999.182	3.000.000.000	3.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	**1.329.012.000**	**1.329.012.000**	**2.964.100.656**	**1.329.012.000**	**2.964.100.656**	**2.964.100.656**
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đô (v)	1.329.012.000	1.329.012.000	2.964.100.656	1.329.012.000	2.964.100.656	2.964.100.656
Cộng	**20.485.263.094**	**20.485.263.094**	**33.569.783.305**	**44.213.527.104**	**9.841.519.295**	**9.841.519.295**

16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo (iv)	-	-	2.115.000.000	176.250.000	1.938.750.000	1.938.750.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đô (v)	1.395.706.000	1.395.706.000	11.188.000.000	3.388.519.540	9.195.186.460	9.195.186.460
Cộng	**1.395.706.000**	**1.395.706.000**	**13.303.000.000**	**3.564.769.540**	**11.133.936.460**	**11.133.936.460**

Chi tiết các khoản vay ngân hàng

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn Phúc theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0718/2024/HDHM-PN/SHB.111600 ngày 24/12/2024. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng là 50.000.000.000 đồng. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ.
Các khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng bảo đảm sau:
- Thế chấp bất động sản tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7E-IV-04, địa chỉ số 581 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp số 0671/2023/HĐTC-PN/SHB.111600 ngày 04/12/2023;
- Thế chấp bất động sản tại thửa đất số 1147 và 1148, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thế chấp số 0469/2024/HĐTC-PN/SHB.111600 ngày 03/10/2024 và các phụ lục có liên quan.

(ii) Khoản nợ thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp SHB số CARD-01-202501. Hạn mức 1.000.000.000 VND. Không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo theo Hợp đồng cho vay số CLC-48634-01 ngày 24/06/2025. Hạn mức cho vay là 3.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thi công công trình xây dựng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số BLCN-01 ngày 24/06/2025 của bà Lâm Thu Huyền.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo theo Hợp đồng cho vay số CLC-55835-01 ngày 28/08/2025. Số tiền vay: 2.115.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích vay: Mua sắm tài sản cố định theo Hợp đồng mua bán số 06/2025/HĐMB/EPC-MCST phục vụ thi công công trình xây dựng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là 01 máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU, số loại: PC350, biển kiểm soát 29CD-038.81 theo Hợp đồng thế chấp số CLC-55835-2018219-HDTC-01 ngày 28/08/2025.

(v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đô theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 202226613569 ngày 22/04/2022 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 698.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô. Thời hạn vay là 5 năm. Khoản vay được đảm bảo bởi xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ5707S3840AJ, biển kiểm soát 29HC-010.30, số khung LZZ5EMSD2NB078080 và xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ5707S3840AJ, biển kiểm soát 29HC-010.26, số khung LZZ5EMSD4NB078081 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202226617384/HĐTC ngày 26/09/2022. Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST;
- Hợp đồng tín dụng số 202226595303-01 ngày 28/04/2022 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 2.722.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầy tư máy móc, thiết bị theo Hợp đồng mua bán số ESA2237/HĐ-MHE/NES ngày 27/03/2022. Thời hạn vay là 5 năm. Khoản vay được đảm bảo bởi máy đào thủy lực bánh xích Komatsu, model PC350-8M0, số khung KMTPC247EMC083113, số động cơ: 6D11426890487 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20222659303-01/HĐTCMM ngày 28/04/2022;
- Hợp đồng tín dụng số 202226617384 ngày 26/09/2022 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 2.580.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô. Thời hạn vay là 4 năm. Khoản vay được đảm bảo bởi ô tô 8 chỗ Kia màu trắng BKS 30H-672.77, số khung RNYND5BA8NC253838, loại CARNIVAL theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202226613569/HĐTCOTO ngày 22/04/2022;
- Hợp đồng tín dụng số 202528178643 ngày 13/05/2025 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 2.870.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô. Thời hạn vay là 84 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại: LC PRADO, biển kiểm soát: 51M-128.89 Số khung: JTEAACAJ605009150, Số máy: 5B10719T24A theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202528178643/HĐTC ngày 13/05/2025;

- Hợp đồng tín dụng số 202528212131 ngày 23/07/2025 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 1.255.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô. Thời hạn vay là 72 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi xe ô tô con nhãn hiệu FORD, số loại EVEREST, biển kiểm soát 51M-519.89, số khung MNCRXXMAWRSM11372 theo Hợp đồng thế chấp số 202528212131/HĐTC ngày 23/07/2025. Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST;
- Hợp đồng tín dụng số 202529909026 ngày 26/11/2025 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 7.063.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô. Thời hạn vay là 72 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi xe ô tô con LEXUS, số loại: LX600 URBAN, biển kiểm soát: 30M-424.49 Số khung: JTJPB7CX704087055, Số máy: V35A0458332 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202529909026/HĐTC ngày 26/11/2025.

Lãi suất của các khoản vay được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ.

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**56.579.360.000**	**(17.000.000)**	**415.707.715**	**28.295.052.286**	**85.273.120.001**
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.307.603.390	12.307.603.390
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	**56.579.360.000**	**(17.000.000)**	**415.707.715**	**40.602.655.676**	**97.580.723.391**
Tăng vốn trong năm (*)	39.604.220.000	-	-	-	39.604.220.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	15.388.208.951	15.388.208.951
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(39.604.220.000)	(39.604.220.000)
Số dư cuối năm nay	**96.183.580.000**	**(17.000.000)**	**415.707.715**	**16.386.644.627**	**112.968.932.342**

Trong năm, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ-ALV ngày 25 tháng 04 năm 2025. Theo đó, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:7.

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Đỗ Thị Châu Anh	9.541.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Phương	8.806.000.000	59.000.000
Các cổ đông khác	77.836.580.000	56.520.360.000
Cộng	**96.183.580.000**	**56.579.360.000**

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	56.579.360.000	56.579.360.000
+ Vốn góp tăng trong năm	39.604.220.000	-
+ Vốn góp cuối năm	**96.183.580.000**	**56.579.360.000**
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	39.604.220.000	-

17.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.618.358	5.657.936
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	9.618.358	5.657.936
- *Cổ phiếu phổ thông*	*9.618.358*	*5.657.936*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.618.358	5.657.936
- *Cổ phiếu phổ thông*	*9.618.358*	*5.657.936*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	45.263.150.844	2.259.461.375
Doanh thu hợp đồng xây lắp	263.697.527.602	258.782.040.527
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.651.500.000	12.889.867.086
Doanh thu khác	-	93.836.466
Cộng	**321.612.178.446**	**274.025.205.454**

Trong đó	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán cho bên thứ ba	321.612.178.446	274.025.205.454
Doanh thu bán cho bên liên quan	-	-
Cộng	**321.612.178.446**	**274.025.205.454**

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	42.959.380.624	2.087.544.848
Giá vốn hoạt động xây lắp	238.653.074.777	236.759.413.922
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9.103.042.372	9.099.347.702
Giá vốn khác	-	93.836.477
Cộng	**290.715.497.773**	**248.040.142.949**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.007.802.265	172.952.483
Cộng	**1.007.802.265**	**172.952.483**

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1.856.941.674	1.756.806.682
Cộng	**1.856.941.674**	**1.756.806.682**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.025.837.423	3.522.931.114
Chi phí đồ dùng văn phòng	521.291.620	226.398.719
Chi phí khấu hao TSCĐ	528.280.344	326.344.920
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.036.948.149	1.870.273.567
Chi phí bằng tiền khác	1.666.062.137	2.424.704.089
Cộng	**10.783.419.673**	**8.375.652.409**

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng	631.738.536	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	36.664	-
Thu nhập khác	1.000.000	-
Cộng	**632.775.200**	**-**

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Các khoản bị phạt	319.021.610	416.687.157
Các khoản khác	31.390	-
Cộng	**319.053.000**	**416.687.157**

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.834.926.101	90.987.781.763
Chi phí nhân công	7.994.539.809	6.990.479.116
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.070.073.367	8.424.549.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.659.839.125	140.242.763.198
Chi phí khác bằng tiền	1.682.383.198	3.558.294.845
Cộng	**281.241.761.600**	**250.203.868.648**

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.024.932.018	3.205.111.179
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	164.702.822	96.154.171
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**4.189.634.840**	**3.301.265.350**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	**19.577.843.791**	**15.608.868.740**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	**546.816.300**	**416.687.157**
Các khoản điều chỉnh tăng	546.816.300	416.687.157
Chi phí không được trừ	546.816.300	416.687.157
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	**20.124.660.091**	**16.025.555.897**
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác	20.124.660.091	16.025.555.897
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	**4.024.932.018**	**3.205.111.179**

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.388.208.951	12.307.603.390
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	15.388.208.951	12.307.603.390
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	6.753.834	5.657.936
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.278**	**2.175**

(*) Công ty không ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm nay do chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận đồng thời không có dữ liệu trong quá khứ để ước tính được việc trích quỹ này.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	5.657.936	5.657.936
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	1.095.898	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.753.834	5.657.936

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

1. Các giao dịch không bằng tiền

	Năm nay	Năm trước
Vay ngân hàng trả thẳng cho nhà cung cấp, chi trả các giao dịch bằng thẻ tín dụng	21.037.316.762	-
Cộng	**21.037.316.762**	**-**

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. Giao dịch với các bên liên quan

2.1 Danh sách bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Lâm Thu Huyền	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hải Ninh	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Lộc	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Thảo	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Hải	Phó Tổng Giám đốc *(Miễn nhiệm ngày 03/04/2025)*
Bà Nghiêm Thị Thu Hiền	Trưởng Ban Kiểm soát *(Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)* và Thành viên Ban Kiểm soát *(Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)*
Bà Lê Hoàng Yến	Trưởng Ban Kiểm soát *(Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)*
Ông Đặng Xuân Hòa	Thành viên *(Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)*
Bà Vũ Thị Giang	Thành viên *(Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)*
Ông Lê Xuân Mừng	Thành viên *(Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)*

2.2 Giao dịch với bên liên quan

a. Thu nhập của thành viên chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Thành viên chủ chốt		
Bà Lâm Thu Huyền	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Hải Ninh	48.000.000	48.000.000
Bà Lê Thị Lộc	48.000.000	48.000.000
Bà Lê Thị Thảo	321.760.311	268.690.722
Ông Nguyễn Việt Hải	77.953.309	233.162.988
Bà Mai Thị Xuyến	-	15.200.000
Bà Nghiêm Thị Thu Hiền	40.000.000	43.800.000
Ông Đặng Xuân Hòa	12.000.000	36.000.000
Bà Vũ Thị Giang	12.000.000	24.500.000
Bà Lê Hoàng Yến	32.000.000	(*)
Ông Lê Xuân Mừng	24.000.000	(*)
Bà Hà Thị Hồng Nhung	314.383.923	373.510.625
	1.002.097.543	**1.162.864.335**

(*) Năm 2024, các cá nhân này không phải thành viên chủ chốt của Công ty.

Các giao dịch khác với thành viên chủ chốt

Tài sản đảm bảo

Trong năm, theo Hợp đồng bảo lãnh số BLCN-01 ngày 24/06/2025, bà Lâm Thu Huyền bảo lãnh khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo theo Hợp đồng cho vay số CLC-55835-01 ngày 24/06/2025 với số dư khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 3.000.000.000 đồng .

b. Các bên liên quan khác

Công ty không có bên liên quan khác.

3. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 16-06-2026
28325--01
Số chứng thực:.....Quyển số.....SCT/BS

S.Đ.K.H.Đ: 89 - C.T.H.Đ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
Q. CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Huệ

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 30 tháng 9 năm 2026

M.S.D.N: 3300529819-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

B01-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**188,601,416,889**	**114,569,947,816**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**145,929,803,428**	**1,869,016,734**
1. Tiền	111		145,929,803,428	1,869,016,734
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**35,560,532,052**	**79,277,113,004**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	23,555,046,810	62,976,077,743
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	12,518,753,483	22,072,303,502
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	6,005,000,000	747,000,000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6,518,268,241)	(6,518,268,241)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**1,610,913,272**	**27,426,324,154**
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1,610,913,272	27,426,324,154
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5,500,168,137**	**5,997,493,924**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		209,934,980	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5,290,233,157	5,997,493,924
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.2	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**87,571,766,170**	**62,936,038,984**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**500,000,000**	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	500,000,000	-
II. Tài sản cố định	**220**		**87,013,719,609**	**59,701,931,138**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	87,013,719,609	59,701,931,138
Nguyên giá	*222*		*128,621,852,212*	*95,200,491,471*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(41,608,132,603)*	*(35,498,560,333)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	**3,234,107,846**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	-	3,234,107,846
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**58,046,561**	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		58,046,561	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**276,173,183,059**	**177,505,986,800**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tiếp theo)* **B01-DN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**148,256,646,103**	**64,537,054,458**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**133,650,209,643**	**53,403,117,998**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	82,911,928,925	36,345,396,588
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	33,229,699,042	1,091,102,664
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.1	7,534,107,968	4,487,092,361
4.	Phải trả người lao động	314		1,067,557,849	1,057,367,426
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	250,276,548
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	-	264,000,000
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.1	8,840,552,743	9,841,519,295
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66,363,116	66,363,116
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**14,606,436,460**	**11,133,936,460**
1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16.2	14,606,436,460	11,133,936,460
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.15	-	-
D -	**NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**127,916,536,956**	**112,968,932,342**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.17**	**127,916,536,956**	**112,968,932,342**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		96,183,580,000	96,183,580,000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*96,183,580,000*	*96,183,580,000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(17,000,000)	(17,000,000)
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418		415,707,715	415,707,715
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31,334,249,241	16,386,644,627
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*16,386,644,627*	*998,435,676*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*14,947,604,614*	*15,388,208,951*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**276,173,183,059**	**177,505,986,800**

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

B02-DN

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	436,464,391,285	321,612,178,446
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		20,962,000,000	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**415,502,391,285**	**321,612,178,446**
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	388,930,929,014	290,715,497,773
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**26,571,462,271**	**30,896,680,673**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21,686,528	1,007,802,265
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	1,005,094,317	1,856,941,674
	Trong đó: chi phí lãi vay	*23*		*1,005,094,317*	*1,856,941,674*
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	6,893,107,516	10,783,419,673
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**18,694,946,966**	**19,264,121,591**
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	131,868,147	632,775,200
12.	Chi phí khác	32	VI.7	10,194,854	319,053,000
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**121,673,293**	**313,722,200**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**18,816,620,259**	**19,577,843,791**
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	3,869,015,645	4,189,634,840
16.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**14,947,604,614**	**15,388,208,951**
17.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**VI.11**	**1,554**	**2,278**

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***		***18,816,620,259***	***19,577,843,791***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7,109,572,270	9,070,073,367
-	Các khoản dự phòng	03		-	(631,738,536)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(153,504,710)	(1,007,802,265)
-	Chi phí lãi vay	06		1,005,094,317	1,856,941,674
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***26,777,782,136***	***28,865,318,031***
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		49,536,841,719	(54,922,754,274)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		25,815,410,882	(22,781,070,882)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		72,832,380,337	27,346,231,198
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(267,981,541)	8,654,339
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(1,055,370,865)	(1,805,531,168)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,164,702,822)	(3,205,111,179)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		842,000,000	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6,600,000,000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***166,716,359,846***	***(26,494,263,935)***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(25,293,793,128)	(41,910,749,020)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		145,000,000	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	32,650,000,000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21,686,528	1,007,802,265
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(25,127,106,600)***	***(8,252,946,755)***

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tiếp theo)* **B03-DN**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		11,273,691,850	43,908,682,649
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(8,802,158,402)	(44,814,195,988)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***2,471,533,448***	***(905,513,339)***
	Lưu chuyển tiền thuần 6T đầu năm 2026	**50**		**144,060,786,694**	**(35,652,724,029)**
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**1,869,016,734**	**37,521,740,763**
	Tiền và tương đương tiền tại ngày 30/06/2026	**70**	**V.1**	**145,929,803,428**	**1,869,016,734**

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST (tiền thân là Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO) (dưới đây được gọi là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300529819 ngày 21/01/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp. Công ty đã nhiều lần điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lần sửa đổi gần nhất là lần thứ mười chín được cấp ngày 14/10/2025.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bao gồm:
- Xây dựng công trình;
- Thương mại đá, than;
- Cho thuê tài sản, văn phòng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Khai thác đá, cát,sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
  Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: thiết kế kiến trúc, thiết kế kết cấu công trình, thiết kế cơ - điện công trình, thiết kế cấp - thoát nước công trình, thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; Khảo sát xây dựng, bao gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; Lập quy hoạch xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Thi công xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ, không có những sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có ba chi nhánh như sau:

Tên	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST	Căn D-12B, Số 50 Đường N2, khu Đô thị Phố đông Village, số 1145 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.
Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST-Chi nhánh Phú Mỹ	Số 67 Hồ Đắc Di, khu phố Ông Trịnh, Phường Tân Phước, Thành phố Hồ Chí Minh.
Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST-Chi nhánh Đồng Nai	Tổ 11, KP Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Đồng Nai.

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 27 người (tại ngày 31/12/2025 là 36 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do Công ty lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO và không phải là số liệu so sánh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kế thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99").

Báo cáo tài chính được lập theo các nguyên tắc phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (không quá 3 tháng), tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- ***Phải thu khách hàng:*** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- ***Phải thu khác:*** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi cho vay, tiền gửi; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu về cho mượn tài sản…).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được tập hợp theo từng công trình, dự án chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời…) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	**Số năm**
Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị quản lý	05 năm

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 147/2016/TT-BTC.

5. Nguyên tắc kế toán thuê tài sản

a) Trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Công ty trên bảng cân đối kế toán. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản tiền cho thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê của hợp đồng thuê.

b) Trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê theo hợp đồng thuê.

5. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

b) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- ***Phải trả người bán:*** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- ***Phải trả khác***: Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...).

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay").

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí đi vay được vốn hóa.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả tại thời điểm cuối năm bao gồm các khoản: trích trước chi phí kiểm toán, lãi vay dự trả.

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- *Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả*: Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thoả mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Căn cứ trích lập dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng cho bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng được ước tính bằng tỷ lệ phần trăm trên doanh thu các công trình có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ % được xác định dựa trên các dữ liệu thống kê về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu như sau:

- Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu xây dựng

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng xây dựng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu cho thuê

Toàn bộ số tiền cho thuê tài sản, cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động được Công ty ghi nhận là doanh thu cho thuê và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán đá, than,... được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, tiền cho vay.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm: Chi phí đầu tư XDCB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh (TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình); chi phí cải tạo, nâng cấp TSCĐ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Tiền mặt	1,229,435,373	1,519,755,755
Tiền gửi ngân hàng	144,700,368,055	349,260,979
Cộng	**145,929,803,428**	**1,869,016,734**

2. Phải thu của khách hàng

2.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	***23,555,046,810***	***62,976,077,743***
Công ty Cổ phần Edico	1,584,508,484	1,584,508,484
Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng		57,015,912,232
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Thương mại Phú Minh Châu - Chi nhánh Đồng Nai	3,863,360,000	500,080,000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	1,663,403,824	1,663,403,824
CÔNG TY TNHH ROSLER VIỆT NAM	5,250,651,912	-
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN KIM BÔI - CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG	7,122,027,564	-
Các khách hàng còn lại	4,071,095,026	2,212,173,203
Phải thu khách hàng là bên liên quan	-	-
Cộng	**23,555,046,810**	**62,976,077,743**

2.2 *Dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Trong năm, biến động của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	**1,871,338,893**	**1,871,338,893**
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	**1,871,338,893**	**1,871,338,893**

3. Trả trước cho người bán

3.1 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	***12,518,753,483***	***22,072,303,502***
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco	2,851,240,883	2,851,240,883
Công ty TNHH MTV Dịch vụ - Thương mại Hảo Thành Tâm	1,255,688,465	1,255,688,465
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Tổng hợp Khởi Minh	540,000,000	540,000,000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Thương mại Phú Minh Châu - Chi nhánh Đồng Nai	-	4,200,051,308
Công ty Cổ phần Thanh Tâm	-	8,000,000,000
CÔNG TY CỔ PHẦN CST PHARMA	7,595,294,727	-
Các nhà cung cấp còn lại	276,529,408	5,225,322,846
Trả trước cho người bán là bên liên quan	-	-
Cộng	**12,518,753,483**	**22,072,303,502**

3.2 *Dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Trong kỳ, biến động của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	**4,646,929,348**	**4,646,929,348**
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	**4,646,929,348**	**4,646,929,348**

5. Phải thu khác

5.1 *Phải thu khác ngắn hạn*

	Số tại 30/6/2026		Số đầu kỳ	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Phải thu bên thứ ba	***6,005,000,000***	-	***747,000,000***	-
Tạm ứng		-	242,000,000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6,005,000,000	-	505,000,000	-
Cộng	**6,005,000,000**		**747,000,000**	

5.2 *Phải thu khác dài hạn*

	Số tại 30/6/2026		Số đầu kỳ	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ký cược, ký quỹ	500,000,000	-		-
Cộng	**500,000,000**	-		-

6. Nợ xấu

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số tại 30/6/2026			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Khởi Minh	540,000,000	540,000,000	-	540,000,000	540,000,000	-
Công ty Cổ phần Edico	1,584,508,484	1,584,508,484	-	1,584,508,484	1,584,508,484	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Visaco	3,138,071,292	3,138,071,292	-	3,138,071,292	3,138,071,292	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Hảo Thành Tâm	1,255,688,465	1,255,688,465	-	1,255,688,465	1,255,688,465	-
Cộng	**6,518,268,241**	**6,518,268,241**	-	**6,518,268,241**	**6,518,268,241**	-

Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	6,518,268,241	6,518,268,241
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Xóa nợ bằng khoản dự phòng trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	**6,518,268,241**	**6,518,268,241**

7. Hàng tồn kho

	Số tại 30/6/2026		Số đầu kỳ	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Nguyên liệu, vật liệu	728,560,000	-		-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	882,353,272	-	27,426,324,154	-
Cộng	**1,610,913,272**	-	**27,426,324,154**	-

8. Xây dựng cơ bản dở dang

8.1 Xây dựng cơ bản dở dang

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Hệ thống bơm nước		3,234,107,846
Cộng	-	**3,234,107,846**

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	60,403,382,198	34,746,663,818	50,445,455	95,200,491,471
Mua sắm mới	31,826,640,371	2,563,870,370	30,850,000	34,421,360,741
Thanh lý, nhượng bán	(1,000,000,000)	-	-	(1,000,000,000)
Số cuối kỳ	**91,230,022,569**	**37,310,534,188**	**81,295,455**	**128,621,852,212**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	21,938,627,075	13,511,603,234	48,330,024	35,498,560,333
Khấu hao trong kỳ	4,604,708,246	2,499,846,037	5,017,987	7,109,572,270
Thanh lý, nhượng bán	(1,000,000,000)	-	-	(1,000,000,000)
Số cuối kỳ	**25,543,335,321**	**16,011,449,271**	**53,348,011**	**41,608,132,603**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu kỳ	38,464,755,123	21,235,060,584	2,115,431	59,701,931,138
Số cuối kỳ	**65,686,687,248**	**21,299,084,917**	**27,947,444**	**87,013,719,609**

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2026 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.770.445.455 VND (tại ngày 31/12/2025 là 2.720.000.000 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2026 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 50.375.551.396 VND (tại ngày 31/12/2024 là 23.425.863.863 VND).

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số tại 30/6/2026		Số đầu kỳ	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả người bán là bên thứ ba	***82,911,928,925***	***82,911,928,925***	***36,345,396,588***	***36,345,396,588***
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Bảo Lộc	-	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Cơ khí Sơn Trường	26,404,805,384	26,404,805,384	6,872,413,821	6,872,413,821
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đông Hải		-	339,350,730	339,350,730
Công ty Cổ phần Thiết bị EPC Việt Nam	8,791,000,000	8,791,000,000	101,328,893	101,328,893
Liên danh Công ty Cổ phần Xây lắp Đại Lâm Mộc - Công ty TNHH Xây lắp Tràng Kênh	21,921,403,994	21,921,403,994	14,896,426,079	14,896,426,079
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Tân Thái Hà	4,140,871,739	4,140,871,739	9,095,604,155	9,095,604,155
Các nhà cung cấp còn lại	21,653,847,808	21,653,847,808	5,040,272,910	5,040,272,910
Cộng	**82,911,928,925**	**82,911,928,925**	**36,345,396,588**	**36,345,396,588**

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	***33,229,699,042***	***1,091,102,664***
Công ty Cổ phần xi măng Bạch Đằng	17,908,968,299	-
Công ty TNHH Thương mại Hiền Huệ	-	83,180,306
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Đầu tư Trung Thành	7,671,770	1,007,922,358
Công ty TNHH Đầu tư TM DV TRƯỜNG GIANG PHÚ MỸ	1,000,000,000	-
Công ty TNHH một thành viên Đào Đức Long (TT)	3,334,327,453	-
Công ty TNHH Đế Minh (ĐN)	4,393,346,787	-
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUẤN LỘC	1,955,259,092	-
Các khách hàng còn lại	4,630,125,641	
Cộng	**33,229,699,042**	**1,091,102,664**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

12.1 Thuế phải nộp

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số tại 30/6/2026
Thuế GTGT nội địa	227,778,855	1,015,082,246	803,705,944	439,155,157
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,189,634,840	3,869,015,645	1,164,702,822	6,893,947,663
Thuế thu nhập cá nhân	4,217,542	219,485,468	22,697,862	201,005,148
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	65,461,124	10,198,425	75,659,549	-
Cộng	**4,487,092,361**	**5,113,781,784**	**2,066,766,177**	**7,534,107,968**

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Lãi vay dự trả		50,276,548
Trích trước chi phí kiểm toán		200,000,000
Trích trước chi phí thuê cẩu tháp	-	-
Cộng		**250,276,548**

14. Phải trả khác ngắn hạn

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	264,000,000
Cộng		**264,000,000**

16. Vay và nợ thuê tài chính

16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn	**6,877,418,639**	**6,877,418,639**	**7,448,691,850**	**6,858,858,074**	**7,467,252,415**	**7,467,252,415**
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn Phúc (i)	3,847,062,000	3,847,062,000	4,430,257,000	3,847,062,000	4,430,257,000	4,430,257,000
Thẻ tín dụng (ii)	30,356,639	30,356,639	18,434,850	11,796,074	36,995,415	36,995,415
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo (iii)	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	**2,964,100,656**	**2,964,100,656**		**1,590,800,328**	**1,373,300,328**	**1,373,300,328**
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đô (v)	2,964,100,656	2,964,100,656		1,590,800,328	1,373,300,328	1,373,300,328
Cộng	**9,841,519,295**	**9,841,519,295**	**7,448,691,850**	**8,449,658,402**	**8,840,552,743**	**8,840,552,743**

16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu kỳ		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo (iv)	1,938,750,000	1,938,750,000	2,475,000,000	352,500,000	4,061,250,000	4,061,250,000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đô (v)	9,195,186,460	9,195,186,460	1,350,000,000		10,545,186,460	10,545,186,460
Cộng	**11,133,936,460**	**11,133,936,460**	**3,825,000,000**	**352,500,000**	**14,606,436,460**	**14,606,436,460**

Chi tiết các khoản vay ngân hàng

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Vạn Phúc theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 0048/2026/HDHM-PN/SHB.111600 ngày 09/02/2026. Hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh hoàn tiền tạm ứng là 30.000.000.000 đồng. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay thuộc hợp đồng tín dụng tối đa là 6 tháng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ.
Các khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng bảo đảm sau:
- Thế chấp bất động sản tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 7E-IV-04, địa chỉ số 581 phố Kim Mã, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp số PL 02-0671/2023/HĐTC-PN/SHB.111600 ngày 10/02/2026.
- Thế chấp bất động sản tại thửa đất số 1147 và 1148, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: Thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp số PL 02-0469/2024/HĐTC-PN/SHB.111600 ngày 09/02/2026.

(ii) Khoản nợ thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng doanh nghiệp SHB số CARD-01-202501. Hạn mức 1.000.000.000 VND. Không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo theo Hợp đồng cho vay số CLC-48634-01 ngày 24/06/2025. Hạn mức cho vay là 3.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thi công công trình xây dựng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số: TaicaponlineSME-2018219 ngày 24/06/2026. Hạn mức cho vay là 3.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh thi công công trình xây dựng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Không có tài sản đảm bảo.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trần Hưng Đạo theo Hợp đồng cho vay số CLC-55835-01 ngày 28/08/2025. Số tiền vay: 2.115.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích vay: Mua sắm tài sản cố định theo Hợp đồng mua bán số 06/2025/HĐMB/EPC-MCST phục vụ thi công công trình xây dựng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là 01 máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU, số loại: PC350, biển kiểm soát 29CD-038.81 theo Hợp đồng thế chấp số CLC-55835-2018219-HDTC-01 ngày 28/08/2025.
- Hợp đồng cho vay số CLC-88762-01 ngày29/05/2026. Số tiền vay: 2.475.000.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích vay: Mua sắm tài sản cố định theo Hợp đồng mua bán số ESA203PC350/2026/HD-MHE/MCST phục vụ thi công công trình xây dựng. Lãi suất cho vay được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản thế chấp là 01 máy xúc đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU, số loại: PC350 - 8M2, biển kiểm soát 29CD-069.68 theo Hợp đồng thế chấp số CLC-88762-2018219-HDTC-01 ngày 29/05/2026.

(v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thủ Đô theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 202226613569 ngày 22/04/2022 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 698.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô. Thời hạn vay là 5 năm. Khoản vay được đảm bảo bởi xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ5707S3840AJ, biển kiểm soát 29HC-010.30, số khung LZZ5EMSD2NB078080 và xe ô tô nhãn hiệu CNHTC, số loại ZZ5707S3840AJ, biển kiểm soát 29HC-010.26, số khung LZZ5EMSD4NB078081 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202226617384/HĐTC ngày 26/09/2022. Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST;
- Hợp đồng tín dụng số 202226595303-01 ngày 28/04/2022 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 2.722.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầy tư máy móc, thiết bị theo Hợp đồng mua bán số ESA2237/HĐ-MHE/NES ngày 27/03/2022. Thời hạn vay là 5 năm. Khoản vay được đảm bảo bởi máy đào thủy lực bánh xích Komatsu, model PC350-8M0, số khung KMTPC247EMC083113, số động cơ: 6D11426890487 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20222659303-01/HĐTCMM ngày 28/04/2022;

- Hợp đồng tín dụng số 202226617384 ngày 26/09/2022 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 2.580.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô. Thời hạn vay là 4 năm. Khoản vay được đảm bảo bởi ô tô 8 chỗ Kia màu trắng BKS 30H-672.77, số khung RNYND5BA8NC253838, loại CARNIVAL theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202226613569/HĐTCOTO ngày 22/04/2022;
- Hợp đồng tín dụng số 202528178643 ngày 13/05/2025 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 2.870.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô. Thời hạn vay là 84 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, số loại: LC PRADO, biển kiểm soát: 51M-128.89 Số khung: JTEAACAJ605009150, Số máy: 5B10719T24A theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202528178643/HĐTC ngày 13/05/2025;
- Hợp đồng tín dụng số 202528212131 ngày 23/07/2025 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 1.255.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô. Thời hạn vay là 72 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi xe ô tô con nhãn hiệu FORD, số loại EVEREST, biển kiểm soát 51M-519.89, số khung MNCRXXMAWRSM11372 theo Hợp đồng thế chấp số 202528212131/HĐTC ngày 23/07/2025. Chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST;
- Hợp đồng tín dụng số 202529909026 ngày 26/11/2025 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 7.063.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua ô tô. Thời hạn vay là 72 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi xe ô tô con LEXUS, số loại: LX600 URBAN, biển kiểm soát: 30M-424.49 Số khung: JTJPB7CX704087055, Số máy: V35A0458332 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202529909026/HĐTC ngày 26/11/2025. Ngày 11/02/2026 có thỏa thuận sửa đổi, bổ sung HĐTD số 01/202529909026 về đổi biển kiểm soát: 30C-679.79 đối với tài sản đảm bảo là xe ô tô con LEXUS.
- Hợp đồng tín dụng số 202630071351 ngày 15/05/2026 theo phương thức cấp tín dụng từng lần với số tiền là 1.350.000.000 đồng. Mục đích vay: Mua xe tự đổ bánh lốp. Thời hạn vay là 48 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi xe tự đổ bánh lốp, nhãn hiệu: CNHTC, số loại:ZZ5707S3840, biển kiểm soát:29CD-067.12, Số khung: LZZ5EMSD3TB107938, Số máy: WD615472601070751S7 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202630071351/HĐTC ngày 15/05/2026.

Lãi suất của các khoản vay được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ.

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**96,183,580,000**	**(17,000,000)**	**415,707,715**	**998,435,676**	**97,580,723,391**
Lãi trong năm trước	-	-	-	15,388,208,951	15,388,208,951
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	**96,183,580,000**	**(17,000,000)**	**415,707,715**	**16,386,644,627**	**112,968,932,342**
Tăng vốn trong kỳ (*)		-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	14,947,604,614	14,947,604,614
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-		-
Số dư cuối kỳ	**96,183,580,000**	**(17,000,000)**	**415,707,715**	**31,334,249,241**	**127,916,536,956**

17.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Bà Đỗ Thị Châu Anh	9,541,000,000	9,541,000,000.00
Ông Phạm Ngọc Phương	8,806,000,000	8,806,000,000
Các cổ đông khác	77,836,580,000	77,836,580,000
Cộng	**96,183,580,000**	**96,183,580,000**

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	96,183,580,000	96,183,580,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		-
+ Vốn góp cuối kỳ	**96,183,580,000**	**96,183,580,000**
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-

17.4 Cổ phiếu

	Số tại 30/6/2026	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9,618,358	9,618,358
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	9,618,358	9,618,358
- *Cổ phiếu phổ thông*	*9,618,358*	*9,618,358*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,618,358	9,618,358
- *Cổ phiếu phổ thông*	*9,618,358*	*9,618,358*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Doanh thu bán hàng	165,502,057,164	45,263,150,844
Doanh thu hợp đồng xây lắp	234,938,819,598	263,697,527,602
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15,014,780,000	12,651,500,000
Doanh thu khác	46,734,523	
Cộng	**415,502,391,285**	**321,612,178,446**

Trong đó	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Doanh thu bán cho bên thứ ba	415,502,391,285	321,612,178,446
Doanh thu bán cho bên liên quan	-	-
Cộng	**415,502,391,285**	**321,612,178,446**

2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Giá vốn hàng hóa đã bán	157,157,787,829	42,959,380,624
Giá vốn hoạt động xây lắp	221,788,136,438	238,653,074,777
Giá vốn cung cấp dịch vụ	9,936,764,747	9,103,042,372
Giá vốn khác	48,240,000	
Cộng	**388,930,929,014**	**290,715,497,773**

0

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21,686,528	1,007,802,265
Cộng	**21,686,528**	**1,007,802,265**

4. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Lãi tiền vay	1,005,094,317	1,856,941,674
Cộng	**1,005,094,317**	**1,856,941,674**

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Chi phí nhân viên quản lý	3,059,691,709	4,025,837,423
Chi phí đồ dùng văn phòng	36,833,995	134,788,800
Chi phí khấu hao TSCĐ	819,436,139	528,280,344
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,514,747,937	2,986,423,020
Chi phí bằng tiền khác	462,397,736	3,103,090,086
Cộng	**6,893,107,516**	**10,783,419,673**

6. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng		631,738,536
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	49,965	36,664
Thu nhập khác	131,818,182	1,000,000
Cộng	**131,868,147**	**632,775,200**

7. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Các khoản bị phạt	10,206,184	319,021,610
Các khoản khác	(11,330)	31,390
Cộng	**10,194,854**	**319,053,000**

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12,532,816,868	79,834,926,101
Chi phí nhân công	4,667,285,193	7,994,539,809
Chi phí công cụ, dụng cụ	17,702,042	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	7,109,572,270	9,070,073,367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187,332,503,710	182,659,839,125
Chi phí khác bằng tiền	462,397,736	1,682,383,198
Cộng	**212,122,277,819**	**281,241,761,600**

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3,869,015,645	4,024,932,018
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này		164,702,822
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	**3,869,015,645**	**4,189,634,840**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong kỳ của Công ty:

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Lợi nhuận thuần trước thuế	**18,816,620,259**	**19,577,843,791**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán	**528,457,968**	**546,816,300**
Các khoản điều chỉnh tăng	528,457,968	546,816,300
Chi phí không được trừ	528,457,968	546,816,300
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	**19,345,078,227**	**20,124,660,091**
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động khác	19,345,078,227	20,124,660,091
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	**3,869,015,645**	**4,024,932,018**

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14,947,604,614	15,388,208,951
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	14,947,604,614	15,388,208,951
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	9,618,358	6,753,834
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1,554**	**2,278**

(*) Công ty không ước tính số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ này do chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận đồng thời không có dữ liệu trong quá khứ để ước tính được việc trích quỹ này.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu kỳ	9,618,358	5,657,936
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong kỳ		1,095,898
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong kỳ	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9,618,358	6,753,834

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Vay ngân hàng trả thẳng cho nhà cung cấp, chi trả các giao dịch bằng thẻ tín dụng	11,269,129,600	21,037,316,762
Cộng	**11,269,129,600**	**21,037,316,762**

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2. Giao dịch với các bên liên quan

2.1 Danh sách bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Lâm Thu Huyền	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hải Ninh	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Lộc	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Thảo	Tổng Giám đốc
Bà Nghiêm Thị Thu Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Lê Hoàng Yến	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Xuân Mừng	Thành viên

2.2 Giao dịch với bên liên quan

a. Thu nhập của thành viên chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty phát sinh trong kỳ, chi tiết như sau:

	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2025
Thu nhập của Thành viên chủ chốt		
Bà Lâm Thu Huyền		72,000,000
Ông Nguyễn Hải Ninh		48,000,000
Bà Lê Thị Lộc		48,000,000
Bà Lê Thị Thảo	179,589,864	321,760,311
Ông Nguyễn Việt Hải		77,953,309
Bà Nghiêm Thị Thu Hiền		40,000,000
Ông Đặng Xuân Hòa		12,000,000
Bà Vũ Thị Giang		12,000,000
Bà Lê Hoàng Yến		32,000,000
Ông Lê Xuân Mừng		24,000,000
Bà Hà Thị Hồng Nhung	191,936,182	314,383,923
	371,526,046	**1,002,097,543**

b. Các bên liên quan khác

Công ty không có bên liên quan khác.

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do Công ty lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO và không phải là số liệu so sánh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Thị Hồng Nhung	Hà Thị Hồng Nhung	Lê Thị Thảo

BẢN SAO

BỘ TÀI CHÍNH **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2334 /UBCK-PTTT V/v hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty cổ phần Tập đoàn MCST	*Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2025*

Kính gửi:

- Công ty cổ phần Tập đoàn MCST;
- Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài (SHNN) tối đa số 11/2025/TB-MCST ngày 27/5/2025 của Công ty cổ phần Tập đoàn MCST (Công ty) (UPCOM: ALV) tại mức 0%, UBCKNN có ý kiến như sau:

1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 11a Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15), khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) và chịu trách nhiệm về kết quả rà soát tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật.

Trường hợp Công ty có tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại vượt quá tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định pháp luật, Công ty cần tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. UBCKNN đề nghị Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ SHNN trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 31-07-2026
Số chứng thực: 37260 Quyển số: SCT/BS

3. Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện cập nhật, điều chỉnh trên hệ thống về tỷ lệ SHNN tối đa tại Công ty theo quy định tại Khoản 4 Điều 142 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

UBCKNN thông báo để Công ty, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và các đơn vị liên quan biết và thực hiện theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch UBCK (để b/c);
- Ban GSĐC;
- Ban QLCB;
- Ban PCĐN;
- SGDCK HN;
- Lưu: VT, PTTT (09b).

TL. CHỦ TỊCH
KT. TRƯỞNG BAN PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Tô Trần Hòa

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
P. ĐỐNG ĐA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Lê Như Tuân

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0200732579

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 03 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 18, ngày 19 tháng 03 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BACH DANG CEMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BACH DANG CEMECO.

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ dân phố Thủy Minh, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: *0225.6269902* Số Fax:

Thư điện tử: *bachdangcementco@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 80.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: ĐÀO HẢI MẠNH Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *26/11/1979* Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *034079000674*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Số DLB06, Dự án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1, Tổ dân phố 8, Phường Xuân Đỉnh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 6688501 Quyển số: SCT/BS
Ngày: 30-09-2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN LÂM
P. VINH HƯNG - T.P HÀ NỘI

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Bảo Lâm

Nguyễn Thị Huệ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ	*Hải Phòng, ngày 08 tháng 04 năm 2026*

SAO Y BẢN CHÍNH
30 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành;

*- Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng ("**Công ty**");*

- Căn cứ Biên bản cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng số 02/2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 04 năm 2026;

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Hải Mạnh

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua phương án chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ

1. Tên cổ phần chào bán: Cổ phần Công ty cổ phần Xi Măng Bạch Đằng
2. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
3. Loại tiền chào bán: Việt Nam đồng
4. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
5. Số lượng cổ phần trước khi chào bán: 80.000.000 cổ phần
6. Vốn điều lệ trước khi chào bán: 800.000.000.000 đồng
7. Số lượng cổ phần chào bán: 20.000.000 cổ phần
8. Số lượng cổ phần dự kiến sau khi chào bán: 100.000.000 cổ phần
9. Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán: 1.000.000.000.000 đồng
10. Phương thức phát hành: Chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư
11. Đối tượng chào bán và số lượng cổ phần chào bán:

- Toàn bộ cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu. Cổ đông có quyền chuyển quyền mua của mình cho các cổ đông khác.
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1 (Tức là cổ đông hiện hữu sở hữu 1 cổ phần tại ngày thực hiện quyền sẽ được quyền mua 1 cổ phần mới).
- Số cổ phiếu lẻ hoặc cổ phiếu do cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua không thực hiện quyền sử được ủy quyền cho Hội đồng quản trị ("***HĐQT***") phân phối cho các đối tượng khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ động hiện hữu. Cụ thể

+ Công ty cổ phần Tập đoàn MCST: 18.000.000 cổ phần
+ Các nhà đầu tư khác nhưng không quá 50 nhà đầu tư: 2.000.000 cổ phần

Đại hội đồng cổ đông ("***ĐHĐCĐ***") ủy quyền cho HĐQT chủ động tìm kiếm và quyết định danh sách nhà đầu tư tham gia mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần của Công ty theo tiêu chí: Có năng lực tài chính, sẵn sàng đồng hành cùng Công ty trong dài hạn.

12. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần

    Căn cứ xác định giá chào bán:

    Theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025 tự lập của Công ty, giá trị sổ sách của cổ phần CTCP Xi măng Bạch Đằng là: 9.644 đồng/cổ phần.

    Xét đến mục đích và nhu cầu của Công ty, ĐHĐCĐ quyết định giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần.
13. Thời gian dự kiến chào bán: Quý IV/2026 – Quý I/2027.

    ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chủ động quyết định thời điểm triển khai việc chào bán, và có thể gia hạn đợt chào bán đến hết Quý II/2027, phụ thuộc vào điều kiện tìm kiếm nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của đợt chào bán.
14. Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán: Cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê, tăng cường năng lực tài chính, tăng tỷ trọng vốn tự có/vốn vay theo hướng an toàn, bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Điều 2. Sửa đổi điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty

Đại hội đồng cổ đông thống nhất sửa đổi Các điều khoản liên quan đến Vốn điều lệ, cổ phần trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất việc chào bán.

Giao HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty rà soát, cập nhật, sửa đổi các điều khoản thay đổi và phát hành Điều lệ theo kết quả chào bán và nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua nêu trên.

Điều 3. Giao triển khai phương án chào bán

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT thực hiện các nội dung liên quan đến đợt chào bán như sau:

1. Tổ chức triển khai chi tiết Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ để tăng vốn điều lệ của Công ty.
2. Quyết định và thực hiện các công việc và thủ tục liên quan để hoàn tất việc chào bán cổ phần.
3. Giao HĐQT chủ động tìm kiếm nhà đầu tư khác để xử lý số cổ phần còn dư do nhà đầu tư được mua từ chối không mua hoặc không mua hết số lượng đã đăng ký với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần.
4. Lập kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn và lợi ích của cổ đông; ĐHĐCĐ giao cho HĐQT căn cứ vào cơ cấu vốn tự có/vốn vay của Công ty khi thực hiện dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê để quyết định cụ thể mục đích sử dụng vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty, giảm tỷ lệ vay nợ, tăng cường năng lực tài chính của Công ty.
5. Điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt

chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

6. Trong trường hợp hết thời hạn chào bán cổ phần theo dự kiến của ĐHĐCĐ và pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có)), nếu vẫn còn cổ phần chưa chào bán hết thì số cổ phần chưa chào bán hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua việc sửa đổi điều khoản Vốn điều lệ trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng theo vốn điều lệ thực tế sau khi kết thúc mỗi đợt chào bán.
7. Thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan để đề nghị thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo số vốn thực tế chào bán được sau khi hoàn tất việc chào bán.
8. Thực hiện sửa đổi Các điều khoản liên quan đến Vốn điều lệ, cổ phần trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo vốn điều lệ mới sau khi hoàn tất việc chào bán.
9. Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình thực hiện phương án chào bán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi, hoàn chỉnh phương án chào bán (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án tăng vốn này), đảm bảo việc huy động vốn của Công ty được thực hiện hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty.
10. Các công việc khác có liên quan để đảm bảo đợt chào bán thành công.

Điều 4: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- *HĐQT, BTGĐ, BKS*
- *Lưu VT.*

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG

Đào Hải Mạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 03/2026/NQ-ĐHĐCĐ	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Hải Phòng, ngày 09 tháng 09 năm 2026

NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 30 tháng 9 năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng số 03/2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 09 năm 2026;

QUYẾT NGHỊ

<u>Điều 1</u>: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng

Điều, khoản	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi	Lý do sửa đổi
Khoản 4 Điều 4	Các cổ đông sáng lập phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu	Bãi bỏ	Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ, việc nộp tiền mua cổ phần trong các đợt chào bán cổ phần của công ty không bị hạn chế đối tượng là cổ đông sáng lập
Khoản 1 Điều 31	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, **bao gồm** cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động của Công ty, tiết giảm chi phí thực tế tổ chức ĐHĐCĐ trực tiếp

M.S.D.N: 0200732579 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Hải Mạnh

Điều 2. Đính chính thông tin phương án chào bán cổ phần để tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng được thông qua tại Điều 1 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026

1. Tên cổ phần chào bán: Cổ phần Công ty cổ phần Xi Măng Bạch Đằng
2. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
3. Loại tiền chào bán: Việt Nam đồng
4. Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
5. Số lượng cổ phần chào bán: 80.000.000 cổ phần
6. Vốn điều lệ trước khi chào bán: 800.000.000.000 đồng
7. Số lượng cổ phần chào bán: 20.000.000 cổ phần
8. Số lượng cổ phần dự kiến sau khi chào bán: 100.000.000 cổ phần
9. Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán: 1.000.000.000.000 đồng
10. Phương thức phát hành: Chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư
11. Đối tượng chào bán và số lượng cổ phần chào bán:

    - Công ty cổ phần Tập đoàn MCST: 18.000.000 cổ phần
    - Các nhà đầu tư khác nhưng không quá 50 nhà đầu tư: 2.000.000 cổ phần

    ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động tìm kiếm và quyết định danh sách nhà đầu tư tham gia mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần của Công ty theo tiêu chí: Có năng lực tài chính, sẵn sàng đồng hành cùng Công ty trong dài hạn.

12. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần
    Căn cứ xác định giá chào bán:
    Theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025 tự lập của Công ty, giá trị sổ sách của cổ phần CTCP Xi măng Bạch Đằng là: 9.644 đồng/cổ phần.
    Xét đến mục đích và nhu cầu của Công ty, ĐHĐCĐ quyết định giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần.
13. Thời gian dự kiến chào bán: Quý IV/2026 – Quý I/2027.
    ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chủ động quyết định thời điểm triển khai việc chào bán, và có thể gia hạn đợt chào bán đến hết Quý II/2027, phụ thuộc vào điều kiện tìm kiếm nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của đợt chào bán.
14. Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán: Cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê, tăng cường năng lực tài chính, tăng tỷ trọng vốn tự có/vốn vay theo hướng an toàn, bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Các nội dung ủy quyền và giao triển khai phương án chào bán đối với việc sửa điều lệ và thực hiện phương án tại Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026 là không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực thi hành.

<u>Điều 3</u>: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký

Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ động thực hiện việc sửa đổi điều lệ Công ty theo các nội dung đã được thông qua tại Điều 1 Nghị quyết này.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- *HĐQT, BTGĐ, BKS*
- *Lưu VT.*

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 0200102579-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đào Hải Mạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN **XI MĂNG BẠCH ĐẰNG** Số: 03/2026/BBH-ĐHĐCĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 09 tháng 09 năm 2026

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG

SAO Y BẢN CHÍNH
ngày 30 tháng 9 năm 2026

I. THÔNG TIN CÔNG TY

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng
2. Trụ sở chính: Tổ dân phố Thủy Minh, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0200732579 do Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 19 tháng 03 năm 2026

*(Sau đây gọi là "**Công ty**")*

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC

Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng được tổ chức vào 09 giờ 00 phút ngày 09 tháng 09 năm 2026 tại trụ sở Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng – Tổ dân phố Thủy Minh, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Chủ tọa, thư ký:

- Chủ tọa: Ông Đào Hải Mạnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Thư ký: Bà Đào Thị Tịnh

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Hải Mạnh

2. Thành phần tham dự:

Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết là 05 cổ đông sở hữu và đại diện cho 80.000.000 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần biểu quyết của Công ty.

Tổng số cổ đông dự họp là 05 cổ đông sở hữu và đại diện cho tổng số 80.000.000 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty, cụ thể như sau:

- Ông Đào Hải Mạnh sở hữu và đại diện 58.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết
- Ông Nguyễn Văn Tới sở hữu và đại diện 6.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết
- Bà Nguyễn Thị Phương Giang sở hữu và đại diện 8.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết
- Bà Đặng Thị Nga đại diện và sở hữu 4.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết
- Bà Đào Thị Tịnh đại diện và sở hữu 4.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết

Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IV. MỤC ĐÍCH, CHƯƠNG TRÌNH HỌP

Đại hội đồng cổ đông ("***ĐHĐCĐ***") tổ chức cuộc họp để trao đổi và thống nhất về việc đính chính thông tin về phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ của

Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026, đồng thời thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

V. NỘI DUNG CUỘC HỌP

Đại hội đồng cổ đông đã nghe Chủ tọa trình bày các nội dung sau:

1. Căn cứ thực tế hoạt động của Công ty, Chủ tọa đại hội đã trình bày các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty để ĐHĐCĐ xem xét, cụ thể:

Điều, khoản	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi	Lý do sửa đổi
Khoản 4 Điều 4	Các cổ đông sáng lập phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu	Bãi bỏ	Tính đến thời điểm hiện tại, các hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ, việc nộp tiền mua cổ phần trong các đợt chào bán cổ phần của công ty không bị hạn chế đối tượng là cổ đông sáng lập
Khoản 1 Điều 31	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, **bao gồm** cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động của Công ty, tiết giảm chi phí thực tế tổ chức ĐHĐCĐ trực tiếp

2. Đính chính thông tin về phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026

- Căn cứ Công văn số 64/2026/CV-MCST ngày 28/08/2026 của Công ty cổ phần Tập đoàn MCST về việc đề nghị Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng xem xét lại thông tin về phương án chào bán cổ phần của Công ty được thể hiện tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026.

Qua rà soát lại toàn văn Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026 và đối chiếu với diễn biến cuộc họp, các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông họp, thảo luận và biểu quyết thông qua tại Biên bản họp ĐHĐCĐ số 02/2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy có những sai lệch trong quá trình soạn thảo và ban hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể, Nghị quyết đã ghi sai tỷ lệ chào bán và chưa thể hiện thực tế diễn biến đăng ký quyền ưu tiên mua cổ phần của các cổ đông theo đúng thực tế ghi nhận tại Biên bản họp ĐHĐCĐ số 02/2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026.

Theo diễn biến cuộc họp được ghi nhận, căn cứ Khoản 2 Điều 125 Luật Doanh nghiệp, các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng được quyền ưu tiên mua cổ phần trước khi chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư theo phương án chào bán riêng lẻ đã được Chủ tọa trình bày. Tuy nhiên, toàn bộ các cổ đông hiện hữu của Công ty đã từ chối quyền ưu tiên mua cổ phần và không thực hiện chuyển nhượng quyền ưu tiên mua cổ phần của mình ngay tại phiên họp, cùng thống nhất thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ cho Công ty cổ phần Tập đoàn MCST và các nhà đầu tư khác, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị ("***HĐQT***") chủ động tìm kiếm và quyết định danh sách Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần theo tiêu chí đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Để thống nhất nội dung thông tin về phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty, Chủ tọa đại hội trình ĐHĐCĐ thông qua việc đính chính thông tin về phương án chào bán cổ phần đã được công bố tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026.

Nội dung đính chính phương án chào bán đã được ghi nhận tại Điều 1 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026 cụ thể như sau:

- Tên cổ phần chào bán: Cổ phần Công ty cổ phần Xi Măng Bạch Đằng
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Loại tiền chào bán: Việt Nam đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần trước khi chào bán: 80.000.000 cổ phần
- Vốn điều lệ trước khi chào bán: 800.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần chào bán: 20.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến sau khi chào bán: 100.000.000 cổ phần
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi chào bán: 1.000.000.000.000 đồng
- Phương thức phát hành: Chào bán riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư
- Đối tượng chào bán và số lượng cổ phần chào bán:
  + Công ty cổ phần Tập đoàn MCST: 18.000.000 cổ phần
  + Các nhà đầu tư khác nhưng không quá 50 nhà đầu tư: 2.000.000 cổ phần

  ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động tìm kiếm và quyết định danh sách nhà đầu tư tham gia mua cổ phần trong đợt chào bán cổ phần của Công ty theo tiêu chí: Có năng lực tài chính, sẵn sàng đồng hành cùng Công ty trong dài hạn.

– Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần

Căn cứ xác định giá chào bán:

Theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2025 tự lập của Công ty, giá trị sổ sách của cổ phần CTCP Xi măng Bạch Đằng là: 9.644 đồng/cổ phần.

Xét đến mục đích và nhu cầu của Công ty, ĐHĐCĐ quyết định giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần.

– Thời gian dự kiến chào bán: Quý IV/2026 – Quý I/2027.

ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chủ động quyết định thời điểm triển khai việc chào bán, và có thể gia hạn đợt chào bán đến hết Quý II/2027, phụ thuộc vào điều kiện tìm kiếm nhà đầu tư tham gia mua cổ phần của đợt chào bán.

– Mục đích sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán: Cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê, tăng cường năng lực tài chính, tăng tỷ trọng vốn tự có/vốn vay theo hướng an toàn, bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Các nội dung về việc ủy quyền và giao triển khai phương án chào bán đối với việc sửa đổi điều lệ và thực hiện phương án quy định tại Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026 là không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực thi hành.

VI. THẢO LUẬN CỦA CỔ ĐÔNG

Các cổ đông tiến hành thảo luận về 02 nội dung mà Chủ tọa Đại hội vừa trình bày.

Các cổ đông thống nhất với các nội dung và không có thêm ý kiến khác.

VII. BIỂU QUYẾT VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

Sau khi thảo luận, các cổ đông tiến hành biểu quyết và thông qua kết quả biểu quyết tại đại hội như sau:

Nội dung 1: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng

- Số phiếu tán thành: 80.000.000 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

Nội dung 2: Thông qua đính chính thông tin về phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026

- Số phiếu tán thành: 80.000.000 phiếu biểu quyết, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu

VIII. TỔNG KẾT ĐẠI HỘI

1. Thư ký đọc Biên bản họp ĐHĐCĐ
2. ĐHĐCĐ nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội
3. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các nội dung:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng
- Thông qua đính chính thông tin về phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026
- Giao Hội đồng quản trị giám sát thực hiện các công việc được ĐHĐCĐ thông qua tại Biên bản họp này

4. Ông Đào Hải Mạnh – Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội
5. Biên bản này được lập vào lúc 10 giờ 45 phút ngày 09/09/2026 ngay khi Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Xi Măng Bạch Đằng được bế mạc.

THƯ KÝ | **CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT**

Đào Thị Tịnh | **Đào Hải Mạnh**

CHỮ KÝ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

CỔ ĐÔNG

Đào Hải Mạnh

CỔ ĐÔNG

Nguyễn Văn Tới

CỔ ĐÔNG

Nguyễn Thị Phương Giang

(Người được ủy quyền ký: Đào Hải Mạnh)

CỔ ĐÔNG

Đặng Thị Nga

CỔ ĐÔNG

Đào Thị Tịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10/2026/NQ-HĐQT	*Hải Phòng, ngày 09 tháng 09 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

(V/v: thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty)

SAO Y BẢN CHÍNH
ngày 30 tháng 9 năm 2026

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020.*
- *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng;*
- *Căn cứ các Nghị quyết số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026; số 03/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/09/2026 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng;*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 10/2026/BBH-HĐQT ngày 09/09/2026 của Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng;*

TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Hải Mạnh

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần riêng lẻ tăng vốn điều lệ của Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2026 với các nội dung như sau:

1. Mục đích sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua: Cơ cấu nguồn vốn thực hiện dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê, tăng cường năng lực tài chính, tăng tỷ trọng vốn tự có/vốn vay theo hướng an toàn, bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

2. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Stt	Phương án sử dụng vốn thu được	Số tiền đầu tư dự kiến (VND)	Thời gian sử dụng dự kiến
1	Thanh toán các khoản vay đến hạn trả cho ông Đào Hải Mạnh theo Hợp đồng vay số: 04/HDVV-BDC ngày 20/12/2023 *(theo các khoản vay thực tế đến hạn tại thời điểm được phép sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán)*	200.000.000.000	Từ Quý IV năm 2026, theo kế hoạch của Công ty và thời điểm đến hạn của các khoản nợ vay

Các khoản Công ty vay theo Hợp đồng vay số 04/HDVV-BDC ngày 20/12/2023 đã được Công ty sử dụng để thực hiện dự án Nhà máy Xi măng Liên Khê.

Dự kiến chi tiết các khoản vay nợ dự kiến trả cho ông Mạnh theo Phụ lục đính kèm Nghị quyết này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Nghị quyết HĐQT số 04/2026/NQ-HĐQT ngày 09/04/2026.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty./.

Nơi nhận:
- *HĐQT; BTGĐ, BKS*
- *Lưu VT*

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0200732... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG BẠCH ĐẰNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đào Hải Mạnh

PHỤ LỤC: CHI TIẾT CÁC KHOẢN VAY DỰ KIẾN TRẢ BẰNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ

(Theo nội dung Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐQT của HĐQT Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng)

Stt	Ngày nhận nợ	Số Giấy nhận nợ theo HĐ vay số 04/HDVV-BDC	Số tiền vay (đồng)	Tổng dư nợ (đồng)
1	20/12/2023	50/XNN-DHM	4.420.000.000	4.420.000.000
2	21/12/2023	51/XNN-DHM	617.000.000	5.037.000.000
3	27/12/2023	52/XNN-DHM	200.000.000	5.237.000.000
4	28/12/2023	53/XNN-DHM	1.450.000.000	6.687.000.000
5	29/12/2023	54/XNN-DHM	200.000.000	6.887.000.000
6	05/02/2024	55/XNN-DHM	4.515.000.000	11.402.000.000
7	04/03/2024	56/XNN-DHM	10.000.000	11.412.000.000
8	26/03/2024	57/XNN-DHM	440.000.000	11.852.000.000
9	04/04/2024	58/XNN-DHM	1.000.000.000	12.852.000.000
10	13/05/2024	59/XNN-DHM	2.550.000.000	15.402.000.000
11	03/06/2024	60/XNN-DHM	180.000.000	15.582.000.000
12	10/06/2024	61/XNN-DHM	2.839.000.000	18.421.000.000
13	14/06/2024	62/XNN-DHM	1.099.000.000	19.520.000.000
14	20/06/2024	63/XNN-DHM	1.000.000.000	20.520.000.000
15	14/10/2024	64/XNN-DHM	1.430.000.000	21.950.000.000
16	15/11/2024	65/XNN-DHM	1.290.000.000	23.240.000.000
17	26/11/2024	66/XNN-DHM	720.000.000	23.960.000.000
18	19/12/2024	67/XNN-DHM	20.000.000	23.980.000.000
19	20/12/2024	68/XNN-DHM	20.000.000	24.000.000.000
20	25/02/2025	69/XNN-DHM	1.980.000.000	25.980.000.000
21	21/03/2025	70/XNN-DHM	1.780.000.000	27.760.000.000
22	24/03/2025	71/XNN-DHM	7.020.000.000	34.780.000.000
23	01/04/2025	72/XNN-DHM	280.000.000	35.060.000.000
24	24/04/2025	73/XNN-DHM	760.000.000	35.820.000.000
25	25/04/2025	74/XNN-DHM	2.450.000.000	38.270.000.000
26	28/04/2025	75/XNN-DHM	1.424.000.000	39.694.000.000
27	06/05/2025	76/XNN-DHM	70.000.000	39.764.000.000
28	12/05/2025	77/XNN-DHM	150.000.000	39.914.000.000
29	28/05/2025	78/XNN-DHM	45.000.000	39.959.000.000
30	29/05/2025	79/XNN-DHM	1.015.000.000	40.974.000.000
31	02/06/2025	80/XNN-DHM	360.000.000	41.334.000.000

32	03/06/2025	81/XNN-DHM	770.000.000	42.104.000.000
33	04/06/2025	82/XNN-DHM	140.000.000	42.244.000.000
34	05/06/2025	83/XNN-DHM	45.000.000	42.289.000.000
35	25/07/2025	84/XNN-DHM	160.000.000	42.449.000.000
36	28/07/2025	85/XNN-DHM	620.000.000	43.069.000.000
37	29/07/2025	86/XNN-DHM	1.100.000.000	44.169.000.000
38	30/07/2025	87/XNN-DHM	8.250.000.000	52.419.000.000
39	31/07/2025	88/XNN-DHM	6.100.000.000	58.519.000.000
40	04/08/2025	89/XNN-DHM	1.000.000.000	59.519.000.000
41	05/08/2025	90/XNN-DHM	700.000.000	60.219.000.000
42	06/08/2025	91/XNN-DHM	4.315.000.000	64.534.000.000
43	13/08/2025	92/XNN-DHM	220.000.000	64.754.000.000
44	15/08/2025	93/XNN-DHM	5.220.000.000	69.974.000.000
45	18/08/2025	94/XNN-DHM	14.610.000.000	84.584.000.000
46	20/08/2025	95/XNN-DHM	2.340.000.000	86.924.000.000
47	21/08/2025	96/XNN-DHM	420.000.000	87.344.000.000
48	25/08/2025	97/XNN-DHM	670.000.000	88.014.000.000
49	26/08/2025	98/XNN-DHM	1.950.000.000	89.964.000.000
50	27/08/2025	99/XNN-DHM	20.940.000.000	110.904.000.000
51	28/08/2025	100/XNN-DHM	950.000.000	111.854.000.000
52	03/09/2025	101/XNN-DHM	400.000.000	112.254.000.000
53	04/09/2025	102/XNN-DHM	3.100.000.000	115.354.000.000
54	05/09/2025	103/XNN-DHM	1.400.000.000	116.754.000.000
55	08/09/2025	104/XNN-DHM	830.000.000	117.584.000.000
56	09/09/2025	105/XNN-DHM	12.310.000.000	129.894.000.000
57	10/09/2025	106/XNN-DHM	15.210.000.000	145.104.000.000
58	11/09/2025	107/XNN-DHM	160.000.000	145.264.000.000
59	12/09/2025	108/XNN-DHM	700.000.000	145.964.000.000
60	15/09/2025	109/XNN-DHM	640.000.000	146.604.000.000
61	16/09/2025	110/XNN-DHM	880.000.000	147.484.000.000
62	17/09/2025	111/XNN-DHM	1.050.000.000	148.534.000.000
63	18/09/2025	112/XNN-DHM	4.350.000.000	152.884.000.000
64	19/09/2025	113/XNN-DHM	800.000.000	153.684.000.000
65	24/09/2025	114/XNN-DHM	12.800.000.000	166.484.000.000
66	21/10/2025	115/XNN-DHM	1.000.000.000	167.484.000.000
67	22/10/2025	116/XNN-DHM	6.800.000.000	174.284.000.000
68	29/10/2025	117/XNN-DHM	400.000.000	174.684.000.000

69	30/10/2025	118/XNN-DHM	1.190.000.000	175.874.000.000
70	23/12/2025	119/XNN-DHM	8.800.000.000	184.674.000.000
71	26/12/2025	120/XNN-DHM	3.900.000.000	188.574.000.000
72	22/01/2026	121/XNN-DHM	3.850.000.000	192.424.000.000
73	05/02/2026	122/XNN-DHM	7.576.000.000	200.000.000.000
		Tổng cộng	**200.000.000.000**	

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1901 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày 26 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xi măng Liên Khê và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng nộp ngày 21/3/2017, hồ sơ bổ sung nộp ngày 07/4/2017;

Căn cứ báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 79/BC-KHĐT ngày 18/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số: 0200732579 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 3 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 23 tháng 8 năm 2016.

Địa chỉ trụ sở: Thôn Thủy Minh, xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Đào Hải Mạnh, sinh ngày: 26/11/1979, quốc tịch: Việt Nam, Chứng minh nhân dân số: 034079000674 do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 06/8/2015; Địa chỉ thường trú đồng thời là chỗ ở hiện tại: Số 132 tổ 35, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Chức danh: Tổng Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY XI MĂNG LIÊN KHÊ.

2. Mục tiêu dự án: Mục tiêu dự án thực hiện theo Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/08/2011.

3. Quy mô dự án: Xây dựng nhà máy xi măng công suất 1.200.000 tấn/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 216.019,23 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.419.497.088.000 đồng *(Ba nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, bốn trăm chín mươi bảy triệu, không trăm tám mươi tám nghìn đồng)*.

7. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn tự có: 847.734.088.000 đồng.

- Vốn vay: 2.571.763.000.000 đồng.

8. Thời hạn hoạt động của dự án: 30 năm, kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

9. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Năm 2007 -2015: Hoàn thiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Năm 2016-2017: Thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng và thủ tục xin cấp mỏ sét.

- Năm 2018-2019: Xây dựng, lắp đặt thiết bị và hoàn thành dự án đưa vào sử dụng.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xi măng Liên Khê của Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng không nằm trong Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư (Ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ).

Điều 3. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư: Sau 12 tháng, kể từ ngày ký Quyết định, nhà đầu tư không triển khai dự án theo tiến độ đăng ký (trừ trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án theo quy định) thì Quyết định này hết hiệu lực.

Điều 4. Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng có trách nhiệm:

- Phải sử dụng công nghệ hiện đại của các nước tiên tiến trên thế giới (thuộc nhóm G7) với các thiết bị được cung cấp bởi các nhà sản xuất liên doanh giữa các nước thuộc nhóm G7 với các nước thuộc khu vực Châu Á;

- Cung cấp tài liệu để các cơ quan chuyên môn kiểm tra về nguồn gốc xuất xứ thiết bị trước khi khởi công xây dựng;

- Phối hợp cùng chính quyền địa phương tổ chức công bố công khai quy hoạch phát triển xi măng, nội dung đầu tư, công nghệ, tiêu chí về môi trường của dự án để nhân dân địa phương được biết, giám sát trong quá trình thực hiện;

- Triển khai dự án theo đúng quy hoạch, tiến độ đăng ký; có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, lao động và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Giao các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên thường xuyên giám sát, kiểm tra Chủ đầu tư trong suốt quá trình triển khai thực hiện Dự án và đưa Nhà máy xi măng Liên Khê vào vận hành, trong đó đặc biệt lưu ý về công nghệ, xuất xứ thiết bị và các biện pháp bảo vệ môi trường.

Điều 6. Quyết định này thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000065 ngày 25/5/2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 1 ngày 28/8/2012.

Điều 7. Quyết định này được lập thành 03 bản. Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng được cấp 01 bản, 01 bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và 01 bản được lưu tại Ủy ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 7;
- Các Sở: XD, TNMT, CT, KHCN;
- Cảnh sát PC&CC;
- UBND huyện Thủy Nguyên;
- CVP, PCVP B.B.S;
- Các Phòng: NNTNMT, XDGTCT;
- CV: ĐC1, XD, CT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tùng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 66886 01 Quyển số SCT/BS
Ngày: 30-09-2026
Người thực hiện chứng thực

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Bảo Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN SAO

Số: 4533/QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày 26 tháng 7 năm 2017)

(điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 29 tháng 12 năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư quy định nhà đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xi măng Liên Khê của Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng;

Xét báo cáo và đề nghị của Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng ngày 18/5/2022; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 171/BC-KHĐT ngày 23/6/2022; Văn bản số 2976/KHĐT-KTN ngày 30/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xi măng Liên Khê đã được chấp thuận

tại Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Thông tin Nhà đầu tư:

Theo Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố	**Điều chỉnh kỳ này**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số 0200732579 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; đăng ký đăng ký lần đầu ngày 13/3/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 23/8/2016.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số 0200732579 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp; đăng ký đăng ký lần đầu ngày 13/3/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ **11** ngày 25/9/2020.

2. Tiến độ thực hiện Dự án:

Theo Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố	**Điều chỉnh kỳ này**
- Năm 2007 - 2015: Hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. - Năm 2016 - 2017: Thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng và hoàn thiện thủ tục xin cấp mỏ sét. - Năm 2018 - 2019: Xây dựng, lắp đặt thiết bị và hoàn thành Dự án đưa vào sử dụng.	- Năm 2007 - 2015: Hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. - Năm 2016 - Quý I/2022: Thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng và hoàn thiện thủ tục xin cấp phép các hạng mục còn lại của nhà máy, các thủ tục pháp lý khác. - Quý II/2022 - Quý III/2023: Thực hiện xây dựng các công trình nhà máy và lắp đặt thiết bị. - Quý **IV/2023**: Hoàn thành các công trình hạ tầng và đưa dự án Nhà máy xi măng Liên Khê vào sử dụng.

3. Thời hạn hiệu lực của Quyết định chủ trương đầu tư:

Theo Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố	**Điều chỉnh kỳ này**
Điều 3. Thời hạn hiệu lực của quyết định chủ trương đầu tư: Sau 12 tháng, kể từ ngày ký Quyết định, Nhà đầu tư không triển khai Dự án theo tiến độ đăng ký (trừ trường hợp được giãn tiếp tiến độ thực hiện Dự án theo quy định) thì Quyết định này hết hiệu lực.	Điều 3. Thời điểm có hiệu lực của quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: Kể từ ngày ký ban hành và hết hiệu lực khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Các nội dung khác tại Quyết định chủ trương đầu tư số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố không thay đổi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng có trách nhiệm:

- Triển khai dự án theo đúng tiến độ được chấp thuận; tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, quy hoạch, tài nguyên, khoáng sản, môi trường, phòng cháy chữa cháy, thuế và pháp luật có liên quan.

- Đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, quy mô, tiến độ được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

- Thực hiện thủ tục bảo đảm thực hiện Dự án theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện Dự án đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2020; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật hiện hành; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Quyết định này và Quyết định chủ trương đầu tư số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện quản lý nhà nước và giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư giám sát, đôn đốc Nhà đầu tư thực hiện thủ tục bảo đảm thực hiện Dự án theo quy định pháp luật về đầu tư; thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của Dự án trong trường hợp Nhà đầu tư không thực hiện thủ tục bảo đảm Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công

Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, và Thủ trưởng các ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:
- CT và các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: XD,GT&CT; NN,TN&MT, NC& KT,GS;
- CV: XD3, XD;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Quân

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 66889 Quyển số 01 SCT/BS
Ngày: 30 -09- 2026
Người thực hiện chứng thực

S.Đ.K.H.Đ.33 - C.T.T - VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN LÂM - P.VĨNH HƯNG - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Bảo Lâm

T.H.Đ - HÀ NỘI

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3908/QĐ-UBND	

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày 26/7/2017)

(điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 29/12/2022)

(điều chỉnh lần thứ hai: ngày 24 /10/2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trong quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư quy định nhà đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xi măng Liên Khê của Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng;

Căn cứ Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 4533/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng nộp ngày 25/12/2023; Văn bản giải trình số 47/2024/CV-BĐ ngày 10/6/2024 và đề xuất điều chỉnh dự án hoàn thiện;

Theo Báo cáo thẩm định số 186/BC-KHĐT ngày 25/6/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy xi măng Liên Khê đã được chấp thuận tại Quyết định chủ trương đầu tư số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 4533/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố với nội dung điều chỉnh như sau:

1. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

Theo Quyết định số 4533/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố	**Điều chỉnh kỳ này**
- Năm 2007 - 2015: Hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. - Năm 2016 - Quý I/2022: Thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng và hoàn thiện thủ tục xin cấp phép các hạng mục còn lại của nhà máy, các thủ tục pháp lý khác. - Quý II/2022 - Quý III/2023: Thực hiện xây dựng các công trình nhà máy và lắp đặt thiết bị. - Quý IV/2023: Hoàn thành các công trình hạ tầng và đưa dự án Nhà máy xi măng Liên Khê vào sử dụng.	- Năm 2007 - 2015: Hoàn thiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. - Năm 2016 – Quý I/2022: Thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng và hoàn thiện thủ tục xin cấp phép các hạng mục còn lại của nhà máy, các thủ tục pháp lý khác. - Quý II/2022 – **Quý IV/2024**: Thực hiện xây dựng các công trình nhà máy và lắp đặt thiết bị. - Quý I/2025 – Quý III/2025: Chạy thử, căn chỉnh, hiệu chỉnh đơn động, liên động và kết nối các tín hiệu nhà điều khiển trung tâm; Vận hành thử nghiệm, hiệu chỉnh năng suất công đoạn sản xuất clinker, công đoạn nghiền xi. - **Quý IV/2025**: Xin giấy phép môi trường, nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2. Các nội dung khác tại Quyết định chủ trương đầu tư số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 và Quyết định điều chỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 4533/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố không thay đổi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1. Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng có trách nhiệm:

- Huy động đủ nguồn vốn, áp dụng những công nghệ xây dựng tiên tiến, tổ chức thi công khoa học, xem xét triển khai thi công đồng thời các hạng mục công trình nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng, đảm bảo hoàn thành Dự án, đưa công trình vào sử dụng theo đúng tiến độ điều chỉnh nêu trên.

- Triển khai Dự án theo nội dung điều chỉnh kỳ này và các nội dung quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 4533/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố và các văn bản liên quan; tuân thủ và chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, thuế, an toàn công trình, an ninh, trật tự tại khu vực thực hiện Dự án, các quy định pháp luật khác có liên quan và các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Thực hiện cam kết tại Văn bản số 47/2024/CV-BĐ ngày 10/6/2024 của Công ty.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện Dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020, Điều 102 và điểm a khoản 1 Điều 104 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư năm 2020; Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định tại Điều 70, khoản 8 và điểm a khoản 11 Điều 100, Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định các dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

2. Các Sở, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm:

Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật hiện hành và theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện các trách nhiệm được quy định tại Quyết định này và Quyết định chủ trương đầu tư số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 4533/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện quản lý nhà nước và giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chủ trương đầu tư số 1901/QĐ-UBND ngày 26/7/2017, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 4533/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng và một bản được lưu tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: XD,GT&CT; NN,TN&MT, NC&KT,GS;
- CV: XD3;
- Lưu: VT, XD2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Anh Quân

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 66888 01 Quyển số 01 SCT/BS
Ngày: 30 -09- 2026
Người thực hiện chứng thực

S.Đ.K.H.Đ: 33 - C.T.S
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN LÂM
P. VĨNH HƯNG - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Bảo Lâm

BẢN SAO

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 1531 /GP-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2014

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 03 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2011; Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2008 và Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-HĐTL/CĐ ngày 29 tháng 8 năm 2008 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản (nay là Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia) về việc công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên mỏ đá vôi Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; ý kiến của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tại Công văn số 16/HĐTLKS ngày 26 tháng 11 năm 2012 về việc chuyển đổi tài nguyên đá vôi núi Ngà Voi (núi Ông Hậu), mỏ đá vôi Tràng Kênh, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng thành trữ lượng;

Căn cứ Quyết định số 1110/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 7 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng công

trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại núi Ngà Voi (núi Ông Hậu), xã Minh Tân, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tại Công văn số 2143/UBND-KS ngày 03 tháng 4 năm 2014 và Công văn số 4984/UBND-KS ngày 08 tháng 8 năm 2012 về việc khai thác đá vôi tại núi Ngà Voi, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000441 ngày 19 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp cho Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại khu vực núi Ngà Voi, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng;

Xét đơn và hồ sơ của Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng đề nghị cấp phép khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại khu vực núi Ngà Voi (núi Ông Hậu) thuộc xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam ngày 28 tháng 02 năm 2014, nộp bổ sung ngày 05 tháng 5 năm 2014;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ***Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng*** khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại khu vực núi Ngà Voi (núi Ông Hậu) thuộc xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1. Diện tích khu vực khai thác: 21,5 ha (hai mươi mốt phẩy năm hecta), thuộc tờ bản đồ tỷ lệ 1/50.000 số hiệu F-48-82-A (hệ VN-2000) được giới hạn bởi các điểm khép góc có toạ độ như Phụ lục 1 và bản đồ của Phụ lục 2 Giấy phép này;

2. Mức sâu khai thác: đến mức ± 0 m;

3. Khối trữ lượng khai thác: tại các khối cấp 121 và 122 trong khu vực đã được Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia phê duyệt;

4. Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất: 28.979.000 tấn đá vôi;

- Trữ lượng khai thác: 28.630.841 tấn đá vôi;

5. Công suất khai thác: 1.236.561 tấn đá vôi/năm (riêng năm thứ 2 khai thác là 1.051.077 tấn và năm cuối cùng khai thác vét là 375.422 tấn);

6. Thời hạn khai thác: 25 năm, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ và thời gian khai thác vét kết hợp cải tạo, phục hồi môi trường là 01 năm.

Điều 2. ***Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng*** có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giá trị và thời gian đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Phụ lục 3 Giấy phép này.

3. Tiến hành hoạt động khai thác đá vôi theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất, địa chỉ chế biến, tiêu thụ sản phẩm quy định tại Điều 1 và Phụ lục 4 Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Bộ Tư lệnh Quân khu 3 để chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại núi Ngà Voi (núi Ông Hậu), xã Minh Tân, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định.

6. Phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng tổ chức khai thác theo phương án đã được hai bên cam kết tại khu vực giáp ranh, bảo đảm an toàn và thu hồi tối đa các sản phẩm khai thác từ mỏ đá vôi núi Ngà Voi (núi Ông Hậu); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

Trong quá trình khai thác phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ.

7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến khoáng sản phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và đúng theo quy định tại Phụ lục 4 Giấy phép này.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác đá vôi theo Giấy phép này, ***Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng*** chỉ được phép tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng, Sở Công Thương thành phố Hải Phòng, Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng hồ sơ thiết kế mỏ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Bộ Công Thương;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Sở TN và MT thành phố Hải Phòng;
- Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Bắc;
- Công ty cổ phần Xi măng Bạch Đằng (02);
- Lưu: HS, VT, ĐCKS(Q.12).

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 66890 01 Quyển số: ..... SCT/BS
Ngày: 30-09-2026

Trần Hồng Hà

Người thực hiện chứng thực

Giấy phép khai thác khoáng sản được đăng ký nhà nước tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
Số đăng ký: 20 - 2014/ĐK-KT.
Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2014
TỔNG CỤC TRƯỞNG

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Minh Cao Lâm

Nguyễn Văn Thuấn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục 1

TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI NÚI NGÀ VOI (NÚI ÔNG HẬU), XÃ MINH TÂN, HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1331 /GP-BTNMT ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Điểm góc	Hệ toạ độ VN-2000 *Kinh tuyến trục 105^0, múi chiếu 6^0*	
	X (m)	Y (m)
1	2321 215	675 758
2	2321 149	675 949
3	2321 088	675 900
4	2321 023	676 152
5	2320 816	676 236
6	2320 784	675 459
7	2320 875	675 465
Diện tích: 21,5 ha		

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục 3

TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1331 /GP-BTNMT ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Tổng số tiền phải nộp: **35.106.203.000** đồng

(Ba mươi năm tỷ, một trăm linh sáu triệu, hai trăm linh bà nghìn đồng)

Lần nộp	Năm	Mức thu (đồng)
1	2014	2.808.496.000
2	2015	2.808.496.000
3	2016	2.808.496.000
4	2017	2.808.496.000
5	2018	2.808.496.000
6	2019	2.808.496.000
7	2020	2.808.496.000
8	2021	2.808.496.000
9	2022	2.808.496.000
10	2023	2.808.496.000
11	2024	2.808.496.000
12	2025	2.808.496.000
13	2026	1.404.251.000

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phụ lục 4

CÔNG SUẤT KHAI THÁC HÀNG NĂM VÀ ĐỊA CHỈ, CHẾ BIẾN, TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC

(kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1551 /GP-BTNMT ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Năm khai thác	Công suất khai thác (tấn/năm)	Sản phẩm chế biến sâu	Địa chỉ chế biến, tiêu thụ sản phẩm sau khai thác
1	Năm thứ nhất (XDCB)	0	Xi măng	Nhà máy xi măng Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng
2	Năm thứ 2	1.051.077		
3	Từ năm thứ 3 đến năm thứ 24	1.236.561		
4	Năm thứ 25	375.422		

BẢN SAO

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 104 /QĐ-CĐTNĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Công bố hoạt động Cảng thủy nội địa xuất nhập hàng hóa Nhà máy xi măng Liên Khê

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-BGTVT ngày 08/1/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị công bố cảng thủy nội địa của Công ty Cổ phần xi măng Bạch Đằng và hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Pháp chế - Thanh tra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố hoạt động Cảng thủy nội địa xuất nhập hàng hóa Nhà máy xi măng Liên Khê, với các nội dung:

1. Tên cảng: Cảng thủy nội địa xuất nhập hàng hóa Nhà máy xi măng Liên Khê.

2. Vị trí cảng: từ Km 10 + 700 đến Km 11 + 150, bờ Phải sông Đá Bạc, thuộc xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Chủ cảng: Công ty Cổ phần xi măng Bạch Đằng

- Địa chỉ: thôn Thủy Minh, xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;

- Điện thoại: 0243 5683001.

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200732579 đăng ký lần đầu ngày 13/3/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25/9/2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

5. Cảng thuộc loại: Cảng hàng hóa.

6. Cấp kỹ thuật: Cảng cấp II.

7. Vùng đất cảng: Diện tích 75.250,56m^2.

8. Kết cấu công trình cảng: gồm 04 cầu cảng, kết cấu dầm bản bằng bê tông cốt thép, trên nền cọc bê tông cốt thép, Cầu cảng số 1 có chiều dài 52m dọc theo sông, chiều rộng 20m; Cầu cảng số 2, Cầu cảng số 3, Cầu cảng số 4 có kích thước như nhau chiều dài 40m dọc theo sông, chiều rộng 20m, cao trình mặt các cầu cảng +5,0m, cao độ đáy -7,0m (hệ cao độ Nhà nước).

Kè bảo vệ bờ kết cấu dạng mái nghiêng xây bằng đá hộc xây chiều dài 450m.

9. Vùng nước cảng: chiều dài 450m dọc theo sông, chiều rộng 30m tính từ mép ngoài cầu cảng trở ra sông.

10. Thiết bị xếp dỡ sử dụng cẩu, băng tải để xếp dỡ hàng hóa.

11. Cảng được phép tiếp nhận phương tiện thủy có trọng tải toàn phần đến 5.000 tấn. Căn cứ tình hình điều kiện thực tế tuyến luồng, tĩnh không các công trình vượt sông, kết cấu công trình cầu cảng, cơ sở hạ tầng của cảng, khí tượng thủy văn, cao trình mực nước tại cảng, Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I phối hợp với chủ cảng, thuyền trưởng quyết định cho phương tiện thủy có kích thước, chiều cao, mớn nước, trọng tải phù hợp vào, rời hoạt động tại cảng bảo đảm an toàn.

Điều 2. Trong quá trình khai thác cảng, chủ cảng có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về giao thông đường thuỷ nội địa, quy hoạch, đất đai, bảo vệ môi trường và thực hiện các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Không cho phương tiện vào, rời cảng khi chưa được Cảng vụ Đường thủy nội địa cấp giấy phép; không xếp hàng hóa xuống phương tiện thủy quá vạch dấu mớn nước an toàn, không xếp hàng hóa lên ô tô vượt quá tải trọng cho phép.

Điều 3. Cảng vụ Đường thuỷ nội địa khu vực I thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng và thu các khoản phí, lệ phí theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị đến hết ngày 31/1/2027.

Điều 5. Các ông Chánh Văn phòng Cục, Trưởng phòng Pháp chế - Thanh tra, Trưởng các phòng có liên quan, Chi cục trưởng Chi cục Đường thuỷ nội địa khu vực I, Giám đốc Cảng vụ Đường thuỷ nội địa khu vực I, Công ty Cổ phần xi măng Bạch Đằng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Cục trưởng (để b/cáo);
- Lưu: VT, PCTTr.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 66887 Quyển số 01-SCT/BS
Ngày: 30-09-2026
Người thực hiện chứng thực

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA VIỆT NAM

Hoàng Minh Toàn

CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đình Bảo Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 22/2026/NQ-HĐQT-MCST	*Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

V/v: Thông qua triển khai phân phối cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và ngày đăng ký cuối cùng nhận quyền mua cổ phiếu chào bán thêm và quyền nhận cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;*
- *Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ngày 24/04/2026;*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST;*
- *Căn cứ Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 470/GCN-UBCK ngày 05/10/2026 do Chủ tịch UBCKNN cấp;*
- *Căn cứ Công văn số 9951/UBCK-QLCB ngày 07/10/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của ALV;*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty số 22/BBH-HĐQT-MCST ngày 08/10/2026.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và quyền nhận cổ tức năm 2025 bằng cổ phiếu: Ngày 23/10/2026 (thứ Sáu)

Điều 2. Thông qua việc triển khai phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
2. Mã chứng khoán: ALV
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: **9.618.358 cổ phiếu**
5. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
6. Tỷ lệ thực hiện: 1:1 (*tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua cổ phiếu và cứ 01 quyền mua cổ phiếu sẽ được mua 01 cổ phiếu mới chào bán thêm theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị)*. Cổ phiếu quỹ không được phân bổ quyền mua.
7. Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được chào bán hết do cổ đông không thực hiện quyền mua:

- Nguyên tắc làm tròn cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ 1:1 nên không có cổ phiếu lẻ do làm tròn.
- Phương án cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua: Cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua phát sinh (nếu có), HĐQT thực hiện chào bán cho các đối tượng khác theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua. Số cổ phiếu chào bán theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

8. Quy định về chuyển nhượng quyền mua:

- Thời gian chuyển nhượng quyền mua: Từ ngày 02/11/2026 đến ngày 23/11/2026.
- Quyền mua được phép chuyển nhượng 01 lần duy nhất. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba. Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng.

  Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Cổ đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho người thứ ba.

9. Quy định về chứng khoán đặt mua

- Thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 02/11/2026 đến ngày 26/11/2026
- Chứng khoán đặt mua là loại tự do chuyển nhượng

10. Địa điểm thực hiện:

- Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
- Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại trụ sở chính Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST, Số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:

- Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST
- Số tài khoản: 1290 213 115
- Ngân hàng mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai

Điều 3. Hội đồng quản trị giao và ủy quyền cho Bà Lê Thị Thảo – Tổng Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật chỉ đạo các phòng ban liên quan thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty tiến hành triển khai việc phân phối cổ phiếu ra công chúng và phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 theo đúng quy định, báo cáo kết quả chào bán, phát hành với Hội đồng quản trị.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban Công ty, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- *Như Điều 4;*
- *BKS;*
- *CBTT (web cty);*
- *Lưu VT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

Lâm Thu Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2026/NQ-HĐQT-MCST	*Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(V/v: triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 26/11/2019;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ("**Công ty**");*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ngày 24/04/2026;*
- *Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 18/2026/BBH-HĐQT-MCST của Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST ngày 30/9/2026.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chi tiết triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn MCST nhất trí thông qua triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/04/2026, chi tiết như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn MCST
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Mã chứng khoán: ALV
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 9.618.358 cổ phiếu
6. Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
7. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 9.618.358 cổ phiếu
8. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: **961.835** cổ phiếu
9. Tổng giá trị phát hành dự kiến theo mệnh giá: 9.618.350.000 đồng
10. Tỷ lệ phát hành: 10%.

11. Tỷ lệ thực hiện quyền: **10 : 1** *(Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 10:1. Tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ phiếu, cứ 10 quyền sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu phát hành thêm).*

12. Mục đích phát hành: Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025

13. Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại Báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán của Công ty. Chi tiết như sau:

TT	Nguồn vốn	Giá trị (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9.618.350.000
	Tổng cộng	**9.618.350.000**

14. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến trong Quý IV năm 2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản cho Công ty và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được tài liệu phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty.

    Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu sẽ được quyết định cùng ngày với ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2026 của Công ty (tỷ lệ chào bán 1:1) để đảm bảo tỷ lệ các đợt phát hành, chào bán theo đúng phương án phát hành, chào bán cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

15. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu phát hành thêm do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

16. Phương thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền, cổ phiếu quỹ không được phân bổ quyền nhận cổ phiếu. Quyền nhận cổ phiếu không được chuyển nhượng.

17. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng.

18. Nguyên tắc làm tròn và phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ (nếu có):

    Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được làm tròn đến hàng đơn vị, phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) do làm tròn sẽ được hủy bỏ.

    Cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ 10%, tỷ lệ thực hiện quyền 10 : 1.

    - Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, cổ đông A sở hữu 155 cổ phiếu. Khi đó, số cổ phiếu cổ đông A được nhận là (155 : 10 x 1) = 15,5 cổ phiếu. Sau khi làm tròn đến hàng đơn vị, số cổ phiếu thực tế mà cổ đông A được nhận là 15 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,5 sẽ bị hủy bỏ.

19. Phương thức phân phối: Cổ phiếu được phân phối trực tiếp cho các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ phiếu.

- Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ phiếu phát hành tại các Thành viên lưu ký nơi mở Tài khoản lưu ký chứng khoán.
- Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ phiếu phát hành tại Trụ sở Công ty Cổ phần Tập đoàn MCST.

Điều 2. Thông qua việc đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung cho toàn bộ cổ phiếu phát hành thêm tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc cùng các phòng ban, cá nhân có liên quan thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BKS;
- CBTT;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3300529819 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Lâm Thu Huyền

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 470 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Chứng khoán);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 115/2025/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty cổ phần Tập đoàn MCST;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý chào bán chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MCST

– Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MCST GROUP JOINT STOCK COMPANY;

– Tên công ty viết tắt: MCST GROUP.,JSC;

– Địa chỉ trụ sở chính: Số 77-79 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

– Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3300529819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2008 và Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 14 tháng 10 năm 2025;

– Vốn điều lệ: 96.183.580.000 đồng *(Chín mươi sáu tỷ một trăm tám mươi*

ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn MCST được chào bán thêm ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu *(Mười nghìn đồng)*;

3. Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu;

4. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 9.618.358 cổ phiếu *(Chín triệu sáu trăm mười tám nghìn ba trăm năm mươi tám cổ phiếu)*;

5. Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 96.183.580.000 đồng *(Chín mươi sáu tỷ một trăm tám mươi ba triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng)*;

6. Thời gian phân phối: trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực;

7. Phương thức phân phối: theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;

8. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán UP.

Điều 3. Công ty cổ phần Tập đoàn MCST và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ tuân thủ quy định tại Điều 11a Luật Chứng khoán và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận, xử lý hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 11a Luật Chứng khoán và điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành năm (05) bản gốc (trong đó: 01 bản cấp cho Công ty cổ phần Tập đoàn MCST, 02 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam) và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

BỘ TÀI CHÍNH ★ ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC ★

Hoàng Văn Thu

BỘ TÀI CHÍNH **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 9951/UBCK-QLCB V/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của ALV	*Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi: Công ty cổ phần Tập đoàn MCST

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) nhận được Tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Báo cáo phát hành số 67/2026/CV-MCST ngày 30/9/2026 của CTCP Tập đoàn MCST (Công ty/Mã CK: ALV/đăng ký giao dịch tại Upcom). UBCKNN có ý kiến như sau:

1. CTCP Tập đoàn MCST và các tổ chức, cá nhân liên quan đến Tài liệu báo cáo tuân thủ quy định tại Điều 11a Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Chứng khoán) và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

2. UBCKNN tiếp nhận, xử lý Tài liệu báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 11a Luật Chứng khoán và điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025.

3. UBCKNN đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ Tài liệu báo cáo của Công ty. Phương án phát hành được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-MCST ngày 24/04/2026, Nghị quyết HĐQT số 18/2026/NQ-HĐQT-MCST ngày 30/9/2026 và các quy định của pháp luật hiện hành.

4. UBCKNN đề nghị Công ty công bố thông tin và thực hiện việc phát hành cổ phiếu theo quy định tại Điều 69 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

UBCKNN thông báo để Công ty được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch UBCK (để b/c);
- PCT Hoàng Văn Thu (để b/c);
- HNX;
- VSDC;
- Ban GSĐC;
- Lưu: VT, QLCB (08b).

TL. CHỦ TỊCH
TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN

BỘ TÀI CHÍNH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Khương Tiến Hùng

Scanned with CamScanner